

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ TUÂN THỦ CÁC CHUẨN MỰC VÀ QUY TẮC



LĨNH VỰC KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN

Việt Nam, 2016

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ TUÂN THỦ CÁC CHUẨN MỤC VÀ QUY TẮC (ROSC) LĨNH VỰC KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN

Việt Nam, 2016

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT	3
LỜI NÓI ĐẦU	4
TÓM TẮT TỔNG QUAN	6
I. GIỚI THIỆU	13
II. YÊU CẦU VÀ NHẬN THỨC VỀ CHẤT LƯỢNG CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN	19
III. KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ	22
IV. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN	25
V. CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN	32
VI. CÁC YÊU CẦU VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN THEO LUẬT ĐỊNH	36
VII. KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT	41
VIII. CÁC HỘI NGHỀ NGHIỆP KẾ TOÁN KIỂM TOÁN (PAOs)	47
IX. CÁC YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ	51
X. ĐÀO TẠO KẾ TOÁN	55
PHỤ LỤC I – BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	61
PHỤ LỤC II – BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG KHU VỰC DNNN	68
PHỤ LỤC III – MỘT SỐ VÍ DỤ KHÔNG TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS)	71
PHỤ LỤC IV – CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN	75
PHỤ LỤC V – ĐẠI DIỆN CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ THAM GIA BÁO CÁO	79

TỪ VIẾT TẮT

Vụ ĐKT&KT	Vụ chế độ Kế toán và Kiểm toán	MDG	Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ
ACCA	Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc	MOET	Bộ Giáo dục và Đào tạo
AFA	Liên đoàn kế toán Châu Á	MOF	Bộ Tài chính
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á	MRA	Thỏa thuận công nhận lẫn nhau
BCP	Nguyên tắc cốt lõi Basel	NPL	Nợ xấu
BCTC	Báo cáo tài chính	PAO	Tổ chức nghề nghiệp Kế toán Kiểm toán
CAPA	Hiệp hội Kế toán Châu Á Thái Bình Dương	PPE	Đất đai, nhà xưởng, thiết bị
CPA	Kế toán viên công chứng	PIE	Đơn vị có lợi ích công chúng
CPD	Cập nhật kiến thức hàng năm	ROSC	Báo cáo về tình hình tuân thủ chuẩn mực và nguyên tắc
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	KTNN	Kiểm toán Nhà nước Việt Nam
GDP	Tổng Sản phẩm quốc nội	NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
IAASB	Hội đồng Chuẩn mực Kiểm toán và Dịch vụ bảo đảm Quốc tế	SCIC	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước
IAESB	Hội đồng Chuẩn mực đào tạo kế toán quốc tế	DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước sở hữu 100% vốn
IAS	Chuẩn mực Kế toán Quốc tế	DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
IASB	Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế	SMO	Tuyên bố nghĩa vụ hội viên
IASC	Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế	NHTMNN	Ngân hàng Thương mại Nhà nước
IES	Chuẩn mực đào tạo quốc tế	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
IFAC	Liên đoàn Kế toán Quốc tế	USD	Đô la Mỹ
IFRIC	Ủy ban Hướng dẫn Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế	VAA	Hiệp hội Kế toán Việt Nam
IFRS	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế	VAASB	Cơ quan Giám sát Kế toán và Kiểm toán Việt Nam
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế	VACPA	Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam
INTOSAI	Tổ chức quốc tế các Cơ quan kiểm toán tối cao	VAMC	Công ty quản lý tài sản Việt Nam
IPO	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	VAS	Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
ISA	Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế	VFRS	Chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam
ISB	Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm	VSA	Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam
		VND	Đồng Việt Nam
		WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

Đơn vị tiền tệ: Đồng (VND)

US\$ 1 = 21.890VND (theo tỷ giá 31 tháng 12 năm 2015)

LỜI NÓI ĐẦU

Báo cáo đánh giá sự tuân thủ các Chuẩn mực và Quy tắc (ROSC) là sáng kiến chung của Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế nhằm hỗ trợ các quốc gia thành viên củng cố hệ thống tài chính bằng việc tăng cường tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc quốc tế được công nhận. Công cụ ROSC được đưa ra trong bối cảnh khủng hoảng tài chính cuối thập niên 90 cùng với một loạt các biện pháp khác nhằm củng cố cấu trúc tài chính quốc tế. Cộng đồng tài chính toàn cầu cho rằng việc áp dụng các chuẩn mực và quy tắc quốc tế sẽ tạo ra một khuôn khổ để củng cố các tổ chức tài chính trong nước, phát hiện những yếu kém tiềm tàng và tăng cường minh bạch.

Diễn đàn Ổn định Tài chính và Hội nghị Thượng đỉnh G22 đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết lập các chuẩn mực và quy tắc kế toán, kiểm toán được quốc tế chấp nhận nhằm tăng cường tính minh bạch, giảm nhẹ rủi ro bất ổn tài chính - kinh tế và nâng cao tính hiệu quả của thị trường. Mục tiêu cuối cùng của ROSC là nhằm tăng cường khả năng đối phó của các quốc gia thành viên trước các cú sốc cũng như hỗ trợ tốt hơn quá trình đánh giá rủi ro và đưa ra các quyết định đầu tư thông qua việc xây dựng báo cáo thuộc 12 lĩnh vực chủ chốt¹.

Báo cáo ROSC Việt Nam về Kế toán và Kiểm toán được xây dựng với sự hợp tác chặt chẽ của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan². Quá trình đánh giá được thực hiện với sự tham gia của các bên liên quan và các đại diện trong ngành kế toán, kiểm toán thông qua các cuộc họp và thảo luận kỹ thuật do các cơ quan Chính phủ Việt Nam làm đầu mối và điều phối.

Báo cáo ROSC tập trung vào việc đánh giá các chuẩn mực kế toán, kiểm toán và thực tế áp dụng tại các đơn vị có lợi ích công chúng, cũng như khuôn khổ thể chế của hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp tại Việt Nam. Báo cáo này tham chiếu một số khuyến nghị quan trọng trong báo cáo “Tăng cường năng lực cho Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán Bộ Tài chính Việt Nam” ngày 8 tháng 6 năm 2015 (sau đây gọi tắt là “Báo cáo Tăng cường năng lực cho Vụ CĐKT&KT”), do Vụ CĐKT&KT chủ trì và được tài trợ bởi nguồn vốn IDA của Ngân hàng Thế giới.

1 12 lĩnh vực mà Báo cáo ROSC đề cập là minh bạch dữ liệu, minh bạch chính sách tài khóa, minh bạch chính sách tiền tệ và tài chính, giám sát ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, hệ thống thanh toán, phòng chống rửa tiền và khủng bố tài chính, quản trị doanh nghiệp, kế toán - kiểm toán, và tình trạng mất thanh khoản và quyền của chủ nợ.

2 Danh sách cán bộ các cơ quan Chính phủ tham gia báo cáo được trình bày ở Phụ lục 5.

Nhóm soạn thảo báo cáo ROSC xin gửi lời cảm ơn tới các cán bộ và điều phối viên tại các cơ quan Chính phủ vì những hỗ trợ quý báu trong quá trình thực hiện đánh giá này. Báo cáo ROSC do Nhóm công tác dự án của Ngân hàng Thế giới xây dựng, bao gồm Ông Christopher Fabling (Chuyên gia Quản lý Tài chính Cao cấp, Trưởng nhóm), Bà Trần Thị Phương Mai (Chuyên gia Quản lý Tài chính Cao cấp, Đồng Trưởng nhóm), Ông Alfred Borgonovo (Chuyên gia Quản lý Tài chính cao cấp), Bà Trần Thúy Hà (Chuyên gia Quản lý Tài chính cao cấp), Ông Bill Palmer (Tư vấn Quốc tế), và Ông Đàm Trung Kiên (Tư vấn trong nước), dưới sự giám sát của Ông Roberto Tarallo và Ông Fily Sissoko, (Chủ nhiệm Bộ phận Quản trị Toàn cầu về lĩnh vực Quản lý Tài chính Công) và sự chỉ đạo của Bà Victoria Kwakwa – Phó chủ tịch Ngân hàng Thế giới và ông Ousmane Dione, Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam.

Báo cáo cũng nhận được những ý kiến tư vấn từ Ông Rajeev K. Swami (Chuyên gia Quản lý Tài Chính Trưởng) và của ban soát xét: Ông Sameer Goyal (Chuyên gia Tài chính Cao cấp), Ông Sha Ali Khan (Giám đốc Giám sát Thực hành, Hiệp hội Kế toán Anh Quốc ACCA), Bà Jiwanka Wickramasinghe (Chuyên gia Quản lý Tài chính Cao cấp), Ông Andrei Busuioc (Chuyên gia Quản lý Tài chính Cao cấp - Trung tâm Cải cách Hệ thống Báo cáo Tài chính) và Bà Nguyễn Nguyệt Anh (Cán bộ Chương trình, Tổ chức Tài chính Quốc tế). Trợ lý hành chính cho quá trình xây dựng báo cáo là Bà Nguyễn Thị Mỹ Quyên và Bà Chu Thị Kim Oanh.

TÓM TẮT TỔNG QUAN

GIỚI THIỆU

Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng cuối những năm 1980 đã đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập trung bình với mức tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người chỉ đứng sau Trung Quốc. Tuy nhiên, đà tăng trưởng đã chững lại trong những năm gần đây do môi trường toàn cầu yếu hơn và tốc độ cải cách không còn nhanh như trước. Việt Nam có tiềm năng nằm trong nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình trong vòng hai mươi năm tới, với điều kiện phải có những lựa chọn hướng đi và hành động thực tế quyết liệt để lành mạnh hóa thị trường, tạo sân chơi công bằng giữa khu vực tư nhân và doanh nghiệp nhà nước (DNNN), cũng như xây dựng nền tài chính hiện đại.

Việt Nam đang bắt đầu quá trình thực hiện hàng loạt các cải cách để hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia có mức thu nhập cao. Như được đề cập trong báo cáo “Việt Nam 2035” của Ngân hàng Thế giới gần đây, Việt Nam không thua kém các nước thu nhập trung bình cao trong các vấn đề về tính hiệu lực của Chính phủ và sự ổn định chính trị, nhưng lại xếp hạng ở mức thấp về trọng lượng tiếng nói của người dân, trách nhiệm giải trình của chính quyền và chất lượng điều tiết kinh doanh (năng lực hoạch định và thực thi chính sách phát triển khu vực tư nhân). Báo cáo chỉ ra những khía cạnh về chất lượng thể chế (hay quản trị điều hành) mà Việt Nam nên tập trung trong những năm tới để phát triển hiệu quả nhất. Báo cáo cũng chỉ ra rằng, khi các quốc gia chuyển từ nhóm dưới lên nhóm trên của các nước thu nhập trung bình, nền kinh tế của họ thường trở nên phức tạp và đa dạng hơn. Chất lượng của Chính phủ và đặc biệt là khả năng của Chính phủ trong việc vận hành và giám sát khu vực tư nhân một cách hiệu quả càng trở nên quan trọng.

Những thay đổi đó cũng chính là bối cảnh mà báo cáo này muốn đề cập tới. Những khuyến nghị của báo cáo này đưa ra các giải pháp giúp Chính phủ tăng cường tính cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc cải thiện chất lượng báo cáo tài chính doanh nghiệp và tiếp cận thông tin tài chính. Báo cáo cũng đưa ra những khuyến nghị quan trọng hỗ trợ việc cải cách DNNN và khu vực tài chính với việc tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình.

MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI CỦA BÁO CÁO

Mục tiêu tối cao của báo cáo này là nhằm giúp xây dựng một hệ thống kế toán, kiểm toán vững chắc, thông qua việc tạo lập và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc tồn tại một hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp và kiểm toán chất lượng cao. Báo cáo chỉ ra những bất cập hiện đang tồn tại và hướng giải quyết. Các khuyến nghị đưa ra nhằm mục đích hỗ trợ quá trình thực hiện “Chiến lược về Kế toán và Kiểm toán của Chính phủ tới năm 2020, tầm nhìn 2030”, làm cơ sở cho việc cập nhật kế hoạch hành động tương ứng.

Báo cáo chỉ đề cập đến báo cáo tài chính và kiểm toán theo luật định của các đơn vị có lợi ích công chúng. Các đơn vị có lợi ích công chúng theo thông lệ quốc tế và trong báo cáo này bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan đến lợi ích của công chúng do tính chất, quy mô hoạt động của đơn vị, và do đó bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước. Mục tiêu này được xác định dựa trên tầm quan trọng của báo cáo tài chính của các đơn vị có lợi ích công chúng đối với sự phát triển của thị trường vốn và nền tài chính Việt Nam. Báo cáo này không đề cập đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Chúng tôi dự kiến sẽ có nghiên cứu riêng về các DNNVV, FDI để phục vụ việc hỗ trợ xây dựng các khung pháp lý về báo cáo tài chính khác nhau cho những loại hình doanh nghiệp khác nhau tại Việt Nam.

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH HIỆN NAY

Gần 20 năm trở lại đây, Việt Nam đã có những nỗ lực trong việc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) phù hợp với thông lệ quốc tế với việc đã ban hành và triển khai áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, tuy nhiên chất lượng báo cáo tài chính của các đơn vị có lợi ích công chúng tại Việt Nam hiện chưa nhất quán với các thông lệ quốc tế tốt nhất. Bên cạnh một số doanh nghiệp có chất lượng báo cáo tài chính cao, nhìn chung chất lượng các báo cáo tài chính ở Việt Nam bị ảnh hưởng bởi những tồn tại sau:

1. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) chưa được cập nhật theo sự phát triển của IFRS.
2. Báo cáo tài chính của một số tổ chức tài chính và DNNN thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội khi lập và trình bày được ưu tiên tuân thủ các quy chế tài chính đặc thù ngành do Chính phủ ban hành hơn là các chuẩn mực kế toán.
3. Cơ chế giám sát và thực thi việc tuân thủ chuẩn mực kế toán chưa đầy đủ, do cơ quan nhà nước mới chỉ chú trọng hơn vào khâu nghiên cứu, ban hành chế độ kế toán, chưa có nhiều điều kiện thực hiện kiểm tra, giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán.

Điều này dẫn tới các báo cáo tài chính được lập khó so sánh với báo cáo tài chính của các quốc gia khác.

Nhiều đơn vị có lợi ích công chúng hiện đang được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán trong nước có năng lực và nguồn lực hạn chế hơn so với các doanh nghiệp kiểm toán là thành viên của các hãng kiểm toán quốc tế. Các công ty kiểm toán trong nước thường gặp khó khăn trong việc xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng nội bộ và thiếu hỗ trợ chuyên môn từ các hãng kiểm toán quốc tế. Đây là những vấn đề quan trọng nhằm đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế (ISA) và các Chuẩn mực Quốc tế về Kiểm soát Chất lượng, đặc biệt là khi kiểm toán ở các đơn vị có lợi ích công chúng có độ phức tạp cao. Các tiêu chí xác

định công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng hiện tại đang tập trung vào định lượng hơn là chất lượng quy trình kiểm toán.

Nhu cầu đối với báo cáo tài chính doanh nghiệp còn thấp do người sử dụng báo cáo tài chính chưa đánh giá được đầy đủ lợi ích của báo cáo tài chính. Điều này xuất phát từ ba lý do sau:

1. Ở cấp độ doanh nghiệp, khâu quản trị doanh nghiệp chưa được chú trọng, Ban kiểm soát hoạt động chưa thực sự hiệu quả đã làm giảm giá trị của kế toán, báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập.
2. Thị trường vốn chủ yếu gồm các nhà đầu tư nhỏ lẻ và phần lớn trong số họ không dựa vào báo cáo tài chính đã kiểm toán để đưa ra quyết định đầu tư.
3. Mặc dù Chính phủ đã có quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp nhưng thị trường trái phiếu doanh nghiệp đang ở mức sơ khai đồng nghĩa với việc không có đòi hỏi của trái chủ về báo cáo tài chính đã kiểm toán của doanh nghiệp.

Các hiệp định thương mại khu vực và quốc tế sẽ làm gia tăng nhu cầu về báo cáo tài chính chất lượng cao. Việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu đòi hỏi hài hòa hóa về quy định và áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất. Sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam sẽ phụ thuộc vào mức độ sẵn sàng và khả năng tham gia tích cực của Việt Nam trong quá trình thay đổi này. Ngành kế toán, kiểm toán Việt Nam cũng cần thể hiện vai trò của mình trong quá trình chuyển biến đó trước xu thế đồng nhất chuẩn mực kế toán, kiểm toán trên toàn cầu.

Chính phủ cũng đã nhận thấy cần thiết có những cải cách trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. “Chiến lược Kế toán và Kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2013 là nền tảng cho việc thực hiện các cải cách về kế toán, kiểm toán đang diễn ra ở Việt Nam. Những cải cách này được thiết kế nhằm hiện đại hóa ngành kế toán kiểm toán, nâng cao chất lượng báo cáo tài chính doanh nghiệp cũng như tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

CÁC KHUYẾN NGHỊ CHÍNH

Khuôn khổ pháp lý

Luật Kế toán và Luật Kiểm toán độc lập nên ngắn gọn hơn nữa. Luật Kế toán 2015 đã có những tiến bộ vượt xa so với Luật kế toán 2003, tuy nhiên cả Luật Kế toán và Luật Kiểm toán độc lập vẫn còn bao gồm một số quy định cụ thể mà thường chỉ nên quy định trong các văn bản dưới luật, các quy chế của các tổ chức nghề nghiệp hoặc trong chuẩn mực kế toán, kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Việc quy định quá chi tiết này dẫn đến những công việc thường xuyên như cập nhật chuẩn mực hay hướng dẫn chi tiết sẽ có thể phải phụ thuộc vào khả năng thay đổi Luật. Do vậy, trong quá trình sửa đổi sau này, cả hai Luật này nên ngắn gọn hơn nữa.

Chuẩn mực Kế toán

Việt Nam nên áp dụng đầy đủ Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) và các diễn giải liên quan của Ủy ban Diễn giải các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRIC) cho các đơn vị có lợi ích công chúng. Việc đưa ra các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Việt nam (VFRS) cần

có lộ trình cụ thể cho từng loại hình doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế khác nhau. Khi VFRS đạt đến mức tuân thủ hoàn toàn với IFRS, Việt Nam cần có cơ chế để duy trì sự tuân thủ hoàn toàn đó một cách phù hợp.

Báo cáo tài chính cho mục đích chung nên tuân thủ hoàn toàn với Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) được cập nhật theo những thay đổi của IFRS. Hiện tại một số doanh nghiệp³ khi lập và trình bày báo cáo tài chính thực hiện theo các quy định đặc thù hơn là ưu tiên áp dụng VAS. Điều này gây phức tạp cho quá trình soạn lập báo cáo tài chính và làm ảnh hưởng đến mức độ tin cậy và tính so sánh của các thông tin tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính. Điều này cũng có nghĩa là phạm vi của ý kiến kiểm toán được mở rộng ra ngoài cả sự trung thực và hợp lý theo VAS. Kiểm toán viên có thể đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần ngay cả khi báo cáo tài chính có những vấn đề trọng yếu không tuân thủ với chuẩn mực kế toán, mà tuân thủ với các quy định đặc thù liên quan.

Việt Nam nên giảm dần các trường hợp DNNN được áp dụng các hướng dẫn và quy định khác với VAS trong khoảng thời gian từ ngắn hạn đến trung hạn. Trong tương lai, Luật Kế toán nên tiếp tục sửa đổi để quy định rõ ràng rằng báo cáo tài chính cho mục đích chung cần tuân thủ hoàn toàn với VAS thay vì ưu tiên các quy định đặc thù khi lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích chung.

Việt Nam cần xây dựng một nghề thẩm định giá thực sự độc lập và chất lượng để hỗ trợ việc áp dụng chuẩn mực kế toán (đặc biệt là khái niệm “giá trị hợp lý” theo quy định của Luật kế toán 2015). Hiện nay hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam đã được xây dựng tương đối đầy đủ và phù hợp với các Tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế, bao gồm các nội dung như quy tắc đạo đức, cơ sở giá trị, quy trình thẩm định giá, phương pháp thẩm định giá, thẩm định giá một số tài sản như bất động sản, tài sản vô hình. Các tiêu chuẩn hiện nay ban đầu có thể đáp ứng được việc xác định “giá trị hợp lý” trong kế toán. Các quy định hướng dẫn riêng cho hoạt động thẩm định giá phục vụ mục đích báo cáo tài chính sẽ cần được ban hành trong tương lai.

Chuẩn mực Kiểm toán

Mặc dù hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) đã được xây dựng trên cơ sở các chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA), nhưng vẫn cần có cơ chế cập nhật thường xuyên. Việt Nam cần có một cơ chế thường xuyên để đảm bảo VSA, chuẩn mực về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán luôn được cập nhật phù hợp với sự thay đổi của các chuẩn mực quốc tế.

Vấn đề về cạnh tranh làm giảm mức phí kiểm toán cần được giải quyết thấu đáo. Đây là vấn đề quan trọng đối với quản trị doanh nghiệp và tính bền vững của nghề kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Bộ Tài chính, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và các hiệp hội nghề nghiệp cần có các quy định nhằm xây dựng được ý thức cho tất cả các công ty kiểm toán và các bên liên quan về giá trị của quy trình kiểm toán độc lập để đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính doanh nghiệp, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Một quy trình kiểm toán có chất lượng đòi hỏi một mức phí có thể đảm bảo tính bền vững.

3 Một số DNNN thực hiện mục tiêu an sinh xã hội có cơ chế tài chính đặc thù. Các công ty bảo hiểm và các tổ chức tín dụng cũng thực hiện hạch toán kế toán theo hướng dẫn đặc thù của cơ quan quản lý nhà nước trong đó có khác biệt với VAS.

Các yêu cầu về báo cáo và kiểm toán theo luật định

Bộ Tài chính cần tận dụng cơ hội từ việc ban hành Luật Kế toán mới để ban hành một khung yêu cầu báo cáo tài chính toàn diện và đa dạng. Dưới cách tiếp cận này, các đơn vị có lợi ích công chúng, như quy định hiện nay trong Luật Kiểm toán độc lập, cần phải lập và nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán tuân thủ đầy đủ VFRS. Đối với các đơn vị chưa có lợi ích công chúng nhưng lại có vị thế thương mại quan trọng và có nhu cầu tiếp cận tín dụng thì được phép lựa chọn áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (tương đương với IFRS cho doanh nghiệp nhỏ và vừa) hoặc áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán VFRS đầy đủ (tương đương với IFRS).⁴

Kiểm tra và giám sát

Việt Nam cần hướng tới xây dựng, phát triển một tổ chức phù hợp (Cơ quan Giám sát Kế toán và Kiểm toán - VAASB) để thực hiện nhiệm vụ giám sát nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Hiện nay Bộ Tài chính đang nghiên cứu phương án xây dựng VAASB từ Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán (Vụ CĐKT&KT) để tăng cường thực hiện nhiệm vụ giám sát nghề nghiệp. Ngoài việc xây dựng các chuẩn mực kế toán và kiểm toán, VAASB sẽ kiểm tra báo cáo tài chính của các đơn vị có lợi ích công chúng, cấp phép cho kiểm toán viên và kế toán viên hành nghề, kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán đối với các đơn vị có lợi ích công chúng và việc tuân thủ pháp luật đối với các vấn đề có liên quan tới lợi ích công chúng.

Việc giao các công việc này cho VAASB sẽ đem lại những lợi ích đáng kể, nếu VAASB đảm bảo đủ năng lực hoạt động, sẽ giúp thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý và tận dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và vật lực. Nhờ đó, mỗi cơ quan quản lý không cần phải xây dựng, duy trì các kỹ năng và chuyên môn chuyên ngành, giúp giảm thiểu chi phí cho các đơn vị có lợi ích công chúng thay vì phải tiếp các đoàn thanh tra khác nhau. Cơ chế này cũng có thể giúp cải thiện cơ chế kiểm tra và giám sát các DNNN hiện tại⁵. Ngoài việc giám sát về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, Bộ tài chính cũng cần quan tâm và tổ chức thực hiện việc giám sát tính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán nhằm nâng cao chất lượng của báo cáo tài chính. Đây là nội dung mới trong chức năng quản lý Nhà nước về kế toán được quy định trong Luật Kế toán 2015.

Các cơ quan quản lý nhà nước nên phát hành báo cáo thường niên về công tác kiểm tra giám sát. Các cơ quan này có thể không công khai tất cả các kết quả và các hành động giám sát, tuy nhiên nếu không công bố thông tin về công tác giám sát có thể làm cho công chúng hiểu rằng ngành hoàn toàn không có vấn đề hoặc công tác giám sát không hiệu quả. Cả hai trường hợp này đều mang lại rủi ro cho khâu quản lý.

Kể từ tháng 10 năm 2015, Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) bắt đầu công bố các công ty kiểm toán đã được đánh giá trong năm, cùng với kết quả đánh giá đạt yêu cầu/không đạt yêu cầu, nhưng không công bố các phát hiện và khuyến nghị. Chi tiết phát hiện và khuyến nghị này được gửi trực tiếp cho các công ty kiểm toán để có hành động khắc phục.

4 Các doanh nghiệp nhỏ hơn chỉ cần lập thông tin tài chính cho mục đích thuế và thống kê mà không bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính.

5 Xem chi tiết phụ lục III.

Tổ chức Nghề nghiệp kế toán kiểm toán (PAO)

Việt Nam cần có một Tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán có năng lực và quyền hạn phù hợp để thay mặt hội viên của mình, đưa ra quy chế và hoạt động phục vụ lợi ích công chúng. “Chiến lược Kế toán - Kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030” nhận định rõ sự cần thiết phải củng cố các tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán trong nước và vị trí của các tổ chức này. Mục đích là trao thêm trách nhiệm và quyền tự chủ để tổ chức hoạt động theo cách thức giống như các tổ chức nghề nghiệp quốc tế, mục tiêu là các tổ chức này thực sự là các tổ chức tự quản. Hiện tại điều này chưa được thực hiện đầy đủ, dẫn tới hai tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán trong nước, mặc dù đã là thành viên của Liên đoàn Kế toán Quốc tế nhưng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu và nghĩa vụ hội viên của Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC).

Bộ Tài chính nên từng bước chuyển giao những trách nhiệm theo yêu cầu nghĩa vụ hội viên IFAC cho một hội nghề nghiệp, song song với việc tăng cường dần năng lực cho hội, theo quy định của pháp luật để đảm bảo tuân thủ hoàn toàn Nghĩa vụ hội viên IFAC. Chiến lược chuyển giao này nên được thực hiện theo lộ trình để hội tăng cường dần năng lực của mình.

Kế toán trưởng của các đơn vị có lợi ích công chúng và những kế toán viên hành nghề dịch vụ kế toán, kiểm toán viên hành nghề nên được yêu cầu là hội viên của tổ chức nghề nghiệp. Việc này có thể được thực hiện bằng cách cấp chứng nhận hội viên đồng thời với việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề của Bộ Tài chính và yêu cầu hội viên phải đóng phí thường niên như là một trong số các điều kiện để duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận hội viên. Phí hội viên bắt buộc sẽ giúp bù đắp các chi phí cần thiết để xây dựng một tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán có uy tín.

Các yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ

Việt Nam chưa có một tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán trong nước là thành viên đầy đủ của IFAC và tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, nghĩa vụ thành viên. Điều đó có nghĩa là các chứng chỉ kế toán viên và kiểm toán viên Việt Nam chưa được công nhận ở tầm quốc tế.

Bộ Tài chính và các tổ chức nghề nghiệp trong nước cần phối hợp để xây dựng một hệ thống quy định về tổ chức thi, phổ biến kinh nghiệm thực tế và bồi dưỡng nghiệp vụ liên tục. Khung quy định này phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu của các Chuẩn mực Đào tạo Quốc tế (IES) do Ủy ban Chuẩn mực Đào tạo Kế toán Quốc tế (IAESB) ban hành.

Yêu cầu đầu vào của kỳ thi cấp chứng chỉ kế toán viên và kiểm toán viên (CPA) cũng cần được điều chỉnh cho thống nhất với các Chuẩn mực Đào tạo Quốc tế. Các kỳ thi CPA cần chú trọng nhiều hơn vào các kiến thức tổng hợp, năng lực chuyên môn và kỹ năng học tập lâu dài, những yếu tố giúp người hành nghề luôn tự cập nhật những chuẩn mực và thông lệ quốc tế mới nhất.

Đào tạo Kế toán

Đây là lĩnh vực quan trọng nhất cần được tập trung trong quá trình xây dựng ngành nghề kế toán và kiểm toán tại Việt Nam trong trung hạn. Bộ Giáo dục và Đào tạo và các trường đại học cần làm việc với các tổ chức nghề nghiệp trong nước và các tổ chức quốc tế về kế toán, kiểm toán để xây dựng khung chất lượng quốc gia cũng như chương trình giảng dạy chủ yếu cho đào tạo kế toán và kiểm toán. Khung chất lượng quốc gia và các chương trình giảng dạy này phải hướng tới tuân thủ các Chuẩn mực Đào tạo Quốc tế và đáp ứng được những nhu cầu thay đổi liên tục của môi trường kinh doanh.

Việt Nam có nhu cầu thực sự về Đào tạo kế toán chất lượng cao. Cả ACCA và CPA Australia đều hợp tác với các trường đại học trong nước nhằm mở rộng đối tượng tiếp cận, và họ đã tham gia vào công việc xây dựng năng lực cho đội ngũ cán bộ giảng dạy trong nước. Sự thành công của hai tổ chức nghề nghiệp quốc tế này, với hơn 10.000 học viên theo học là một minh chứng cho nhu cầu nói trên.

Trọng tâm của chương trình đào tạo nên chuyển dần từ việc giảng dạy các quy định kế toán trong nước sang hướng dẫn áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế để theo kịp lộ trình áp dụng của Chính phủ. Cần xây dựng mô hình đào tạo theo năng lực. Kế hoạch áp dụng các chuẩn mực kế toán và kiểm toán của Chính phủ sắp tới sẽ tạo ra nền tảng cho việc cập nhật các chương trình đào tạo cấp chứng chỉ kế toán, kiểm toán và các kỳ thi chuyên môn. Quy trình chứng nhận bằng cấp kế toán cũng cần được thiết lập để có cơ chế kiểm soát chất lượng.

Các thủ tục hợp tác quốc tế về Giáo dục đào tạo cần được đơn giản hóa nhằm giảm thiểu sự quan liêu và tăng cường hiệu quả và hiệu lực. Chính phủ cần hướng tới việc khuyến khích các sáng kiến trong lĩnh vực này bởi đây là phương tiện chính giúp nhanh chóng nâng cao chất lượng đào tạo về kế toán.

Tất cả những khuyến nghị thay đổi này đều nhất quán với mục tiêu của Chính phủ nhằm hướng đến một hệ thống giáo dục và đào tạo lấy kết quả đầu ra làm trọng tâm, đáp ứng nhu cầu của “nền kinh tế thị trường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Nhiều sáng kiến chính sách đã được đề xuất, bao gồm trao quyền tự chủ hoạt động cho các trường đại học công lập và dân lập cũng như cơ chế tự chủ tài chính cho các trường đại học công lập.



I GIỚI THIỆU

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM

1. **Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng cuối những năm 1980 đã đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập trung bình với thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 3,5 lần, mức tăng chỉ đứng sau Trung Quốc⁶.** Tuy nhiên, đà tăng trưởng đã chững lại trong những năm gần đây do môi trường toàn cầu yếu hơn và tốc độ cải cách không còn nhanh như trước. Việt Nam có tiềm năng gia nhập nhóm trên của các nước thu nhập trung bình trong vòng hai mươi năm tới, nhưng với điều kiện phải có những lựa chọn và hành động quyết liệt để thể chế thị trường đi vào chiều sâu, tạo sân chơi bình đẳng giữa khu vực tư nhân và khu vực nhà nước, cũng như xây dựng nền tài chính hiện đại nhằm nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

2. **Thành quả giảm nghèo của Việt Nam trong hai thập kỷ vừa qua là rất ấn tượng. Tình trạng nghèo cùng cực gần như đã bị xóa bỏ.** Hiện nay, tỷ lệ người dân sống dưới chuẩn nghèo quốc tế 1,9 đôla/ngày chiếm chưa tới 3%. Nếu áp dụng chuẩn nghèo mới cho quốc gia có thu nhập trung bình, tỷ lệ nghèo của Việt Nam là 9,8% theo thống kê năm 2015. Việt Nam cũng là một tấm gương điển hình về chia sẻ thịnh vượng. Từ năm 1993 đến 2015, thu nhập bình quân của 40% dân số nghèo nhất đã tăng trung bình 9% mỗi năm, vượt qua tốc độ tăng trưởng chung. Việt Nam đã đạt được hầu hết các mục tiêu thiên niên kỷ về mặt định lượng⁷.

3. **Tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu khởi sắc với tốc độ tăng GDP từ chỗ ước tính 5,4% vào năm 2013 đã đạt 6% trong năm 2014 và 6,7% trong năm 2015⁸.** Mức tăng nhanh này bắt nguồn từ việc nhu cầu nội địa tốt lên. Tuy nhiên, xu hướng tăng trưởng trong dài hạn vẫn sẽ bị hạn chế do các vấn đề về cơ cấu trong khối doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và khu vực ngân hàng, những chính sách không rõ ràng tiếp tục cản trở hoạt động đầu tư của doanh nghiệp tư nhân trong nước, khoảng cách về kỹ năng ngày càng lớn, thiếu hụt cơ sở hạ tầng và các dịch vụ hậu cần thương mại.

4. **Ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được cải thiện.** Tỷ lệ lạm phát toàn phần theo năm giảm từ mức đỉnh điểm 23% vào tháng 8/2011 xuống 5,5% vào tháng 6/2014 và tiếp tục giảm tới mức kỷ lục còn 0,7% trong năm 2015¹⁰. Điều này phản ánh hai yếu tố chính. Thứ nhất, GDP cho tới gần đây vẫn tăng trưởng ở dưới mức tiềm năng ước tính do cầu nội địa giảm. Thứ hai, giá năng lượng và lương thực rẻ hơn do không chịu áp lực về nguồn cung khan hiếm như trước. Mặc dù cán cân thương mại yếu đi trong thời gian gần đây nhưng lượng kiều hối tăng mạnh cùng với nguồn FDI dồi dào đã góp phần giảm nhẹ áp lực đối với cán cân thanh toán. Tuy vậy, dự trữ ngoại hối của Việt Nam vẫn ở mức thấp và NHNN đã giảm giá tiền Việt Nam đồng 5% trong năm 2015 nhằm duy trì ổn định trên thị trường ngoại hối và tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Việt Nam phải có những lựa chọn và hành động quyết liệt để thể chế thị trường đi vào chiều sâu và xây dựng nền tài chính hiện đại.

6 Trích từ Báo cáo Việt Nam 2035.

7 Trích từ Báo cáo Việt Nam 2035.

8 Nguồn: Tổng cục Thống kê.

9 Nguồn: Báo cáo “Điểm lại” của Ngân hàng Thế giới tháng 6/2014 và tháng 12/2015.

10 Nguồn: Báo cáo “Điểm lại” của Ngân hàng Thế giới tháng 12/2015.

5. **Tăng trưởng tín dụng đạt mức cao nhờ các biện pháp nới lỏng chính sách tiền tệ.** Tận dụng tỷ lệ lạm phát giảm, NHNN đã hạ lãi suất tổng cộng 850 điểm kể từ đầu năm 2012 nhằm kích cầu nội địa. NHNN cũng đã hạ trần lãi suất tiết kiệm và giảm lãi suất cho vay tối đa đối với 5 khu vực ưu tiên. Kết quả là nhu cầu tín dụng bắt đầu tăng với tốc độ ước tính 18% trong năm 2015. Mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô được cải thiện đã góp phần duy trì ổn định hệ thống ngân hàng nhưng những khó khăn như tỷ lệ nợ xấu cao, vẫn tiếp tục là nguy cơ tiềm ẩn. Tính đến tháng 12/2015, Công ty Quản lý Tài sản (VAMC) đã mua vào khoảng 243 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Tuy nhiên, theo VAMC, chỉ có 7% trong tổng số nợ xấu đã được xử lý, chủ yếu là do thiếu khuôn khổ pháp lý phù hợp quy định về vấn đề mất thanh khoản, xác định sở hữu tài sản và xử lý tài sản đảm bảo.¹¹

6. **Tình trạng thâm hụt ngân sách triển miên càng trở nên đáng lo ngại trong bối cảnh nợ công đang gia tăng.** Thâm hụt ngân sách duy trì ở mức 5% GDP năm 2015, phản ánh nguồn thu ngân sách kém và chi đầu tư xây dựng cơ bản tăng lên. Tổng các khoản nợ của Chính phủ và nợ do Chính phủ bảo lãnh đã tăng lên mức 62,2% trong năm 2015 (từ 59,5% trong năm 2014¹²). Mặc dù tỷ lệ nợ công vẫn ở trong ngưỡng bền vững, chi phí trả nợ đã bắt đầu ảnh hưởng tới ngân sách. Phần trả lãi đã tăng lên mức 7,7% tổng chi tiêu công trong năm 2015 so với 6,7% trong năm 2014 và 5% năm 2013¹³. Yêu cầu cấp thiết đặt ra là Chính phủ cần có kế hoạch củng cố ngân sách theo lộ trình và hài hòa với mục tiêu tăng trưởng nhằm duy trì nợ công ở giới hạn an toàn.

7. **Cuối năm 2014, khối doanh nghiệp có vốn nhà nước đóng góp 28,38% vào GDP (giảm từ mức 29,34% của năm 2009).** Có tất cả 949 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, trong đó 54% trực thuộc chính quyền địa phương, 36% trực thuộc các bộ ngành và 10% là các tập đoàn kinh tế trung ương. 65% DNNN là các đơn vị kinh doanh thương mại, số còn lại là các đơn vị cung cấp dịch vụ công ích, an sinh xã hội và an ninh quốc gia. 83% vốn đầu tư vào các DNNN nằm ở 18 tập đoàn kinh tế trung ương/các tổng công ty lớn¹⁴. DNNN là một trong những nội dung nghiên cứu của báo cáo.

8. **Tính đến đầu năm 2016, trên hai sàn chứng khoán có hơn 700 công ty niêm yết.** Số công ty đại chúng chưa niêm yết lên đến hàng ngàn. Tổng giá trị vốn hóa thị trường của các công ty niêm yết là hơn 60 tỷ USD, tương đương 34% GDP.¹⁵

9. **Tính đến đầu năm 2016, có tổng số 120 tổ chức tín dụng bao gồm cả ngân hàng có vốn nhà nước, ngân hàng cổ phần tư nhân và ngân hàng nước ngoài.** Tổng tài sản của lĩnh vực ngân hàng là 335 tỷ USD, tổng vốn điều lệ là 21 tỷ USD (chiếm 10% GDP)¹⁶.

10. **Lĩnh vực bảo hiểm phát triển chậm hơn so với lĩnh vực ngân hàng.** Theo Bộ Tài chính, tổng doanh thu bảo hiểm trong năm 2014 là khoảng 2 tỷ USD, tập trung vào 5 công ty bảo hiểm lớn (Bảo Việt, Bảo hiểm dầu khí, Bảo Minh, Bảo hiểm Petrolimex và Bảo hiểm bưu điện và đều là các DNNN đã được cổ phần hóa).

11 Nguồn: các báo cáo đã công bố của Ngân hàng nhà nước và VAMC.

12 Nguồn: Báo cáo “Điểm lại” của Ngân hàng Thế giới tháng 12/2015 và tháng 7/2016.

13 Nguồn: Báo cáo “Điểm lại” của Ngân hàng Thế giới tháng 7/2015.

14 Nguồn: Báo cáo “Điểm lại” của Ngân hàng Thế giới tháng 12/2014.

15 Nguồn: công bố của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

16 Nguồn: công bố của Ngân hàng nhà nước.

11. **DNNVV đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế, nhưng việc công bố thông tin tài chính của các doanh nghiệp này lại còn hạn chế.** DNNVV chiếm 97% tổng số các doanh nghiệp ở Việt Nam, 65% trong số đó là doanh nghiệp siêu nhỏ. DNNVV đóng góp 40% GDP cho nền kinh tế và hoạt động trong một số ngành như nông nghiệp, xây dựng và sản xuất hay dịch vụ. Theo Nghị định của Thủ tướng chính phủ, DNNVV được chia làm 3 loại: siêu nhỏ, nhỏ và vừa dựa vào các tiêu chí về số lượng lao động và vốn. Vốn tối đa cho doanh nghiệp cỡ vừa là 100 tỷ đồng (4,8 triệu USD) và lao động tối đa là 300 người. Đây là một loại hình doanh nghiệp quan trọng trong nền kinh tế nhưng năng lực về báo cáo tài chính lại có nhiều hạn chế và cần có sự nghiên cứu cụ thể ngoài phạm vi của báo cáo lần này.

Cải cách DNNN và khu vực ngân hàng¹⁷

12. **Các DNNN nắm giữ khoảng 1/3 tổng tài sản, sản xuất ra 1/4 tổng sản phẩm và tạo 1/8 việc làm trong khu vực doanh nghiệp.** Do đó, hoạt động của các DNNN đóng vai trò quan trọng trong tiềm năng phát triển kinh tế của cả nước. Năm 2012, Chính phủ bắt đầu quá trình cải cách toàn diện nhằm tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực DNNN cũng như giảm rào cản đối với sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân. Quá trình này bao gồm việc cổ phần hóa khoảng 1200 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. Đến 31/12/2013, 949 DNNN đã được cổ phần hóa, con số này tăng thêm 143 DNNN trong năm 2014, và thêm 210 DNNN trong năm 2015.

13. **Tình trạng chống chéo và dàn trải trong công tác giám sát hoạt động của các DNNN và khả năng quản trị doanh nghiệp đang dần được cải thiện.** Năm 2013, Nghị định 61¹⁸ được ban hành cung cấp khuôn khổ pháp lý tốt hơn trong việc đánh giá hoạt động của các DNNN và quy định bổ sung các yêu cầu về báo cáo tài chính và công bố thông tin. Nghị định 87¹⁹ thay thế Nghị định 61 trong năm 2015 đã đưa ra những yêu cầu khắt khe hơn về việc công bố thông tin báo cáo tài chính của các DNNN. Thông tư 14²⁰ năm 2016 đã quy định hạch toán riêng các nhiệm vụ chính trị với các hoạt động kinh doanh thông thường khi đánh giá tình hình hoạt động của các DNNN. Nghị định 99²¹ quy định rõ ràng hơn về phân công, phân cấp thực hiện trách nhiệm giám sát DNNN. Nếu được thực thi và giám sát nghiêm túc, những thay đổi này sẽ giúp nâng cao minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình của các DNNN. Phân tích về các chính sách này được đưa ra trong Phụ lục số 2.

**Công tác giám sát
hoạt động của các
doanh nghiệp nhà nước
đang dần được cải thiện.**

14. **Cải cách khu vực ngân hàng với trọng tâm là hợp nhất trong hệ thống ngân hàng.** Tiến độ cải cách tăng nhanh trong 6 tháng đầu năm 2015 với nhiều cuộc sáp nhập các ngân hàng nhỏ vào các ngân hàng thương mại nhà nước lớn. Điều này phù hợp với chủ trương của NHNN là tiến hành cơ cấu lại các tổ chức tín dụng nhằm giảm số lượng các tổ chức tín dụng một cách

17 Trích Báo cáo “Điểm lại” (“Taking Stock”) tháng 7/2015 của Ngân hàng Thế giới.

18 Nghị định 61/2013/NĐ-CP.

19 Nghị định 87/2015/NĐ-CP.

20 Thông tư 14/2016/TT-BTC.

21 Nghị định 99/2012/NĐ-CP.

phù hợp. Mặc dù đã có các quy định tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, chưa có ngân hàng nước ngoài nào tham gia trực tiếp vào các cuộc mua bán sáp nhập ngân hàng gần đây.

15. **Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các quy định mới chặt chẽ hơn về phân loại nợ xấu và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.** Các quy định này hướng tới áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, theo đó chất lượng tín dụng của ngân hàng được phản ánh chính xác và minh bạch, nợ xấu được nhận diện tương đối đầy đủ. Việc áp dụng các quy định mới này do đó góp phần làm cho quy mô nợ xấu công bố tăng lên trong thời gian qua.

16. **Mặc dù có những vấn đề này nhưng niềm tin vào hệ thống ngân hàng đang tốt lên.** Điều này được thể hiện qua giá cổ phiếu của các ngân hàng thương mại niêm yết tăng cao trong năm 2015 và thị trường bất động sản cũng đã có dấu hiệu phục hồi.

17. **Chính phủ cần đẩy mạnh hơn nữa quá trình cải cách DNNN và hợp nhất trong hệ thống ngân hàng.** Điều này là cần thiết để đẩy tốc độ tăng trưởng GDP lên 7% nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành “quốc gia thu nhập trung bình nhóm trên hướng tới thu nhập cao”²².

Phát triển thị trường vốn²³

18. **Đặc trưng của thị trường chứng khoán Việt Nam là số lượng công ty niêm yết lớn (700) với mức vốn hóa trung bình tương đối thấp.** Số lượng công ty niêm yết cũng như quy mô vốn hóa của hai Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đã tăng đáng kể trong những năm gần đây. Nguyên nhân chủ yếu là nhờ quá trình cổ phần hóa các DNNN với hiện tại khoảng 1/3 số lượng các công ty niêm yết là DNNN đã cổ phần trong đó nhà nước nắm cổ phần chi phối. Đà tăng trưởng này dự kiến vẫn tiếp tục với một danh sách IPO sắp tới và kế hoạch sáp nhập 2 Sở giao dịch trong tương lai gần²⁴.

19. **Mặc dù thị trường chứng khoán từ trước tới nay đóng vai trò là đường dẫn cho quá trình cổ phần hóa, ý nghĩa của thị trường trong tương lai sẽ còn vượt xa hơn thế.** Tỷ lệ vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam tính bằng % GDP thấp hơn nhiều so với các nước ASEAN khác ngoại trừ Lào, Campuchia và Brunei²⁵. Hiện tại vẫn còn nhiều DNNN có triển vọng chưa được niêm yết, cũng như các doanh nghiệp tư nhân chưa muốn niêm yết do còn e ngại các quy định về công khai. Quy mô và chất lượng của các công ty niêm yết sẽ tăng lên khi các DNNN được cổ phần hóa và các nhà đầu tư chiến lược tham gia quá trình nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động.

20. **Các nhà đầu tư tổ chức mới chỉ hiện diện tại Việt Nam với quy mô rất nhỏ.** Việc các nhà đầu tư tư nhân chiếm đa số có thể làm cho mức giá cổ phiếu trên thị trường mang nhiều tính đầu cơ hơn là dựa trên những giá trị thực của cổ phiếu như mức độ sinh lời hàng năm. Độ sâu của thị trường, tính thanh khoản và mức giá cổ phiếu sẽ được cải thiện nếu đảm bảo việc thực thi nghiêm túc lịch trình IPO và niêm yết như đã đăng ký và nâng cao năng lực nhà đầu tư.

22 Trích Báo cáo Việt Nam 2035.

23 Trích Báo cáo “Đánh giá Khu vực Tài chính” tháng 6/2014.

24 Mục tiêu của việc sáp nhập là nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

25 Trích Báo cáo “Đánh giá Khu vực Tài chính” tháng 6/2014.

21. **Gần đây Chính phủ đã phê duyệt lộ trình phát triển thị trường trái phiếu toàn diện.** Lộ trình tập trung vào thị trường trái phiếu Chính phủ, tuy nhiên đây sẽ là tiền đề cho việc phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Vấn đề này có ý nghĩa quan trọng vì nó mang lại thêm một kênh huy động vốn khác cho các doanh nghiệp lớn bên cạnh vay ngân hàng, đồng thời làm tăng nhu cầu về báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập chất lượng cao.

22. **Xu hướng toàn cầu hóa/khu vực hóa và các hiệp định thương mại quốc tế sẽ ngày càng tác động lớn tới tăng trưởng kinh tế.** Đặc biệt, việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu sẽ làm tăng nhu cầu hài hòa hóa các quy định cũng như việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và kiểm toán quốc tế. Sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam sẽ phụ thuộc vào mức độ sẵn sàng và khả năng tham gia tích cực của Việt Nam trong các quá trình thay đổi này.



II

YÊU CẦU VÀ NHẬN THỨC VỀ **CHẤT LƯỢNG** CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

23. Việt Nam xếp hạng thấp trong số các nước ASEAN về quản trị doanh nghiệp. Theo báo cáo Xếp hạng Quản trị doanh nghiệp ASEAN mới nhất của Ngân Hàng Phát Triển Châu Á (ADB) 2013-2014 thì Việt Nam có điểm thấp nhất trong tổng số 6 nước tham gia cuộc khảo sát ở bốn trên năm tiêu chí đánh giá. Đây là kết quả được tổng hợp qua quá trình rà soát các công ty đại diện cho 63% giá trị vốn hóa của các Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Mặc dù có những điểm đã được cải thiện so với cuộc khảo sát được tiến hành trước đó vào năm 2012-2013, việc công khai các loại phí dịch vụ kiểm toán và phí kiểm toán và công bố báo cáo tài chính kịp thời lại được cải thiện rất ít.

24. Các doanh nghiệp ở Việt Nam thành lập Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật thay vì thành lập Ủy ban kiểm toán. Thông thường chỉ những doanh nghiệp có các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài mới có Ủy ban kiểm toán. Công việc bổ nhiệm, thay đổi và miễn nhiệm kiểm toán viên cũng như soát xét báo cáo kiểm toán thường do Ban Giám đốc hoặc Ban Kiểm soát thực hiện. Điều này không phải là một thông lệ tốt về quản trị doanh nghiệp, do không đảm bảo được tính độc lập cũng như chuyên môn của những người cần ra quyết định.

25. Mặc dù Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể về khuôn khổ pháp lý đối với báo cáo tài chính của doanh nghiệp, tuy nhiên theo đánh giá chung, các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo chuẩn mực kế toán Việt Nam dù đã được kiểm toán có chất lượng chưa cao. Một số nguyên nhân chính là: quản trị công ty còn yếu, chưa có các quy định đầy đủ theo thông lệ quốc tế, nhu cầu của hầu hết các cổ đông đối với các báo cáo tài chính còn thấp, việc ghi nhận và trình bày thông tin tài chính theo các hướng dẫn đặc thù riêng cho một số DNNN, việc các cơ quan quản lý nhà nước còn chưa chú trọng giám sát tuân thủ chuẩn mực và quy định đạo đức nghề nghiệp trên diện rộng, năng lực còn hạn chế của đội ngũ kế toán viên và kiểm toán viên trong nước. Những điều này dẫn đến việc báo cáo tài chính mặc dù được lập và trình bày theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và đã được kiểm toán nhưng chưa hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu của chuẩn mực kế toán quốc tế.

26. Quan điểm chung của người sử dụng báo cáo tài chính là các báo cáo do các công ty là thành viên của các hãng kiểm toán nước ngoài lớn thì có chất lượng cao hơn. Các cuộc phỏng vấn và thảo luận với các bên liên quan, bao gồm cả các ngân hàng, cho thấy các báo cáo tài chính được kiểm toán bởi thành viên của nhóm Bốn công ty kiểm toán hàng đầu và một số hãng kiểm toán quốc tế nổi tiếng khác thường nhận được độ tin cậy cao hơn. Tuy nhiên, lãnh đạo của các doanh nghiệp nhỏ thì quan ngại về mức phí kiểm toán của các công ty kiểm toán lớn này. Kết quả là chỉ có các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp cần tiếp cận với thị trường tài chính quốc tế mới sử dụng dịch vụ của nhóm Bốn công ty kiểm toán hàng đầu²⁶.

Việc công khai các loại phí dịch vụ kiểm toán và phí kiểm toán, và công bố báo cáo tài chính kịp thời của Việt Nam được cải thiện rất ít trong những năm qua.

26 Tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thì có khoảng 35% các doanh nghiệp niêm yết được kiểm toán bởi nhóm Bốn công ty kiểm toán hàng đầu (Big 4), trong khi đó tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với tỷ lệ nhiều doanh nghiệp niêm yết nhỏ hơn thì con số này chỉ khoảng 16%.

27. **Việt Nam chưa có một cộng đồng phân tích tín dụng và các dịch vụ tham vấn tín dụng đáng tin cậy.** Việt Nam chưa có cộng đồng chuyên gia tư vấn và nhà đầu tư chuyên nghiệp để nâng cao tính minh bạch và đòi hỏi thông tin đầy đủ về báo cáo tài chính doanh nghiệp. Các nhà đầu tư hiện tại có ít nhu cầu về thông tin tài chính có chất lượng để rà soát toàn diện các doanh nghiệp và bản cáo bạch khi ra quyết định đầu tư.
28. **Trên thị trường vốn, việc các nhà đầu tư nhỏ lẻ chiếm đa số làm giảm yêu cầu về báo cáo tài chính.** Do một lượng lớn cổ phiếu của các công ty niêm yết được nắm giữ bởi các nhà đầu tư nhỏ lẻ, những người mua bán cổ phiếu chủ yếu để kiếm lời trong ngắn hạn, tỷ lệ các nhà đầu tư dựa vào các báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được kiểm toán khi ra các quyết định đầu tư là chưa cao.
29. **Cần tăng cường tính minh bạch của báo cáo tài chính nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư tổ chức.** Các Sở giao dịch chứng khoán đã nhận thức được nhu cầu cần có thêm các nhà đầu tư tổ chức vì tính ổn định của thị trường. Các nhà đầu tư tổ chức cũng sẽ thúc đẩy công tác quản trị doanh nghiệp và báo cáo tài chính.
30. **Kế hoạch cổ phần hóa các DNNN của Chính phủ sẽ làm tăng nhu cầu về báo cáo tài chính doanh nghiệp và kiểm toán độc lập chất lượng cao.** Các DNNN hiện đang chiếm phần lớn trong nền kinh tế Việt Nam và Chính phủ đã có kế hoạch giảm sở hữu nhà nước trong các doanh nghiệp này thông qua Phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPOs). Việc phát hành này sẽ đòi hỏi phải có bản cáo bạch cùng với các báo cáo tài chính được kiểm toán.
31. **Nhiều đơn vị có lợi ích công chúng hiện đang được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán trong nước có năng lực và nguồn lực hạn chế hơn so với các doanh nghiệp kiểm toán là thành viên của các hãng kiểm toán quốc tế.** Các công ty kiểm toán trong nước thường gặp khó khăn khi xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng nội bộ và thiếu hỗ trợ chuyên môn từ các hãng kiểm toán quốc tế. Đây là những vấn đề quan trọng nhằm đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế (ISA) và các Chuẩn mực Quốc tế về Kiểm soát Chất lượng (ISQC1), đặc biệt là khi kiểm toán ở các đơn vị có lợi ích công chúng có độ phức tạp cao.



III KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ

TÌNH HÌNH HIỆN TẠI

32. **Hoạt động về kế toán và kiểm toán độc lập ở Việt Nam được điều chỉnh bởi hai Luật riêng biệt là Luật Kế toán và Luật Kiểm toán độc lập.** Luật Kế toán quy định cụ thể về các nội dung công tác kế toán, bao gồm cả quy định về báo cáo tài chính, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý Nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp kế toán. Luật Kiểm toán độc lập quy định về nguyên tắc, điều kiện, phạm vi, hình thức hoạt động kiểm toán độc lập, quyền và nghĩa vụ của kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán.

33. **Sau hơn 10 năm thực hiện, Luật Kế toán 2003 đã được sửa đổi để đáp ứng những thay đổi trong hoạt động kế toán.** Luật Kế toán 2015 đã được Quốc hội phê chuẩn vào 20/11/2015, có hiệu lực từ 1/1/2017 đã có một số tiến bộ vượt bậc so với Luật kế toán 2003. Một trong những

thay đổi quan trọng nhất là việc bổ sung khái niệm ‘giá trị hợp lý’ để tạo cơ sở cho việc ban hành các chuẩn mực kế toán có liên quan trong lĩnh vực này, bao gồm cả các chuẩn mực về công cụ tài chính, tài sản cố định và bất động sản đầu tư²⁷.

34. Điều 71 của Luật Kế toán 2015 quy định Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kế toán. Trong đó bổ sung nội dung rất quan trọng là giám sát việc tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán. Đồng thời giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về kế toán tại phạm vi, địa bàn quản lý²⁸.

35. Luật Kiểm toán độc lập được áp dụng đối với các kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, đơn vị được kiểm toán, tổ chức nghề nghiệp kiểm toán và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm toán độc lập. Luật có phạm vi quy định rộng từ việc quy định nguyên tắc, điều kiện, phạm vi, hình thức hoạt động kiểm toán độc lập đến vai trò và nghĩa vụ của kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, cũng như các quy định chi tiết về trình độ của kiểm toán viên, hình thức và nội dung của báo cáo kiểm toán và quy trình kiểm soát chất lượng. Ngoài ra, Luật Kiểm toán độc lập còn quy định các doanh nghiệp và tổ chức nào phải kiểm toán báo cáo tài chính²⁹.

36. Một số nội dung chi tiết trong Luật Kiểm toán độc lập nên được quy định bằng cách tham chiếu đến chuẩn mực kiểm toán hoặc các quy định của Tổ chức nghề nghiệp. Các quy định chi tiết này bao gồm các vấn đề như hợp đồng kiểm toán, phí kiểm toán, hồ sơ kiểm toán, kiểm soát chất lượng, hình thức và nội dung của báo cáo kiểm toán cũng như các vấn đề khác.

37. Luật Kiểm toán Nhà nước quy định đối tượng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước (KTNN) là việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của đơn vị được kiểm toán. Luật Kiểm toán nhà nước quy định Tổng Kiểm toán Nhà nước do Quốc hội bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội và quy định KTNN có chức năng đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công. Luật Kiểm toán Nhà nước cũng quy định chi tiết các loại hình kiểm toán mà KTNN có thể tiến hành như kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động, các chuẩn mực cần tuân thủ khi tiến hành các loại hình kiểm toán này và các yêu cầu về báo cáo, trong đó có việc báo cáo cho Quốc hội. Việc kiểm toán BCTC hàng năm của các DNNN thực hiện bởi các công ty kiểm toán độc lập theo Luật Kiểm toán độc lập. KTNN cũng có thể vẫn tiến hành kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với các đơn vị này.

38. Luật Doanh nghiệp điều chỉnh tất cả các loại hình doanh nghiệp. Các doanh nghiệp này bao gồm các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Luật Doanh nghiệp quy định về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và các

27 Các lĩnh vực mới quan trọng khác được bổ sung trong Luật Kế toán là kiểm toán nội bộ và lập Báo cáo Tài chính hợp nhất cho ‘toàn bộ Chính phủ’.

28 Xem chi tiết ở Phụ lục 3 về một số hạn chế còn tồn tại về quản lý công khai thông tin báo cáo tài chính DNNN.

29 Theo Điều 37 của Luật Kiểm toán độc lập, những doanh nghiệp và tổ chức phải kiểm toán BCTC hàng năm bao gồm: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tín dụng, công ty tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán, DNNN, trừ doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước theo quy định, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước và doanh nghiệp kiểm toán.

hoạt động có liên quan của doanh nghiệp. Tuy nhiên điều 3 của Luật Doanh nghiệp cũng quy định rõ trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó. Luật Doanh nghiệp cũng có quy định về việc thành lập Ban kiểm soát trong doanh nghiệp, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

39. Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định vai trò của NHNN với tư cách là ngân hàng trung ương và trách nhiệm của NHNN đối với việc ổn định hệ thống tài chính. Luật cũng chỉ định NHNN là cơ quan quản lý nhà nước của các tổ chức tín dụng. Luật này yêu cầu các tổ chức tín dụng phải cung cấp các thông tin và dữ liệu thống kê mà NHNN yêu cầu cho mục đích đánh giá, thanh tra và giám sát hoạt động của từng tổ chức tín dụng và của toàn bộ hệ thống tài chính.

40. Luật các Tổ chức Tín dụng quy định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng. Luật này quy định các yêu cầu bổ sung đối với các tổ chức tín dụng cao hơn so với những quy định trong Luật Doanh nghiệp và Luật Kế toán, chủ yếu liên quan tới việc báo cáo cho NHNN về bảo đảm an toàn tín dụng và trích lập quỹ dự phòng.

41. Luật Kinh doanh Bảo hiểm điều chỉnh tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm và môi giới bảo hiểm. Điều 121 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm quy định Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Trách nhiệm của Bộ Tài chính được thực hiện thông qua Cục Quản lý và giám sát Bảo hiểm. Điều 101-103 Luật này yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải thực hiện chế độ kế toán áp dụng đối với kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kế toán và nộp các báo cáo nghiệp vụ cho Bộ Tài chính.

42. Luật Chứng khoán điều chỉnh hoạt động của các thị trường vốn của Việt Nam. Luật này quy định về hoạt động chào bán chứng khoán, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật này áp dụng đối với tất cả các tổ chức và cá nhân tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam và các hoạt động chứng khoán có liên quan khác. Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trong lần sửa đổi tiếp theo, Luật Kế toán nên thay thế các yêu cầu chi tiết về sổ sách và lưu trữ tài liệu bằng một yêu cầu chung về nghĩa vụ duy trì sổ sách và tài liệu đầy đủ.

KHUYẾN NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

43. Luật Kế toán và luật Kiểm toán độc lập nên ngắn gọn hơn nữa. Cả hai Luật này vẫn còn bao gồm một số quy định cụ thể mà thường chỉ nên quy định trong các văn bản dưới luật, các quy chế của các tổ chức nghề nghiệp hoặc được quy định trong chuẩn mực kế toán, kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp. Trong lần sửa đổi tiếp theo, Luật Kế toán nên thay thế các yêu cầu chi tiết về sổ sách và lưu trữ tài liệu bằng một yêu cầu chung về nghĩa vụ duy trì sổ sách và tài liệu đầy đủ. Tương tự, các quy định về hợp đồng kiểm toán, phí kiểm toán, tài liệu kiểm toán, kiểm soát chất lượng và hình thức và nội dung của ý kiến kiểm toán nên được bỏ khỏi nội dung của Luật Kiểm toán độc lập. Làm như vậy sẽ giúp cho việc sửa đổi các yêu cầu chi tiết dễ dàng và thuận tiện hơn khi cần.



IV CHUẨN MỰC **KẾ TOÁN**

HIỆN TRẠNG

44. **Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) chưa được cập nhật theo phiên bản mới nhất của Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS/IFRS).** Điều 7 của Luật Kế toán 2015 quy định Bộ Tài chính xây dựng chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán trên cơ sở chuẩn mực Quốc tế về kế toán phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. VAS được xây dựng dựa trên IAS/IFRS từ những năm 2001 tới 2005, tuy nhiên cho đến nay nhiều Chuẩn mực Kế toán Quốc tế đã được ban hành mới và cập nhật hoặc bãi bỏ một số chuẩn mực.

45. **Điều đó có nghĩa là một số Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế mới được ban hành chưa được áp dụng tại Việt Nam và một số chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành cũng cần phải được cập nhật.** Ngoài ra, các diễn giải chuẩn mực do Ủy ban Hướng dẫn Chuẩn mực Thường trực và nay là Ủy ban hướng dẫn chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế ban hành như là một phần không tách rời của IFRS, hoàn toàn chưa được sử dụng tại Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam cũng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam.

46. **Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có các chuẩn mực tương đương với 15 chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), và các chuẩn mực hiện tại cũng có một số khác biệt so với các chuẩn mực kế toán quốc tế tương đương do chưa được cập nhật.** Việc đo lường và trình bày về công cụ tài chính, giá trị hợp lý và giảm giá tài sản là những lĩnh vực còn thiếu trong chuẩn mực kế toán Việt Nam. Trong khi chưa có các chuẩn mực tương ứng với IAS 32, IAS 39, IFRS 9, IFRS 13 về công cụ tài chính và suy giảm giá trị, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC để hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc công bố thông tin về công cụ tài chính. Tuy nhiên thông tư chưa có hướng dẫn về việc đo lường và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính³⁰.

47. **Một số quy định cụ thể của VAS có sự khác biệt với IFRS.** Ví dụ: Theo IFRS, giảm giá trị tài sản hoặc dự phòng tín dụng được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị sổ sách của tài sản với giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai ước tính, chiết khấu bằng lãi suất thực ban đầu của tài sản tài chính đó. Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam thì giảm giá trị tài sản chủ yếu dựa trên các yếu tố định lượng (như tuổi nợ). Các ngân hàng thường tính toán giảm giá trị phần cho vay hay phải thu không có tài sản bảo đảm dựa vào tỷ lệ trích lập dự phòng do Ngân hàng Nhà nước đưa ra, cố định cho từng nhóm nợ phân loại theo số ngày quá hạn. Phương pháp dự phòng theo định tính chỉ được quy định là phương pháp thay thế và vẫn được áp dụng song song với phương pháp định lượng trong ít nhất 5 năm, với kết quả được lấy từ phương pháp nào thận trọng hơn. Phụ lục II đưa ra cách tính chi tiết dự phòng các khoản cho vay và tác động của thông lệ kế toán hiện hành đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động công bố trong BCTC được kiểm toán của các ngân hàng.

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam chưa được cập nhật theo phiên bản mới nhất của Chuẩn mực Kế toán Quốc tế.

30 Hơn nữa, theo Điều 128 của Thông tư 200/2014/TT-BTC, hiện việc áp dụng Thông tư 210 mang tính tùy chọn trong khi còn thiếu các chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và giá trị hợp lý.

48. **Bộ Tài chính xác định mục tiêu hướng tới áp dụng IFRS.** Đây là một mục tiêu cụ thể trong ‘Chiến lược Kế toán và Kiểm toán tới năm 2020, Tầm nhìn 2030’, ban hành theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ năm 2013³¹ và Luật Kế toán năm 2015³² đã quy định về giá trị hợp lý làm cơ sở cho việc cập nhật VAS phù hợp với IFRS.

49. **Ở hầu hết các quốc gia, các đơn vị có lợi ích công chúng phải lập báo cáo tài chính cho mục đích chung, tuân thủ hoàn toàn với các chuẩn mực kế toán quốc tế hay ít nhất là các chuẩn mực kế toán quốc gia tương ứng.**³³ Khung pháp lý về Báo cáo tài chính của Việt Nam lại rộng hơn nhiều, yêu cầu các báo cáo tài chính doanh nghiệp lập theo VAS và các quy định khác có liên quan. Các quy định khác có liên quan này thường bao gồm:

- Các quy định về báo cáo thận trọng do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các tổ chức tín dụng, được các tổ chức này áp dụng khi soạn lập báo cáo tài chính với hiệu lực cao hơn cả VAS nếu có khác biệt; và
- Một số quyết định và hướng dẫn đặc biệt, áp dụng trong các tình huống đặc biệt đối với một DNNN cụ thể cho loại hình giao dịch cụ thể, và sẽ có hiệu lực cao hơn VAS.

50. **Việt Nam đã có những quy định cụ thể theo hướng đưa chuẩn mực kế toán Việt Nam tiến dần tới các chuẩn mực kế toán quốc tế.** Cụ thể là việc đưa ra các khái niệm về công cụ tài chính, giá trị hợp lý và kế toán hợp nhất trong các Thông tư mới nhất của Bộ Tài chính bao gồm Thông tư số 200/2014/TT-BTC áp dụng từ tháng 1 năm 2015³⁴, Thông tư số 210/2009/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC.

51. **Ngân hàng Nhà nước và Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm ban hành các quy định về báo cáo an toàn và được các tổ chức tài chính áp dụng khi soạn lập báo cáo tài chính của mình.** Khi được áp dụng, các yêu cầu báo cáo an toàn này sẽ có hiệu lực cao hơn chuẩn mực kế toán Việt Nam khi có khác biệt về hạch toán kế toán và công bố thông tin. Điều này gây ra sự khó hiểu và không nhất quán trong việc áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán trong các tổ chức tín dụng và các công ty bảo hiểm. Nó cũng ảnh hưởng tới khả năng minh bạch và tính so sánh của các thông tin báo cáo tài chính³⁵.

52. **Để tránh xảy ra những vấn đề này thì các cơ quan quản lý nên cho phép các đơn vị lập báo cáo tài chính cho mục đích chung tuân thủ hoàn toàn chuẩn mực kế toán Việt Nam.** Các báo cáo an toàn sẽ được lập riêng cho mục đích báo cáo cho các cơ quan quản lý và được đối chiếu với báo cáo tài chính cho mục đích chung để đảm bảo chính xác. Nếu có sự khác biệt giữa lợi nhuận trình bày trong báo cáo tài chính cho mục đích chung và lợi nhuận tính trong báo cáo an toàn thì cần phải chỉ rõ con số nào được lấy làm căn cứ tính thuế.

53. **Điều quan trọng là phải có một cơ chế phối hợp giữa cơ quan xây dựng chuẩn mực kế toán và cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính.** Cần có cơ chế rõ ràng và đảm bảo các điều kiện cần thiết để Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán – Bộ Tài chính phối hợp với các đơn vị như Ngân hàng Nhà nước để ban hành các chuẩn mực báo cáo tài chính và các hướng dẫn về

31 Quyết định 480/QĐ-TTG ngày 18/03/2013.

32 Như đề cập ở đoạn 23, Luật Kế toán được Quốc hội thông qua vào tháng 11/2015 đưa ra khái niệm “giá trị hợp lý” là cơ sở quan trọng cho quá trình hài hòa VAS với IFRS.

33 Ở Việt Nam chính là Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

34 Thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

35 Xem Phụ lục II để có thêm chi tiết về những tác động này.

kế toán áp dụng cho các ngân hàng và tổ chức tài chính. Đây là một bước quan trọng giúp cho chuẩn mực kế toán và các quy định về báo cáo an toàn phù hợp với nhau.

54. Vẫn có trường hợp DNNN được hướng dẫn đặc thù về hạch toán kế toán và soạn lập báo cáo tài chính, dẫn tới các báo cáo tài chính đó không tuân thủ hoàn toàn với VAS. Các hướng dẫn đặc thù này thay đổi tình hình tài chính của doanh nghiệp trên báo cáo. Theo đánh giá của nhóm nghiên cứu, nguyên nhân chủ yếu của những hướng dẫn đặc thù này là các DNNN được đánh giá xếp hạng dựa trên kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và ban lãnh đạo DNNN được đãi ngộ qua kết quả đó. Một số DNNN được Chính phủ yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ hoặc dự án không vì mục tiêu lợi nhuận mà vì mục tiêu chính trị, đảm bảo an sinh xã hội hoặc an ninh quốc gia. Các hướng dẫn hạch toán kế toán đặc thù này sẽ được giảm thiểu sau khi Chính phủ ban hành thông tư 14/2016, có hiệu lực từ 7/03/2016³⁶.

55. Khi rà soát một số báo cáo tài chính lập và trình bày theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, nhóm chuyên gia nhận thấy những báo cáo này còn có cả những cảnh báo đối với người đọc về hạn chế sử dụng các báo cáo này do những khác biệt đáng kể với các chuẩn mực và thông lệ chung. Trong mục Báo cáo Tuân thủ phần thuyết minh của báo cáo tài chính có ghi: “Các chính sách kế toán này có thể có khác biệt khá lớn so với các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận và chuẩn mực kế toán ở các quốc gia khác. Vì vậy, báo cáo tài chính này sẽ không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và dòng tiền theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán chung được chấp nhận ở các quốc gia hay vùng lãnh thổ khác Việt Nam”. Điều này sẽ ảnh hưởng tới phạm vi và bản chất của ý kiến kiểm toán. Các ngôn từ cảnh báo như thế này ảnh hưởng không tốt tới uy tín của hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp và độ tin cậy của cộng đồng đầu tư quốc tế đối với các thông tin tài chính của Việt Nam.

56. Chuẩn mực kế toán sẽ không còn hiệu lực nếu doanh nghiệp áp dụng những quy định hay hướng dẫn đặc thù. Khi doanh nghiệp lập báo cáo tài chính theo những quy định khác với chuẩn mực kế toán Việt Nam, mặc dù có tuân thủ theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật đặc thù, thì báo cáo tài chính có thể sẽ có độ tin cậy chưa cao phù hợp với thông lệ chung. Điều này cũng sẽ làm giảm hiệu quả công việc kiểm toán, với chức năng giám sát sự tuân thủ chuẩn mực kế toán, do phạm vi của ý kiến kiểm toán từ ý kiến về sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính theo VAS chuyển thành ý kiến về sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính theo VAS và các nghị định/quy định khác với VAS.

Nếu doanh nghiệp áp dụng những quy định hay hướng dẫn đặc thù, chuẩn mực kế toán sẽ không còn hiệu lực.

57. Độ tin cậy của báo cáo tài chính sẽ bị ảnh hưởng xấu nếu tiếp tục có những quy định đặc thù và không phù hợp với chuẩn mực kế toán. Điều này gây ra sự thiếu nhất quán về cơ sở lập báo cáo tài chính và làm giảm khả năng so sánh của các thông tin tài chính. Sự mâu thuẫn giữa các “hướng dẫn” của các cơ quan quản lý nhà nước và các chuẩn mực kế toán Việt Nam gây ra sự khó hiểu cho những người lập báo cáo tài chính, các kiểm toán viên và những người sử dụng báo cáo tài chính. Đồng thời, nó cũng làm yếu đi

36 Thông tư này cho phép khi đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xét khen thưởng và thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp, doanh nghiệp được loại trừ khoản lỗ do tham gia nhiệm vụ chính trị.

cơ sở của ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần, vì vẫn có những ý kiến chấp nhận toàn phần cho những báo cáo không hoàn toàn tuân thủ chuẩn mực kế toán.

Áp dụng chuẩn mực kế toán trong thực tế

58. Nhóm ROSC đã rà soát 35 báo cáo tài chính theo VAS của các doanh nghiệp có lợi ích công chúng trong năm 2014. Nhóm ROSC đã lựa chọn báo cáo tài chính VAS của các tổ chức khác nhau về loại hình sở hữu (bao gồm DNNN, các doanh nghiệp niêm yết có vốn nhà nước và các công ty cổ phần niêm yết) và khác nhau về ngành nghề kinh doanh (ngân hàng, bảo hiểm, năng lượng, bất động sản, dịch vụ và sản xuất)³⁷, trong đó có báo cáo tài chính của một tập đoàn nhà nước. BCTC lập theo IFRS của 4 ngân hàng và 1 công ty bảo hiểm cũng được rà soát để so sánh và tham chiếu. Hạn chế về việc tiếp cận BCTC của các DNNN được nêu trong Phụ lục II.

59. Mặc dù một số báo cáo tài chính có mức độ tuân thủ cao, nhưng trong một số lĩnh vực đặc thù vẫn có sự khác biệt so với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam. Khi xem xét các mẫu báo cáo này, nhóm nghiên cứu tập trung vào nguyên nhân của việc không tuân thủ chuẩn mực kế toán, đó là có sự khác biệt của một số quy định đặc thù hiện hành với chuẩn mực kế toán. Trong một số trường hợp doanh nghiệp lập báo cáo tài chính theo IFRS song song với VAS, nhóm ROSC đã thực hiện so sánh các báo cáo này với các BCTC lập theo VAS và nhận thấy có sự khác biệt về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các thuyết minh giữa hai báo cáo này. Ví dụ như việc lập dự phòng đối với các khoản cho vay của hai ngân hàng theo IFRS xấp xỉ gấp hai lần so với dự phòng lập theo VAS.

60. Khái niệm “Giá trị hợp lý” cũng như tầm quan trọng của nó chưa được phổ biến một cách rộng rãi trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Đặc biệt là với các DNNN, việc làm giảm giá trị tài sản Nhà nước có thể dẫn tới việc lãnh đạo doanh nghiệp bị truy cứu trách nhiệm. Điều này thật ra chỉ thích hợp nếu sự giảm giá trị tài sản có liên quan đến gian lận, tham ô hoặc buôn lòng quản lý. Tuy nhiên hiện nay chính sự lo lắng về hậu quả của việc công bố một khoản giảm giá trị, cho dù đó là kết quả của hoạt động kinh doanh một cách thông thường, đã dẫn đến việc lãnh đạo doanh nghiệp muốn ‘kiểm soát’ kết quả kinh doanh và tình hình tài chính doanh nghiệp trên báo cáo tài chính, làm cho nó phản ánh không đúng thực tế. Các ý kiến kiểm toán trong trường hợp này có thể sẽ là ngoại trừ hoặc chứa những cảnh báo rộng rãi tới người đọc dưới hình thức các vấn đề cần lưu ý.

61. Việc thiếu nhận thức về khái niệm “giá trị hợp lý” cũng ảnh hưởng tới mối quan tâm của các nhà đầu tư chiến lược vào khu vực DNNN. Cho tới gần đây, các DNNN khi cổ phần hóa vẫn không được phép cho nhà đầu tư mua cổ phần với giá cổ phiếu thấp hơn mức giá cổ phần hóa do các công ty định giá trong nước xác định³⁸. Các nhà đầu tư chiến lược thường đem lại những lợi ích đáng kể cho một doanh nghiệp cả về nguồn vốn lẫn các năng lực kỹ thuật khác và vì vậy họ kỳ vọng sẽ được đền đáp điều này thông qua mức giá ưu đãi khi mua cổ phần. Công ty Grant Thornton trong *Báo cáo Quý 4-2014 về Thị trường Vốn Việt Nam* đã cho rằng “nguyên nhân chính dẫn đến các giao dịch bị thất bại là “sự khác biệt trong kỳ vọng định giá”.

37 Công tác rà soát tập trung vào các vấn đề về trình bày và công bố thông tin và không đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán về “ghi nhận và đo lường” vì việc tuân thủ này không đánh giá được đầy đủ nếu chỉ rà soát các báo cáo tài chính.

38 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011.

62. Một số Đơn vị có lợi ích công chúng bao gồm cả DNNN đã lập báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Khi các nhà đầu tư và chủ nợ tiềm năng không thể so sánh các báo cáo tài chính ở Việt Nam với các pháp nhân tương tự ở các quốc gia khác thì ngày càng nhiều doanh nghiệp, nhất là các ngân hàng và các công ty niêm yết thấy cần thiết đồng thời với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo VAS là lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ theo IFRS. Xu hướng này, mặc dù tốn kém, song sẽ tiếp tục tăng vì ngày càng nhiều doanh nghiệp muốn tiếp cận với các nguồn vốn đầu tư và vốn vay từ các nhà đầu tư nước ngoài. Với dự định cho phép các nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư tổ chức khác nắm giữ cổ phần trong các DNNN bằng hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu và với quy định của Chính phủ gần đây cho phép tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong một số lĩnh vực thì xu hướng này lại càng được khẳng định.

KHUYẾN NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

63. Việt Nam nên có quy định về đối tượng áp dụng đầy đủ Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế và các diễn giải IFRS (gọi chung là Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Việt Nam - VFERS), đó là các đơn vị có lợi ích công chúng³⁹. Các VFERS này cần được quy định là khuôn khổ pháp lý chung cao nhất cho việc lập báo cáo tài chính cho mục đích chung của các đơn vị có lợi ích công chúng để đảm bảo tính nhất quán của các chuẩn mực và khả năng so sánh của các báo cáo tài chính. Đối với các đơn vị không có lợi ích công chúng hoặc các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) thì Việt Nam nên cân nhắc việc áp dụng IFRS cho các doanh nghiệp này. Do một bộ phận lớn các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là DNNVV nên việc áp dụng IFRS dường như là quá phức tạp. Vì vậy cần có những quy định cụ thể về việc áp dụng chuẩn mực kế toán và yêu cầu về lập và trình bày báo cáo tài chính cho từng loại hình doanh nghiệp khác nhau.

64. Việt Nam nên triển khai xây dựng VFERS theo từng giai đoạn và hiệu lực áp dụng đối với từng loại hình doanh nghiệp. Cần có cơ chế rõ ràng về quyền và trách nhiệm cho Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán - Bộ Tài chính (đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng chuẩn mực và các hướng dẫn chuẩn mực) làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước của từng lĩnh vực (ngân hàng, bảo hiểm và các đơn vị khác có liên quan) để xây dựng một lộ trình chi tiết cho việc triển khai VFERS cho từng lĩnh vực, bao gồm cả thời điểm áp dụng VFERS một cách khả thi, cân nhắc khối lượng công việc nâng cao năng lực cần thực hiện. Các đơn vị này cần có trách nhiệm phối hợp đầy đủ với Vụ CKKT và Kiểm toán. Đối với các đơn vị có lợi ích công chúng có khả năng thì nên cho phép áp dụng thí điểm VFERS. Điều này đồng nghĩa với việc các cơ quan quản lý nhà nước sẽ chấp nhận báo cáo VFERS thay cho báo cáo VAS hiện tại.

65. Khi VFERS đã tuân thủ đầy đủ IFRS thì cần có cơ chế để duy trì sự tuân thủ đó. Điều này có nghĩa là Chính phủ nên cân nhắc quy định về việc những chuẩn mực kế toán quốc tế mới

Việt Nam cần có những quy định cụ thể về việc áp dụng chuẩn mực kế toán và yêu cầu về lập và trình bày báo cáo tài chính cho từng loại hình doanh nghiệp khác nhau.

39 Ngoài lợi ích cho phép các báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ với các Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, lợi ích lớn khác của việc tối thiểu hóa mức độ "thay đổi mang tính địa phương" là các chuẩn mực sẽ luôn được cập nhật theo chuẩn mực quốc tế. Các nỗ lực và nguồn lực đáng kể hiện nay để ban hành các Thông tư và hướng dẫn nên được tập trung vào việc ban hành các văn bản hướng dẫn chuẩn mực và tư vấn áp dụng cho những người soạn lập báo cáo tài chính và các kiểm toán viên.

ban hành hay được cập nhật, bổ sung thì sẽ tự động có hiệu lực đối với hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam ngay tại ngày hiệu lực của chuẩn mực kế toán quốc tế.

66. Luật Kế toán sửa đổi của giai đoạn tới nên có quy định rõ ràng hơn nữa về việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích chung phải tuân thủ hoàn toàn với quy định của VFRS/VAS thay vì các quy định đặc thù⁴⁰. Các báo cáo tài chính tuân thủ hoàn toàn với VFRS/VAS có nghĩa là:

- Nếu các quy định đặc thù có yêu cầu về hạch toán kế toán khác biệt với VAS, yêu cầu này sẽ được đáp ứng bằng thông tin bổ sung trong thuyết minh báo cáo tài chính; và
- Các hướng dẫn đặc thù, ngoại lệ với VAS cho các trường hợp đặc biệt nên được giảm dần và loại bỏ.

67. Việt Nam cần xây dựng nghề thẩm định giá độc lập và chuyên nghiệp và xây dựng hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá tương đương với tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế. Trước đây do kinh tế thị trường chưa phát triển, các doanh nghiệp chủ yếu do Nhà nước nắm giữ 100% vốn nên khi đánh giá lại tài sản phải có quyết định của Nhà nước do đó nhu cầu định giá lại tài sản cho mục đích báo cáo tài chính và hạch toán kế toán không nhiều. Hiện nay, hoạt động thẩm định giá phục vụ mục đích này đang bắt đầu phát triển, hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam đã được xây dựng tương đối đầy đủ và phù hợp với các Tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế, bao gồm các nội dung như quy tắc đạo đức, cơ sở giá trị, quy trình thẩm định giá, phương pháp thẩm định giá, thẩm định giá một số tài sản như bất động sản, tài sản vô hình. Các tiêu chuẩn hiện nay ban đầu có thể đáp ứng được việc xác định “giá trị hợp lý” trong kế toán. Các quy định hướng dẫn riêng cho hoạt động thẩm định giá phục vụ mục đích báo cáo tài chính sẽ cần được ban hành trong tương lai⁴¹.

68. Nhu cầu về thẩm định giá độc lập đã tăng lên vì có nhiều đơn vị, đặc biệt là các DNNN, cần xác định lại giá trị tài sản để thực hiện ‘cổ phần hóa’ doanh nghiệp. Nhu cầu này sẽ còn lớn hơn khi áp dụng IFRS với khái niệm “giá trị hợp lý” được phổ biến. Điều đó có nghĩa là các chuẩn mực và phương pháp định giá được sử dụng tương đồng với các yêu cầu của VFRS/VAS sẽ là điều kiện cần để các kiểm toán viên độc lập đưa ra các ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần cho báo cáo tài chính.

40 Thông tư số 200, khoản 129 cũng đã một phần giải quyết vấn đề này bằng cách yêu cầu phải có ghi chú trong báo cáo tài chính cho phần đối chiếu giữa khoản thu nhập chịu thuế và lãi hạch toán, và bất cứ khác biệt nào so với chuẩn mực kế toán.

41 Một số tiêu chuẩn thẩm định giá đã được phát triển dựa trên Tiêu chuẩn thẩm định giá Quốc tế và đã đăng tải trên trang web của Bộ Tài chính, tuy nhiên chưa có hướng dẫn riêng về hoạt động thẩm định giá phục vụ cho mục đích báo cáo tài chính.



V CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN

HIỆN TRẠNG

69. **Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) được Bộ Tài chính ban hành dựa trên hệ thống chuẩn mực quốc tế (ISA) theo như điều 6 của Luật kiểm toán độc lập.** Việt Nam hiện có 47 chuẩn mực, trong đó 37 chuẩn mực đã được cập nhật trong năm 2012 và 10 chuẩn mực vừa được ban hành để đồng bộ với các chuẩn mực ISA⁴².

70. **VSA cần được tiếp tục được cập nhật với những thay đổi gần đây của ISA, cụ thể là về hình thức và nội dung của báo cáo kiểm toán cho các công ty niêm yết.** Hội đồng Chuẩn mực Kiểm toán và Dịch vụ bảo đảm Quốc tế IAASB vừa ban hành một số chuẩn mực mới và sửa đổi một số chuẩn mực để nâng cao giá trị của báo cáo kiểm toán tới các nhà đầu tư và những người sử dụng khác. Điểm đổi mới lớn nhất là việc yêu cầu công ty kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết cần phải trình bày rõ ràng những “Phát hiện cơ bản” mà kiểm toán viên đánh giá là quan trọng nhất, đồng thời trình bày họ đã giải quyết những vấn đề đó như thế nào, trên báo cáo kiểm toán. Các chuẩn mực mới và chuẩn mực được sửa đổi⁴³ đã được áp dụng cho việc kiểm toán BCTC cho kỳ kết thúc vào/sau ngày 15 tháng 12 năm 2016.

THỰC TẾ ÁP DỤNG CHUẨN MỤC KIỂM TOÁN

71. **Một số lĩnh vực cần được quan tâm hơn nữa để đảm bảo tuân thủ đầy đủ với VSA, bao gồm cả ISQC1 và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.** Khi rà soát một số ít các hồ sơ kiểm toán, nhóm ROSC nhận thấy một số trường hợp không ghi chép đầy đủ về hệ thống kiểm soát nội bộ, nhất là các kiểm soát liên quan đến các rủi ro đã được phát hiện và về lập kế hoạch kiểm toán. Mức trọng yếu được xác định đôi khi cũng cao hơn ngưỡng chuẩn VSA 320 cho phép. Bộ Tài chính/ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cũng thường xuyên tiến hành đánh giá chất lượng hồ sơ kiểm toán và trao đổi các phát hiện với các công ty kiểm toán. Kể từ tháng 10 năm 2015, Bộ Tài chính và UBCKNN bắt đầu công bố các công ty kiểm toán đã được đánh giá trong năm, cùng với kết quả đánh giá đạt yêu cầu/không đạt yêu cầu, nhưng không công bố các phát hiện và khuyến nghị. Chi tiết phát hiện và khuyến nghị này được gửi trực tiếp cho các công ty kiểm toán để có hành động khắc phục.

72. **Sự khác biệt về mức độ chuyên môn, kinh nghiệm và nguồn lực giữa các công ty kiểm toán tạo nên những chênh lệch đáng kể về chất lượng.** Trong khi các công ty kiểm toán là thành viên của các hãng kiểm toán quốc tế có lợi thế từ các quy trình kiểm soát chất lượng nội bộ thì các công ty kiểm toán trong nước khác lại có rất ít hỗ trợ về chuyên môn⁴⁴. Các công ty này do đó khó có thể giải quyết thỏa đáng các vấn đề quan trọng như rủi ro kiểm toán, kế hoạch kiểm toán, kiểm soát nội bộ, mức độ trọng yếu, hồ sơ kiểm toán và khái niệm hoạt động

42 47 chuẩn mực bao gồm: chuẩn mực về dịch vụ kiểm toán (38 chuẩn mực), chuẩn mực về dịch vụ soát xét (02 chuẩn mực), chuẩn mực về dịch vụ đảm bảo khác ngoài dịch vụ kiểm toán và dịch vụ soát xét (03 chuẩn mực), chuẩn mực về các dịch vụ có liên quan (2 chuẩn mực), 1 khuôn khổ về hợp đồng dịch vụ đảm bảo và 1 chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

43 Bộ đầy đủ các chuẩn mực mới và chuẩn mực được sửa đổi bao gồm ISA 700, *Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán về BCTC*; ISA 701, *Thông tin về những vấn đề kiểm toán quan trọng trên báo cáo kiểm toán độc lập*; ISA 570 (Sửa đổi), *Hoạt động liên tục*; ISA 705 (Sửa đổi), *Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần*; ISA 706 (Sửa đổi), *Đoạn các vấn đề nhấn mạnh và vấn đề khác trên báo cáo kiểm toán*; ISA 260 (Sửa đổi), *Trao đổi với Ban quản trị*; *Những thay đổi về tuân thủ đối với ISAs 210, 220, 230, 510, 540, 580, 600, and 710*.

44 Chương trình kiểm toán mẫu và các hướng dẫn của VACPA mặc dù là hữu ích nhưng chưa đủ để trang bị cho các công ty trong nước một phương pháp luận kiểm toán đạt chuẩn quốc tế hoặc ISQC1.

liên tục. Do vậy, hiện đang có sự chênh lệch lớn về chất lượng kiểm toán, đòi hỏi phải có hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kiểm toán cũng như hướng dẫn tuân thủ ISQC1 và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

73. Những đơn vị lập báo cáo tài chính mà nhóm ROSC phỏng vấn đều thừa nhận mức phí kiểm toán là một yếu tố quan trọng khi họ cân nhắc lựa chọn kiểm toán, dù chưa đến mức là yếu tố tiên quyết⁴⁵. Một số lãnh đạo cấp cao của các công ty lại không nhận thức được đầy đủ mục đích và giá trị của kiểm toán độc lập và vì thế chỉ chú trọng vào việc giảm thiểu ‘chi phí và phiền phức’ bởi công việc mà họ coi là chỉ cho mục đích tuân thủ đơn thuần. Tình trạng này đã dẫn đến mức phí kiểm toán đối với các đơn vị có lợi ích công chúng bị hạ thấp và cạnh tranh giữa các công ty kiểm toán làm giảm mức phí kiểm toán và từ đó có thể làm giảm chất lượng kiểm toán khi các kiểm toán viên phải tìm cách cắt giảm chi phí của mình.

74. Các công ty kiểm toán vừa và nhỏ trong nước thường không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp mà lựa chọn lập Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp. Điều 29 của Luật kiểm toán độc lập chỉ yêu cầu các công ty kiểm toán hoặc là mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các kiểm toán viên hoặc lập “quỹ dự phòng” cho các rủi ro nghề nghiệp theo hướng dẫn của Bộ tài chính⁴⁶. Ngoại trừ, Big 4 và một số doanh nghiệp kiểm toán lớn trong nước mua bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp, các công ty kiểm toán trong nước thường chọn lập “dự phòng rủi ro nghề nghiệp” vì họ không mất chi phí và thậm chí còn được lợi về thuế từ việc trích lập này. Một lý do khác cho việc không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp là thị trường bảo hiểm của Việt Nam không có nhiều công ty bảo hiểm cung cấp bảo hiểm rủi ro cho dịch vụ kiểm toán và các công ty bảo hiểm tính phí bảo hiểm rất cao do họ lo ngại về vấn đề rủi ro cao của thị trường kiểm toán trong nước.

75. Tính độc lập của kiểm toán viên cũng là một vấn đề cần đặt ra. Độc lập là yếu tố tiên quyết để đảm bảo chất lượng của dịch vụ kiểm toán. Nhận thức được điều này, Luật kiểm toán độc lập đã quy định độc lập là một trong những nguyên tắc hoạt động của kiểm toán độc lập. Đồng thời, Luật kiểm toán độc lập cũng quy định doanh nghiệp kiểm toán không được thực hiện kiểm toán khi đang thực hiện hoặc đã thực hiện trong năm trước liền kề công việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính hoặc thực hiện kiểm toán nội bộ cho đơn vị được kiểm toán (Điểm a Khoản 1 Điều 30 Luật kiểm toán độc lập).

Tuy nhiên, do nguồn lực và năng lực hạn chế, một số ít đơn vị thường dựa vào hỗ trợ của kiểm toán viên để lập và trình bày một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính của mình. Tình trạng này có thể ảnh hưởng tới nguyên tắc cơ bản nhất của kiểm toán độc lập đó là kiểm toán viên không được thỏa hiệp tính độc lập của mình bằng việc ra ý kiến trên chính báo cáo mà mình tham gia soạn lập.

Các công ty kiểm toán vừa và nhỏ trong nước thường không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp mà lựa chọn lập Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

45 Năm 2015, mức phí kiểm toán bình quân toàn ngành kiểm toán đối với các đơn vị có lợi ích công chúng là 205.434.384 đồng, trong đó, mức phí kiểm toán bình quân đối với các đơn vị có lợi ích công chúng của Big 4 là 634.043.551 đồng (thị phần của Big 4 đối với các đơn vị có lợi ích công chúng chỉ chiếm 21,75% của thị trường).

46 Theo Bộ tài chính, quỹ phòng được trích lập ở mức 0.5%-1% tổng doanh thu kiểm toán cho đến khi quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp có số dư tương đương 10% doanh thu dịch vụ kiểm toán.

76. **Các doanh nghiệp nhà nước, các ngân hàng lớn và công ty niêm yết lớn thường chỉ thành lập Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp (ngoại trừ các đơn vị có nhà đầu tư chiến lược nước ngoài) mà không có Ủy ban kiểm toán.** Luật doanh nghiệp cho phép doanh nghiệp được lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình: thành lập Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị (trường hợp này phải có ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập). Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp; thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính; kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp. Các thành viên của Ban Kiểm soát này thường không có đủ chuyên môn sâu về công tác bổ nhiệm, thay thế và miễn nhiệm kiểm toán viên cũng như soát xét báo cáo kiểm toán. Điều này không phải là một thông lệ tốt trong quản trị doanh nghiệp. Vấn đề này cũng đã được nêu trong Báo cáo ROSC Việt Nam về quản trị doanh nghiệp năm 2013.

KHUYẾN NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

77. **Cần có một cơ chế để đảm bảo VSA bao gồm cả chuẩn mục kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán và chuẩn mục đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán luôn được cập nhật với các chuẩn mục quốc tế.** Những lợi ích của việc cập nhật VSA với ISA gần đây sẽ bị mất đi nếu như hình thức và nội dung của báo cáo kiểm toán ở Việt Nam lại có sự khác biệt với yêu cầu này của các chuẩn mục quốc tế. Cơ chế cập nhật này phải bao gồm cả việc phổ biến đến các cơ quan giám sát và các đơn vị thực hiện. Cơ chế giám sát đảm bảo thực hiện đúng chuẩn mục được khuyến nghị trong phần “Kiểm tra và Giám sát”.

78. **Vấn đề cạnh tranh làm giảm mức phí kiểm toán cần được giải quyết thấu đáo.** Bộ Tài chính, các cơ quan quản lý nhà nước và các hiệp hội nghề nghiệp cần lãnh đạo toàn ngành để xây dựng được ý thức cho tất cả các bên liên quan về giá trị của quy trình kiểm toán độc lập khi đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính doanh nghiệp, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình. Một quá trình kiểm toán có chất lượng đòi hỏi một mức phí có thể đảm bảo tính bền vững.

79. **Các đơn vị có lợi ích công chúng nên thành lập Ủy ban kiểm toán với các thành viên có đầy đủ năng lực.** Vai trò của Ủy ban kiểm toán là xây dựng các chính sách kế toán của công ty và giám sát quy trình báo cáo tài chính, giám sát tính hiệu lực của chức năng kiểm toán và kiểm soát nội bộ, bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán độc lập, soát xét báo cáo kiểm toán và thư quản lý cùng với các nhiệm vụ được phân công khác. Để thực hiện được những nhiệm vụ quan trọng về báo cáo và quản trị như vậy, ủy ban cần có những thành viên đầy đủ trình độ và kinh nghiệm và các kênh báo cáo hợp lý. Các doanh nghiệp hiện đang có Ban kiểm soát trực thuộc Hội đồng quản trị có thể cân nhắc chuyển đổi thành Ủy ban Kiểm toán với đầy đủ chức năng và năng lực để hoạt động hiệu quả theo chuẩn quốc tế về Quản trị doanh nghiệp.

VI

CÁC YÊU CẦU VỀ **BÁO CÁO TÀI CHÍNH** VÀ **KIỂM TOÁN** THEO LUẬT ĐỊNH

HIỆN TRẠNG

80. **Các doanh nghiệp đều phải lập báo cáo tài chính hàng năm.** Điều 29 của Luật Kế toán 2015 yêu cầu tất cả các doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định và nộp báo cáo tài chính cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong vòng 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính. Điều 29, khoản 4 tạo tính linh hoạt hơn khi chỉ định Bộ Tài chính quy định chi tiết về báo cáo tài chính cho từng lĩnh vực hoạt động; trách nhiệm, đối tượng, kỳ lập, phương pháp lập, thời hạn nộp, nơi nhận báo cáo và công khai báo cáo tài chính.

81. **Các đơn vị hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, bao gồm cả các ngân hàng, theo quy định phải lập báo cáo tài chính hợp nhất.** Điều 191 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định công ty mẹ phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán. Bộ Tài chính ban hành VAS 25, *Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con* và Thông tư 202⁴⁷ hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và phương pháp kế toán xử lý các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, giữa tập đoàn và công ty liên doanh, liên kết. Đối tượng áp dụng của Thông tư này là các doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty mẹ - công ty con thuộc các ngành, các thành phần kinh tế. Theo thông lệ quốc tế thì chỉ yêu cầu các đơn vị có lợi ích công chúng lập báo cáo tài chính hợp nhất để giảm gánh nặng về báo cáo cho các công ty mẹ con loại nhỏ.

82. **Luật Doanh nghiệp yêu cầu các cổ đông phê duyệt báo cáo tài chính của doanh nghiệp.** Đối với các DNNN sở hữu 100% vốn, báo cáo tài chính do Hội đồng thành viên phê duyệt. Đối với các Công ty cổ phần thì báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi cho các cổ đông xem xét 10 ngày trước Đại hội Cổ đông và nộp cho cơ quan quản lý.

83. **Tất cả các doanh nghiệp đều phải công bố công khai báo cáo tài chính trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kỳ kế toán kết thúc năm.** Điều 32 Luật Kế toán 2015 quy định việc công bố thông tin tài chính bằng phát hành ấn phẩm, thông báo bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc các hình thức công bố công khai khác theo quy định của pháp luật. Các đơn vị có lợi ích công chúng, DNNN sở hữu 100% vốn, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp khác phải nộp báo cáo tài chính trực tiếp cho cơ quan quản lý, cơ quan thuế và cơ quan thống kê. Các hạn chế trong việc công bố thông tin về báo cáo tài chính của các DNNN được đề cập trong Phụ lục II.

84. **Luật Chứng khoán và các quy định niêm yết của các Sở giao dịch chứng khoán ở Việt Nam quy định tất cả các công ty niêm yết nộp báo cáo tài chính giữa kỳ.** Các đơn vị có lợi ích công chúng niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán theo quy định phải lập báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính bán niên theo quy định phải được soát xét và báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được UBCKNN cho phép kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

85. **Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định NHNN quản lý nhà nước về báo cáo tài chính của các tổ chức tín dụng và chinh nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm cả các tổ chức tài chính vi mô.** NHNN cũng đưa ra các yêu cầu về công bố thông tin, chủ yếu là báo cáo

an toàn mà mỗi ngân hàng phải tuân thủ. Có một số khác biệt giữa VAS và các yêu cầu báo cáo an toàn. Những điểm khác biệt chính có thể kể đến là khái niệm đầu tư vào công ty liên kết. Khi VAS quy định nếu đầu tư từ 20% vốn chủ sở hữu trở lên thì được coi là đầu tư vào công ty liên kết và cần hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì yêu cầu báo cáo an toàn của NHNN lại quy định nếu đầu tư 11% vốn chủ sở hữu trở lên thì đã phải coi là công ty liên kết. Điểm khác biệt lớn tiếp theo là quy định của NHNN về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên báo cáo của các tổ chức tín dụng được tính toán và trình bày theo đúng các quy định của Ngân hàng nhà nước (chi tiết trong Phụ lục I), còn theo nguyên tắc giá trị hợp lý của chuẩn mực quốc tế, các tổ chức tín dụng đo lường giá trị hợp lý của từng khoản cho vay và sẽ hạch toán giảm giá trị nếu như giá trị hợp lý này trở nên thấp hơn giá trị ghi theo sổ sách. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nghĩa vụ nộp báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm cho NHNN. NHNN quy định các tổ chức tín dụng phải kiểm toán các báo cáo tài chính của mình trong vòng ba tháng sau khi kết thúc năm tài chính và tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành. NHNN đang nghiên cứu ban hành quy định về hạch toán kế toán đặc thù cho các tổ chức tài chính vi mô, hiện nay các tổ chức tài chính vi mô đang thực hiện báo cáo theo chế độ kế toán áp dụng đối với các tổ chức tín dụng.

86. Các công ty bảo hiểm (bao gồm cả các công ty bảo hiểm nhân thọ) và môi giới bảo hiểm chịu sự quản lý của Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm. Các đơn vị này phải tuân thủ các quy định về báo cáo tài chính giống như các công ty thông thường khác, ngoại trừ một số yêu cầu về trích lập dự phòng kỹ thuật theo quy định của Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm. Báo cáo tài chính hàng năm của các công ty bảo hiểm phải được kiểm toán. Các công ty bảo hiểm phải nộp báo cáo tài chính hàng tháng, hàng quý, hàng năm cùng với các báo cáo khác theo quy định lên Bộ Tài chính. Các quy định quản lý nhà nước về các loại hình đầu tư và tính thanh khoản, cách tính trích lập dự phòng cho các nghĩa vụ bảo hiểm theo công thức cũng có khác biệt so với VAS 19.

87. Nghị định 87 quy định về tăng cường giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của DNNN và doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Nghị định số 87⁴⁸, ban hành tháng 12/2015 quy định về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn và cổ phần có vốn nhà nước và Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Nghị định này tăng cường công tác giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các DNNN, đồng thời có rất nhiều cải thiện trong các khía cạnh quan trọng khác như tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

88. Việc ban hành Nghị định 87 và các thông tư hướng dẫn liên quan là một bước tiến tích cực trong việc tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình cho các DNNN. Nghị định 87 và thông tư 200⁴⁹ có quy định báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các DNNN, báo cáo phân tích kết quả tài chính, các dự án đầu tư, mua tài sản, số lượng và quỹ lương của nhân viên và cấp quản lý phải được công bố trên website. Tuy nhiên, do Nghị định 87 và các thông tư vừa mới được ban hành và có hiệu lực, việc tuân thủ mới đang ở giai đoạn thực thi.

Việc ban hành Nghị định 87 và các thông tư hướng dẫn liên quan là một bước tiến tích cực trong việc tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình cho các DNNN.

48 Nghị định 87/2015/NĐ-CP.

49 Thông tư 200/2015/TT-BTC, thay thế thông tư 158/2003/TT-BTC và Thông tư 171/2014/TT-BTC.

89. **Việc tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính là bắt buộc đối với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng khác, các công ty bảo hiểm và các công ty niêm yết.** Điều 37 Luật kiểm toán độc lập quy định rằng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; các công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán đều phải tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của mình.

90. **Các đơn vị có lợi ích công chúng phải được kiểm toán bởi các công ty được Bộ tài chính hoặc UBCKNN chấp thuận.** Theo định nghĩa tại điều 53 Luật Kiểm toán độc lập thì các ngân hàng và các tổ chức tín dụng; các tổ chức tài chính, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; công ty đại chúng, tổ chức phát hành, tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán là các đơn vị có lợi ích công chúng. Điều 53 cũng bao gồm vào định nghĩa đơn vị có lợi ích công chúng là các doanh nghiệp, tổ chức khác có liên quan tới lợi ích công chúng do tính chất, quy mô hoạt động của đơn vị đó theo quy định của pháp luật. Điều này giúp mở rộng phạm vi yêu cầu kiểm toán, ví dụ như các công ty tư nhân lớn cũng phải được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán nằm trong danh sách được Bộ tài chính hoặc UBCKNN chấp thuận. Thông tư 183⁵⁰ yêu cầu thêm các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán⁵¹ phải được UBCKNN chấp thuận. Các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng khác thì chỉ được Bộ Tài chính chấp thuận.

91. **Có quy định về luân phiên kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán.** Điều 39, Luật kiểm toán độc lập quy định các kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán phải được thay đổi sau 3 năm liên tục. Quy định này áp dụng đối với tất cả các loại hình kiểm toán. Điều 58 Luật kiểm toán độc lập cũng quy định kiểm toán viên hành nghề không được thực hiện kiểm toán cho một đơn vị có lợi ích công chúng trong năm năm tài chính liên tục. Ngoài ra, đối với các tổ chức tín dụng, NHNN bắt buộc thay đổi công ty kiểm toán sau 5 năm.

92. **Luật Kiểm toán Nhà nước quy định Kiểm toán Nhà nước Việt Nam tiến hành kiểm toán các doanh nghiệp có trên 50% vốn nhà nước.** Đối với các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống, khi cần thiết Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định lựa chọn mục tiêu, tiêu chí, nội dung và phương pháp kiểm toán phù hợp. Các cuộc kiểm toán do KTNN tiến hành chủ yếu tập trung vào việc tuân thủ các quy tắc và quy định trong việc quản lý tài chính của các doanh nghiệp này. Khi soát xét các công việc đã được các kiểm toán viên độc lập tiến hành, KTNN xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán và thư quản lý, nhưng không có kênh thông tin trực tiếp thường xuyên giữa doanh nghiệp kiểm toán độc lập và KTNN mà chỉ liên lạc khi có sự vụ theo yêu cầu. Luật Kiểm toán Nhà nước 2015, hiệu lực 1 tháng 1 năm 2016 đã quy định rõ 3 loại hình kiểm toán: kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động. KTNN cũng đang trong quá trình ban hành và cập nhật các chuẩn mực của mình để tuân thủ với các chuẩn mực ISSAI của INTOSAI.

50 Thông tư 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

51 Các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán gồm công ty đại chúng quy mô lớn, tổ chức niêm yết, tổ chức phát hành chứng khoán ra công chúng, công ty chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ và các công ty quản lý quỹ (Theo Thông tư 183).

KHUYẾN NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

93. **Bộ Tài chính nên dựa trên Luật Kế toán 2015 để hoàn thiện hơn nữa các quy định về báo cáo toàn diện và đa dạng.** Các quy định này cần phân biệt yêu cầu về lập và trình bày báo cáo tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định đối với từng đối tượng là đơn vị có lợi ích công chúng, các doanh nghiệp tư nhân lớn và các DNNVV. Bộ Tài chính cũng nên quy định rõ ràng về nghĩa vụ lập và trình bày báo cáo tài chính, kiểm toán và chuẩn mực kế toán mà các đơn vị không có lợi ích công chúng phải tuân thủ khi lập báo cáo tài chính, cũng như nghĩa vụ nộp và công bố các báo cáo này. Yêu cầu về lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng nên có sự khác biệt giữa các đơn vị có lợi ích công chúng và đơn vị không có lợi ích công chúng, trong đó đơn vị không có lợi ích công chúng nên được miễn trừ.

94. **Các quy định này cần chỉ rõ các đơn vị có lợi ích công chúng cần phải lập và nộp báo cáo tài chính tuân thủ VFRS đã được kiểm toán.** Các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp bảo hiểm và các doanh nghiệp nhà nước là đơn vị có lợi ích công chúng cũng cần tuân thủ hoàn toàn VFRS mà không nên có quy định ngoại lệ nào. Đối với các đơn vị chưa có lợi ích công chúng nhưng lại có vị thế thương mại quan trọng và có nhu cầu tiếp cận tín dụng thì được phép lựa chọn áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán cho các DNNVV (tương đương với IFRS cho DNNVV) hoặc áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán VFRS đầy đủ. Các doanh nghiệp siêu nhỏ chỉ cần lập thông tin tài chính dưới hình thức phù hợp cho mục đích thuế và thống kê.

95. **Yêu cầu về mức độ báo cáo đối với từng loại hình doanh nghiệp có thể được xác định căn cứ vào khả năng đáp ứng hai trong số ba tiêu chí về doanh thu, tổng tài sản và số lượng nhân viên.** Điểm này tương tự như các quy định hiện tại trong Nghị định số 56⁵² phân chia các DNNVV thành ba nhóm là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa, việc phân loại này được căn cứ vào quy mô vốn và số lượng lao động.



VII KIỂM TRA VÀ **GIÁM SÁT**

HIỆN TRẠNG

96. Luật Kế toán 2015 quy định đơn vị kế toán phải chịu sự kiểm tra kế toán của cơ quan có thẩm quyền. Điều 34 Luật Kế toán 2015 quy định việc kiểm tra kế toán chỉ được thực hiện khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền⁵³ theo quy định của pháp luật hoặc được tiến hành bởi các cơ quan đặc biệt⁵⁴ và bao gồm các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra việc thực hiện nội dung công tác kế toán;
- Kiểm tra việc tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán;
- Kiểm tra việc tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán;
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về kế toán.

Ngoài nội dung kiểm tra, Luật Kế toán 2015 quy định thêm chức năng quản lý Nhà nước về giám sát việc tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán. Đây là hoạt động cần thiết để đảm bảo các quy định về chuẩn mực và chế độ kế toán đi vào cuộc sống.

97. Khi kết thúc kiểm tra kế toán, đoàn kiểm tra kế toán phải lập biên bản kiểm tra kế toán và giao cho đơn vị kế toán được kiểm tra một bản. Nếu phát hiện có vi phạm pháp luật về kế toán thì xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

98. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chung về quản lý và tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán. Bộ Tài chính xem xét, đánh giá Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán để giám sát việc tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, pháp luật và các quy định có liên quan của doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề. Bộ Tài chính thông báo danh sách doanh nghiệp kiểm toán được kiểm tra trực tiếp chất lượng dịch vụ kiểm toán hàng năm cho UBCKNN và Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán. Đồng thời Bộ ra quyết định kiểm tra và tổ chức thực hiện việc kiểm tra trực tiếp tại các doanh nghiệp kiểm toán, ngoại trừ các doanh nghiệp kiểm toán đã được UBCKNN trực tiếp kiểm tra.

**Luật Kế toán 2015
quy định đơn vị kế toán
phải chịu sự kiểm tra
kế toán của cơ quan
có thẩm quyền.**

99. NHNN kiểm tra báo cáo tài chính và các báo cáo an toàn của các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. NHNN đã chuẩn hóa các quy trình để kiểm tra báo cáo tài chính và các báo cáo an toàn của các tổ chức tín dụng và⁵⁵ có thể kiểm tra tại chỗ khi quá trình kiểm tra các báo cáo mà các tổ chức nộp lên phát hiện ra các vấn đề cần rà soát kỹ hơn.

100. Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm của Bộ Tài chính chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ các quy định về báo cáo tài chính và báo cáo an toàn của các công ty bảo hiểm. Các cán bộ của Cục thực hiện soát xét các báo cáo tài chính và báo cáo an toàn trong đó chủ yếu

53 Các cơ quan có thẩm quyền bao gồm tất cả các cơ quan quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán, và báo cáo tài chính doanh nghiệp, bao gồm cả Bộ Tài chính, các bộ ngành, UBND cấp tỉnh hay bất kỳ cơ quan nào được quy định theo pháp luật.

54 Các cơ quan này bao gồm thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành về tài chính, kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế.

55 NHNN và các công ty kiểm toán độc lập có thể sử dụng các hướng dẫn được thống nhất giữa Ủy ban Giám sát Ngân hàng Basel và Hội đồng Chuẩn mực Kiểm toán và Dịch vụ bảo đảm Quốc tế (IAASB) với nội dung *Mối quan hệ giữa thanh tra ngân hàng và kiểm toán độc lập của ngân hàng*.

tập trung kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo hiểm. Các hành vi vi phạm Luật Kinh doanh Bảo hiểm có thể chịu các hình phạt hành chính hoặc hình sự. Tuy nhiên, cũng như NHNN, Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm chưa chú trọng kiểm tra việc các báo cáo tài chính của đơn vị có hoàn toàn tuân thủ VAS hay không.

101. Điều 123 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm có các quy định về việc khen thưởng cho tổ chức, cá nhân phát hiện vi phạm. Khái niệm “tổ chức, cá nhân phát hiện vi phạm”⁵⁶ này không thấy được đề cập trong các luật khác thuộc khung pháp lý về kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính. Việc trân trọng và khen thưởng người phát hiện vi phạm này ngày càng được đánh giá cao như là một thông lệ quản trị tốt trong cộng đồng doanh nghiệp rộng lớn trên thế giới và được các cơ quan pháp luật coi như một phương tiện hỗ trợ hữu ích cho thực thi pháp luật.

102. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) kiểm tra các báo cáo tài chính của các công ty niêm yết dựa trên mức đánh giá rủi ro. UBCKNN tiến hành soát xét căn cứ vào những rủi ro được xác định từ nhiều nguồn thông tin khác nhau. Việc soát xét tập trung vào phát hiện những bất thường và ngoại lệ. Trong quá trình soát xét, UBCKNN sẽ thảo luận với kiểm toán viên khi cần thiết, nhất là khi báo cáo tài chính có ý kiến kiểm toán ngoại trừ. UBCKNN không công bố kết quả kiểm tra định kỳ các báo cáo tài chính hay xem xét chi tiết việc tuân thủ VAS.

103. Các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam có rà soát việc tuân thủ báo cáo tài chính song lại không tập trung vào việc tuân thủ VAS, mà chỉ thường chú trọng vào việc liệu một công ty niêm yết có phát hành báo cáo tài chính đúng thời hạn, đúng hình thức và có ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ thì Sở giao dịch sẽ yêu cầu doanh nghiệp giải trình. Cả ý kiến ngoại trừ và báo cáo giải trình đều được công bố ngay lập tức để có thông tin kịp thời cho công chúng. Các Sở giao dịch chứng khoán hợp tác với một công ty kiểm toán thuộc nhóm Bốn công ty kiểm toán hàng đầu để tiến hành chương trình thúc đẩy quản trị doanh nghiệp và báo cáo tài chính, trong đó có phát hành báo cáo so sánh VAS với IFRS. Các sở cũng thường xuyên mời các công ty kiểm toán đào tạo cho cán bộ nhân viên của mình và các doanh nghiệp có lợi ích công chúng về IFRS.

104. UBCKNN đã nhận chuyển giao từ Bộ Tài chính trách nhiệm kiểm tra các công ty kiểm toán được thực hiện kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán⁵⁷. Hiện nay, UBCKNN đang đảm nhận việc kiểm tra chất lượng của công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. Các đợt kiểm tra này được thực hiện theo chu kỳ ba năm một lần cho mỗi công ty và các công ty kiểm toán được chấp thuận vẫn phải thực hiện tự đánh giá hàng năm. Hiện tại có khoảng 30 công ty kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, so với số lượng 43 công ty trong năm ngoái. Số lượng công ty giảm đi do Ủy ban đưa ra yêu cầu cao hơn về số lượng khách hàng và số lượng kiểm toán viên hành nghề.

56 Theo điều 123, người phát hiện việc vi phạm pháp luật có thể được tuyên dương và/hoặc khen thưởng. Kinh nghiệm quốc tế chỉ ra rằng các vụ gian lận tài chính lớn (ví dụ như Enron) được phát hiện hầu như từ báo cáo của “người phát hiện gian lận” trong nội bộ đơn vị.

57 Trước năm 2014, VACPA được Bộ tài chính ủy quyền kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán đối với doanh nghiệp kiểm toán. Kinh nghiệm từ các thông lệ quốc tế tốt nhất chỉ ra rằng trách nhiệm kiểm tra các công ty có lợi ích công chúng nên được tiến hành bởi các cơ quan quản lý nhà nước độc lập thay vì các hội nghề nghiệp.

105. **Luật Kế toán 2015 nghiêm cấm các hành vi gian lận trong kế toán.** Các hành vi bị cấm được quy định cụ thể tại Điều 13 Luật Kế toán. Luật Kế toán có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện của người làm kế toán, kế toán trưởng tại các đơn vị kế toán tại điều 51 và 54 của Luật Kế toán⁵⁸.

106. **Điều 11 Luật Kiểm toán độc lập giao trách nhiệm giải quyết khiếu nại và vi phạm pháp luật cũng như việc giám sát chất lượng kiểm toán cho Bộ Tài chính.** Điều 6 Luật kiểm toán độc lập quy định các chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán là cơ sở để kiểm tra và đánh giá chất lượng kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp. Điều 13 Luật kiểm toán độc lập cũng nghiêm cấm kiểm toán viên không được tiến hành một số giao dịch tài chính liên quan tới khách hàng, cung cấp dịch vụ kiểm toán khi không đủ điều kiện hành nghề theo quy định và tham gia vào các hành vi gian lận trong việc lập hoặc kiểm toán báo cáo tài chính. Cũng có những quy định cấm tương tự đối với đơn vị được kiểm toán liên quan tới báo cáo tài chính cũng như việc cản trở công việc của kiểm toán viên hoặc hối lộ kiểm toán viên. Điều 27 Luật Kiểm toán độc lập quy định Bộ Tài chính có thể đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán nếu doanh nghiệp đó không đáp ứng được các điều kiện theo quy định, có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm các chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Điều 59 Luật Kiểm toán độc lập quy định một loạt các hành vi vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập và Điều 60 Luật này quy định các chế tài sẽ được áp dụng bao gồm cảnh cáo, phạt tiền, thu hồi Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, đình chỉ đăng ký hành nghề hoặc cấm tham gia hoạt động kiểm toán độc lập, truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường.

107. **Mặc dù cả hai Luật Kế toán và Luật Kiểm toán độc lập và các văn bản hướng dẫn hai luật này đều có quy định về các chế tài xử phạt vi phạm đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán độc lập song mức độ thực thi chưa cao.** Công tác giám sát và thực thi chưa tạo được nhiều sức ép và động lực tới ban lãnh đạo các công ty, hội đồng quản trị và kiểm toán viên về việc đảm bảo các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán và được kiểm toán theo đúng các quy định của chuẩn mực kiểm toán và các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp đã ban hành.

Luật Kế toán có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện của người làm kế toán, kế toán trưởng tại các đơn vị kế toán.

KHUYẾN NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

108. **Công tác kiểm tra và giám sát cần được hiện đại hóa.** Việt Nam cần hướng tới xây dựng, phát triển một tổ chức phù hợp (Ví dụ Cơ quan Giám sát Kế toán và Kiểm toán - VAASB) để thực hiện nhiệm vụ giám sát nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Hiện nay, Bộ Tài chính đang nghiên cứu phương án xây dựng VAASB để tiếp quản nhiệm vụ giám sát nghề nghiệp từ Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán (Vụ CĐKT&KT). Mô hình VAASB được đề xuất trong báo cáo

⁵⁸ Kế toán viên phải đảm bảo tính chính trực, đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật. Đối với kế toán trưởng bổ sung thêm yêu cầu về 2 năm kinh nghiệm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và 03 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng, kèm với chứng chỉ kế toán trưởng.

“Tăng cường năng lực cho Vụ CĐKT&KT” sẽ bao gồm các tiểu ban: Xây dựng chuẩn mực; Kiểm tra báo cáo tài chính; Cấp phép cho kiểm toán viên và kế toán viên hành nghề; Giám sát chất lượng dịch vụ kiểm toán và kế toán và xử lý vi phạm. Các hiệp hội VAA và VACPA tiếp tục chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện các công việc xây dựng chuẩn mực, quản lý chất lượng hội viên và xử lý các vi phạm thông thường như đã được ủy quyền. Vai trò của các tiểu ban VAASB là giám sát việc thực hiện này của các hiệp hội và lập hội đồng xử lý các vi phạm nghiêm trọng. VAASB cần lưu ý để đảm bảo những người chịu trách nhiệm xây dựng chuẩn mực không tham gia vào thực thi các chuẩn mực đó.

109. Việc thành lập VAASB nên được tiến hành theo 2 bước. Ban đầu VAASB nên được thành lập trực thuộc Vụ CĐKT&KT và chưa có pháp nhân độc lập (bước 1) cho tới khi quy định pháp lý được Quốc hội thông qua cho phép công nhận tư cách pháp nhân của VAASB (bước 2). Các cơ quan chính phủ, Vụ CĐKT&KT, UBCKNN, các sở giao dịch chứng khoán, Cục giám sát bảo hiểm, Ngân hàng Nhà nước, VAA và VACPA cần thảo luận và thống nhất cơ chế tài chính cho các hoạt động giám sát. Các hoạt động giám sát của VAA và VACPA nên được tài trợ từ nguồn phí hội viên của mỗi hiệp hội. Các Hiệp hội này, đến lượt mình, nên đóng góp tài trợ một số hoạt động của VAASB như hoạt động kiểm soát chất lượng dịch vụ. Các hoạt động khác của VAASB ví dụ như hoạt động kiểm tra báo cáo tài chính thì nên được đóng góp bởi tất cả các bên liên quan. Chính phủ cũng nên tài trợ một phần hoạt động của cơ quan này.⁵⁹

110. VAASB nên có thành phần rộng rãi, ban đầu do Bộ Tài chính lựa chọn và sau đó thông qua để cử, và trực tiếp chịu trách nhiệm đối với hoạt động và quy trình ra quyết định của mình. Điều này sẽ giúp Vụ CĐKT&KT tập trung hơn vào công tác xác định các rủi ro trong chất lượng của báo cáo tài chính ở Việt Nam cũng như tham mưu chính sách chiến lược thích hợp cho Chính phủ và Quốc hội để phòng ngừa các rủi ro này, đồng thời thực hiện nhiệm vụ mới là giám sát việc tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán quy định trong Luật Kế toán 2015.

111. UBCKNN cũng cần được nâng cao quy trình về rà soát chất lượng kiểm toán. UBCKNN chưa là thành viên của Liên đoàn Quốc tế Các cơ quan quản lý nhà nước về kiểm toán (IFIAR), do đó chưa được tiếp cận với các khóa đào tạo chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật của IFIAR. UBCKNN hiện tại cũng đang dựa vào các kiểm toán viên có kinh nghiệm đang làm việc tại một số công ty kiểm toán để kiểm tra các công ty khác. Điều này, mặc dù được quy định chính thức trong Thông tư 157⁶⁰, có thể ảnh hưởng tới tính độc lập cũng như hiệu quả của công tác kiểm tra. (Như đã đề cập trong đoạn 108, chức năng soát xét chất lượng kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng sẽ được giao cho VAASB, do đó cần phải xác định vai trò trong tương lai của UBCKNN trong bối cảnh đó).

112. Hiệu quả của công tác kiểm tra chất lượng kiểm toán có thể được nâng cao khi áp dụng những khuyến nghị trong Báo cáo “Tăng cường năng lực cho Vụ CĐKT&KT”. Báo cáo khuyến nghị công tác kiểm tra nên chuyển cho VAASB tiến hành thông qua các nhân viên được tuyển dụng vào làm công tác kiểm tra, giám sát. Các nhân viên này phải có đầy đủ kiến thức và kinh nghiệm để kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán của cả chi nhánh các công ty kiểm toán quốc tế và các công ty kiểm toán lớn trong nước, đang kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng. Kinh phí cho việc kiểm tra chất lượng kiểm toán này do các đơn vị có lợi ích công chúng

59 Trích Báo cáo “Tăng cường năng lực cho Vụ CĐKT&KT” do Ngân hàng Thế giới tài trợ.

60 Thông tư 157/2014/TT-BTC.

đóng góp. Như vậy sẽ giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán đều có thể dựa vào VAASB để đánh giá chất lượng dịch vụ của từng công ty kiểm toán.

113. Báo cáo “Tăng cường năng lực cho Vụ CĐKT&KT” cũng đề xuất VAASB nên chịu trách nhiệm chấp thuận danh sách các công ty kiểm toán được phép kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng. Điều này sẽ giúp cho quá trình chấp thuận được tiến hành thống nhất cả về tiêu chí chấp thuận (sau khi tham vấn với NHNN và UBCKNN), quản lý việc bổ nhiệm kiểm toán và giám sát tuân thủ. NHNN và UBCKNN sẽ không phải tiến hành các quy trình chấp thuận riêng lẻ cho danh sách các công ty được kiểm toán các công ty niêm yết và danh sách các công ty được kiểm toán các tổ chức tín dụng. Việc đánh giá năng lực các công ty kiểm toán để đưa vào danh sách chấp thuận cũng sẽ nhất quán và hợp lý hơn khi đánh giá cả năng lực và nguồn lực của công ty kiểm toán để có thể thực hiện những cuộc kiểm toán chất lượng cao cho các đơn vị có lợi ích công chúng, bao gồm cả các DNNN.

114. Một khía cạnh khác được đề cập trong Báo cáo là các quy trình xử phạt. VAASB cũng nên được giao trách nhiệm áp dụng các biện pháp xử phạt liên quan đến việc lập và kiểm toán các báo cáo tài chính của các đơn vị có lợi ích công chúng. Với các đề xuất VAASB chịu trách nhiệm rà soát báo cáo tài chính và kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán thì VAASB đủ thông tin và năng lực thực thi quá trình xử phạt thông qua Ủy ban Kỷ luật. Ủy ban này có thể tham vấn các chuyên gia kỹ thuật khác trong quá trình xử phạt. Quy trình này giúp nâng cao tính nhất quán và minh bạch trong việc báo cáo, giải quyết vi phạm và xử phạt.

115. Việc hợp nhất và giao các công việc này cho VAASB sẽ đem lại những lợi ích đáng kể, giúp thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý và tận dụng có hiệu quả nguồn lực hiện có. Nhờ đó, mỗi cơ quan quản lý không cần phải xây dựng và duy trì các kỹ năng, chuyên môn chuyên ngành và giúp giảm thiểu chi phí cho các đơn vị có lợi ích công chúng thay vì phải tiếp các đoàn thanh tra khác nhau. Cơ chế này cũng có thể giúp cải thiện cơ chế kiểm tra và giám sát các DNNN hiện tại.

116. Các cơ quan quản lý nhà nước nên công bố báo cáo về công tác kiểm tra giám sát. Các cơ quan này có thể không công khai tất cả các kết quả và các hành động giám sát, tuy nhiên nếu không công bố thông tin về công tác giám sát có thể làm cho công chúng hiểu rằng ngành hoàn toàn không có vấn đề hoặc công tác giám sát không hiệu quả. Cả hai trường hợp này đều mang lại rủi ro cho khâu quản lý. Để giảm thiểu rủi ro này, như một biện pháp tăng cường hơn nữa hiệu quả trong công tác giám sát an toàn, nhiều cơ quan quản lý nhà nước trên thế giới đã công bố các báo cáo hàng năm tóm tắt các hoạt động của mình và các phát hiện chung. Các cơ quan quản lý Việt Nam nên xem xét áp dụng cách công bố này. Bước tiến đầu tiên theo định hướng này là kể từ tháng 10 năm 2015, Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) bắt đầu công bố các công ty kiểm toán đã được đánh giá trong năm, cùng với kết quả đánh giá đạt yêu cầu/không đạt yêu cầu, nhưng không công bố các phát hiện và khuyến nghị. Chi tiết phát hiện và khuyến nghị này được gửi trực tiếp cho các công ty kiểm toán để có hành động khắc phục.

Việt Nam cần hướng tới xây dựng, phát triển một tổ chức phù hợp để thực hiện nhiệm vụ giám sát nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.



VIII

CÁC
HỘI NGHỀ NGHIỆP
KẾ TOÁN KIỂM TOÁN
(PAOs)

HIỆN TRẠNG

117. Việt Nam hiện có hai Hội nghề nghiệp về kế toán kiểm toán được chính thức thừa nhận là Hội kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).⁶¹.

118. Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) là Tổ chức nghề nghiệp đầu tiên, đại diện ở Việt Nam về nghề nghiệp kế toán và kiểm toán. VAA được thành lập năm 1994 theo Quyết định số 12 - TTg ngày 10/1/1994 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức được đổi tên thành Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam theo Quyết định số 35/2004/BNV ngày 18/5/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Tới năm 2015 VAA đã có hơn 10.000 hội viên và là thành viên tích cực của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, là một thành viên của Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC), tuy nhiên tư cách hội viên đang tạm dừng, và thành viên của Liên đoàn Kế toán Châu Á (AFA). VAA có số lượng hội viên lớn, trong đó bao gồm những người làm việc trong khu vực công (3.000), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các kiểm toán viên nội bộ. Khoảng 1.200 hội viên của VAA cũng là hội viên của VACPA. Việc đăng ký là hội viên của VAA hoàn toàn tự nguyện và phí hội viên thường niên rất thấp (khoảng 10 USD). VAA có những thành viên thuộc Hội nghề nghiệp có tính chuyên nghiệp cao, như: Câu lạc bộ kế toán trưởng toàn quốc, Hội kế toán viên hành nghề (Vietnamese Institute of Chartered Accountants – VICA), Hội kế toán Kho bạc nhà nước, Hội kế toán các Trường Đại học, các ngành và các địa phương.

119. Từ năm 2007, VAA chịu trách nhiệm quản lý hành nghề kế toán, góp phần hình thành và phát triển thị trường dịch vụ kế toán. VAA hoạt động đại diện cho nghề kế toán ở Việt Nam và thực hiện đào tạo dành cho học viên muốn lấy chứng chỉ Kế toán trưởng (chương trình đào tạo 400 giờ). VAA cũng thực hiện các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, cập nhật kiến thức cho các hội viên. VAA đã có những đóng góp đáng kể cho việc phát triển của kế toán, kiểm toán Việt Nam, trong quá trình hội nhập với khu vực và thế giới. VAA đã đóng góp nhiều ý kiến vào một số văn bản pháp lý trong đó có những dự án quan trọng như: Luật Kiểm toán độc lập, Luật Kế toán và nghị định hướng dẫn Luật và các văn bản khác của Bộ Tài chính.

Việt Nam hiện có hai hội nghề nghiệp về kế toán và kiểm toán là Hiệp hội Kế toán Việt Nam (VAA) và Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).

120. VACPA là tổ chức nghề nghiệp của công dân Việt Nam có chứng chỉ kiểm toán viên độc lập và các doanh nghiệp kiểm toán ở Việt Nam, được thành lập từ năm 2005 theo Quyết định số 15/2005/QĐ-BNV ngày 19/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. VACPA hoạt động theo nguyên tắc độc lập, trung thực, minh bạch, tất cả vì lợi ích của Hội viên, lấy công tác chuyên môn làm trọng tâm hoạt động, là cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước với các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán. Cũng giống như VAA, việc đăng ký hội viên của VACPA trên cơ sở tự nguyện. Ước tính khoảng 90% người đang đăng ký hành nghề kiểm toán là hội viên của VACPA. Hội viên của VACPA cũng bao gồm một số người có chứng chỉ kiểm toán viên (CPA)

61 VAA và VACPA được thành lập với tư cách là các tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán. Điều 70 của Luật Kế toán 2015 quy định tổ chức nghề nghiệp về kế toán được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về hội và có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người làm kế toán, kế toán viên hành nghề và thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến hoạt động kế toán do Chính phủ quy định. Điều 71 của Luật quy định Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kế toán.

nhưng không hành nghề kiểm toán. Tổng số hội viên tính đến thời điểm 31 tháng 5 năm 2016 là khoảng 1.835 người.

121. VACPA trở thành thành viên liên kết của Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) từ tháng 11/2015 và trực thuộc Liên đoàn Kế toán Châu Á Thái Bình Dương (CAPA). VACPA cũng đã thiết lập các thỏa thuận hợp tác với một số Hội nghề nghiệp quốc tế như Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA) và Hiệp hội Kế toán công chứng Australia (CPA Australia), Hội Kế toán công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW). VACPA có hai văn phòng ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

122. Ngoài vai trò là đại diện và thay mặt các hội viên, VACPA cũng thực hiện các chương trình đào tạo dành cho ứng viên các kỳ thi CPA và các chương trình cập nhật kiến thức hàng năm (CPD) dành cho các kiểm toán viên đang hành nghề. Ngoài ra, Nghị định 17 của Chính phủ⁶² cũng quy định cụ thể thêm một số nhiệm vụ, quyền hạn của VACPA như: thực hiện việc nghiên cứu, soạn thảo, cập nhật hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam trên cơ sở hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế theo quy trình xây dựng, ban hành và công bố Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; tham gia tổ chức thi kiểm toán viên; phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra, kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán. Từ năm 2009 đến năm 2015, VACPA đã tiến hành cập nhật lại toàn bộ các chuẩn mực kiểm toán đã ban hành và nghiên cứu, soạn thảo các chuẩn mực về kiểm soát chất lượng, chuẩn mực về dịch vụ đảm bảo khác, dịch vụ liên quan cho phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Đến nay, VACPA đã trình Bộ Tài chính ban hành 47 chuẩn mực.

123. VACPA đã hoàn thành việc tự đánh giá sử dụng mô hình “Hội nghề nghiệp trưởng thành” của CAPA dành cho các hội nghề nghiệp. Mô hình này đưa ra các tiêu chí để công nhận một hội nghề nghiệp là Hội nghề nghiệp hiệu quả. Các tiêu chí này bao gồm việc tuân thủ các Nghĩa vụ của một hội viên của IFAC và bao gồm bốn điểm chính là bền vững, thích hợp, chuyên nghiệp và gia tăng giá trị hội viên.

124. Hai hội nghề nghiệp này đang hướng đến việc đáp ứng được tiêu chí của Hội nghề nghiệp một cách có hiệu quả. Theo đó các hoạt động sẽ mở rộng hơn với việc thực hiện mục tiêu đào tạo và hợp tác quốc tế mà Bộ Tài chính giao phó. Từ đó, họ có thể tuân thủ các Nghĩa vụ hội viên (SMO) và các tiêu chí của mô hình “Hội nghề nghiệp trưởng thành”⁶³ của CAPA liên quan đến các chức năng quản lý nhà nước⁶⁴ mà họ chưa được Bộ Tài chính ủy quyền. Phương thức hoạt động của cả hai tổ chức sẽ ngày càng độc lập với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

125. Sự hiện diện và đồng hành của các Hội nghề nghiệp trong cộng đồng kinh doanh và chuyên môn cần đẩy cao hơn nữa. Các Hội nghề nghiệp cần cải thiện năng lực tài chính để quảng bá các hoạt động chuyên môn về kế toán và kiểm toán của Việt Nam ở trong nước và quốc tế. VAA cần đảm bảo khả năng tài chính để trang trải phí hội viên với IFAC, để không cần dựa vào một hỗ trợ tạm thời để giúp thanh toán khoản phí này. Cả hai Hội nghề nghiệp nói trên cần hoạt động ổn định bền vững thông qua các hoạt động đào tạo, khóa học để tạo doanh thu, chứ không chỉ phải dựa vào sự hỗ trợ tự nguyện và thiện chí của các hội viên.

62 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập.

63 Đây là mô hình được thiết kế để hỗ trợ Hội nghề nghiệp phát triển do CAPA biên soạn.

64 Khi Tuyên bố nghĩa vụ hội viên của IFAC quy định trao quyền quản lý cho một tổ chức độc lập thì thành viên của IFAC cần cố gắng hết sức thuyết phục cơ quan quản lý tuân thủ theo quy định đó.

KHUYẾN NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

126. Việt Nam cần có ít nhất một Hội nghề nghiệp với đầy đủ năng lực và thẩm quyền để kiểm soát và đại diện cho các hội viên về nghề kế toán, kiểm toán trước công chúng. Có thể hình thành một Hội nghề nghiệp mới là cách hiệu quả nhất. “Chiến lược Kế toán - Kiểm toán hướng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030” của Bộ tài chính cũng đã xác định rõ cần củng cố các hội nghề nghiệp và vị thế của họ thông qua việc trao thêm trách nhiệm và quyền tự chủ để tổ chức hoạt động theo cách thức giống như các tổ chức nghề nghiệp quốc tế, từ đó thúc đẩy việc tuân thủ hoàn toàn tư cách thành viên của IFAC.

127. Khi khuôn khổ pháp lý cho phép và các hội khẳng định được năng lực hoạt động, Bộ Tài chính nên từng bước chuyển giao một số trách nhiệm cho Hội nghề nghiệp mới. Để hội nghề nghiệp có thể tuân thủ với nghĩa vụ hội viên và các trách nhiệm khác của hội nghề nghiệp, hội nghề nghiệp ban đầu nên được đặt dưới sự giám sát của Bộ Tài chính (VAASB khi được thành lập).

128. Những trách nhiệm hội nghề nghiệp đảm nhiệm cần có được sự giám sát của Bộ Tài chính (VAASB nếu được thành lập) theo yêu cầu nghĩa vụ hội viên IFAC gồm có: kiểm soát chất lượng hội viên; xử lý khiếu nại và xử phạt hội viên; thông báo với hội viên về các thay đổi chuẩn mực và chuẩn mực mới; đào tạo, phổ biến, nâng cao nhận thức của hội viên về chuẩn mực và tham gia biên soạn chuẩn mực. Những yêu cầu của mô hình “Hội nghề nghiệp trưởng thành” của CAPA không liên quan đến quản lý nhà nước như tạo ra giá trị bền vững và gia tăng giá trị hội viên thông qua cập nhật kiến thức thường xuyên nên được giao hoàn toàn cho hiệp hội.

129. Để đạt được các mục tiêu nêu trên, chúng tôi khuyến nghị thực hiện lộ trình gồm ba bước như dưới đây để phù hợp với năng lực hiện tại của VAA và VACPA:

1. Bộ Tài chính - Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán làm việc với các hội nghề nghiệp để thực hiện đánh giá độc lập dựa trên mô hình “Hội nghề nghiệp trưởng thành” của CAPA và đưa ra một kế hoạch hành động nhằm tìm ra giải pháp tốt nhất cho những điểm cần cải thiện và tạo ra nguồn lực để đạt được mục tiêu.
2. Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán cùng làm việc với Hội nghề nghiệp để triển khai kế hoạch hành động này.
3. Sau khi xây dựng được Hội nghề nghiệp tuân thủ hoàn toàn với các tiêu chí “Hội nghề nghiệp trưởng thành” của CAPA, Bộ Tài chính-Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán sẽ không cần kiểm soát trực tiếp một số hoạt động theo quy định của pháp luật mà Hội sẽ có cơ cấu quản trị độc lập và chịu trách nhiệm trước các hội viên.

130. Kế toán trưởng của các doanh nghiệp có lợi ích công chúng và tất cả kế toán viên, kiểm toán viên hành nghề nên phải là hội viên của tổ chức nghề nghiệp. Những cá nhân đang có thu nhập từ việc hành nghề dịch vụ kế toán, hành nghề kiểm toán cần đóng góp tài chính vào sự phát triển của ngành. Việc này có thể được thực hiện bằng cách cấp chứng nhận hội viên đồng thời với cấp Giấy chứng nhận hành nghề kế toán, kiểm toán của Bộ Tài chính và yêu cầu hội viên phải đóng phí thường niên như là một trong số các điều kiện để duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận. Đây cũng là một biện pháp giúp trang trải chi phí cho việc xây dựng và duy trì tổ chức nghề nghiệp uy tín và tạo ra một cơ sở năng lực tài chính bền vững cho hội.

Việt Nam cần có ít nhất một Hội nghề nghiệp với đầy đủ năng lực và thẩm quyền để kiểm soát và đại diện cho các hội viên về nghề kế toán, kiểm toán trước công chúng.

The background of the slide is a photograph of a library with curved bookshelves filled with books. A semi-transparent blue overlay covers the central portion of the image, where the title text is located. The text is in white, with the Roman numeral 'IX' being particularly large and bold.

IX CÁC YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

HIỆN TRẠNG

131. **Hiện Việt Nam chưa có một chứng nhận chuyên môn về trình độ kế toán được IFAC công nhận ở cấp độ quốc tế.** Điều này là do các tổ chức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán của Việt Nam chưa tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ thành viên của IFAC như đã trao đổi trong phần trên cũng như chưa tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực giáo dục quốc tế (IES). Chứng chỉ CPA của Việt Nam chỉ được công nhận trong lãnh thổ Việt Nam và hiện nay, các doanh nghiệp cũng không có nhiều yêu cầu về chứng nhận này đối với nhân viên của mình. Hậu quả là, những người đã tốt nghiệp đại học muốn tìm việc làm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán ở nước ngoài thường lựa chọn thi lấy chứng nhận chuyên môn về kế toán do các Hội nghề nghiệp quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam cấp. Những chứng nhận chuyên môn này có giá trị quốc tế và mang lại cho họ cơ hội được tuyển dụng mà họ mong muốn.

132. **Luật Kế toán 2015 quy định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với kế toán viên và kế toán trưởng làm việc tại các tổ chức, cũng như tiêu chuẩn, điều kiện đối với người hành nghề dịch vụ kế toán.** Điều 4 của Luật này quy định nhiệm vụ kế toán, Điều 55 quy định kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán trong đơn vị kế toán. Điều 52 quy định về tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của người làm kế toán. Luật Kế toán 2015 cũng quy định kế toán trưởng ngoài trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm làm việc thực tế còn phải có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định.

133. **Luật Kiểm toán độc lập và các nghị định, Thông tư hướng dẫn quy định những điều kiện để trở thành một kiểm toán viên.** Luật định nghĩa kiểm toán viên là người được cấp chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của pháp luật hoặc người có chứng chỉ của nước ngoài được Bộ Tài chính công nhận và đạt kỳ thi sát hạch bằng tiếng Việt về pháp luật Việt Nam. Để được cấp chứng chỉ kiểm toán viên, người đó phải có bằng đại học hoặc sau đại học về tài chính, kế toán, ngân hàng, kiểm toán hoặc các ngành khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Hiện Việt Nam chưa có một chứng nhận chuyên môn về trình độ kế toán được IFAC công nhận ở cấp độ quốc tế.

134. **Kiểm toán viên hành nghề là kiểm toán viên đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.** Để nhận được Giấy chứng nhận này, người đó phải vượt qua một kỳ thi CPA gồm 7 môn và được cấp chứng chỉ kiểm toán viên, làm việc tối thiểu 36 tháng trong lĩnh vực kiểm toán, có đủ giờ cập nhật kiến thức theo quy định và phải đang làm việc toàn thời gian tại một doanh nghiệp kiểm toán. Hội viên của một Hội nghề nghiệp quốc tế (bao gồm ACCA, CPA Australia và các thành viên IFAC) có thể tham gia một “kỳ thi sát hạch” duy nhất (bao gồm một bài kiểm tra trong 180 phút gồm 5 môn bằng tiếng Việt) thay cho kỳ thi gồm 7 môn nói trên.

135. **Bộ Tài chính đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho gần 1.700 kiểm toán viên tính đến thời điểm 31 tháng 3 năm 2016.** Để duy trì hành nghề kiểm toán (và từ đó có quyền ký vào các báo cáo kiểm toán), các kiểm toán viên hành nghề phải tuân thủ các yêu cầu về cập nhật kiến thức⁶⁵.

⁶⁵ Được quy định trong Thông tư 150/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính và Thông tư 56/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung thông tư 150 hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán.

136. Các kỳ thi CPA được tổ chức trong thời gian 4 ngày vào quý III hoặc quý IV tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Có 7 môn bao gồm: Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp, Thuế và quản lý thuế nâng cao, Tài chính và quản lý tài chính nâng cao, Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao, Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo nâng cao, Phân tích hoạt động tài chính nâng cao và Ngoại ngữ trình độ C (lựa chọn trong số 05 ngoại ngữ thông dụng: Anh, Pháp, Nga, Đức hoặc Trung Quốc). Trước đây, có môn thi thứ 8 là tin học văn phòng, nhưng nay đã được rút ra khỏi chương trình. VACPA có tổ chức một khóa đào tạo ngắn hạn để các ứng viên có thể tùy chọn tham gia trước kỳ thi. Phần lớn giảng viên cho khóa đào tạo này là giảng viên từ các trường đại học do VACPA thuê ngoài trên cơ sở không cố định. Trong kỳ thi năm 2014, đã có hơn 1.700 ứng viên (hơn 800 ở Hà Nội và 900 ở thành phố Hồ Chí Minh) tham gia.

137. Chứng chỉ CPA Việt Nam có giá trị nhất định. Việc các Hội nghề nghiệp quốc tế công nhận trong quá trình thi lấy chứng chỉ CPA Việt Nam đã chứng minh tính nghiêm ngặt của chứng chỉ này. Hiện tại, người có CPA Việt Nam sẽ được miễn 6/14 môn khi thi lấy chứng chỉ ACCA và ngược lại, người là hội viên của ACCA và có tham gia kỳ thi phối hợp giữa Bộ Tài chính và ACCA đối với 02 môn thuế và pháp luật cũng sẽ được miễn 2 môn này khi tham dự kỳ thi sát hạch lấy CPA Việt Nam. Tuy nhiên, các đánh giá về chương trình này cho thấy chương trình còn chú trọng vào các quy tắc, quy định, tính tuân thủ và phân tích ở trong bối cảnh Việt Nam trong khi các quy tắc và quy định về kế toán và kiểm toán của Việt Nam còn chưa theo kịp các thông lệ quốc tế tốt nhất. Điều này cho thấy các chương trình đào tạo bậc đại học và các kỳ thi cấp chứng chỉ chuyên môn chưa được cập nhật phù hợp với những thông lệ quốc tế mới nhất.

138. Các kế toán viên và kiểm toán viên hành nghề ở Việt Nam là những người thành thạo về chuyên môn, có hiểu biết tốt về các quy tắc và quy định áp dụng trong nước. Tuy nhiên, họ không được đào tạo về kỹ năng lãnh đạo và quản lý sự thay đổi trong các tình huống phức tạp và có tính cạnh tranh cao ở môi trường kinh doanh quốc tế. Cả VAA, VACPA và Bộ Tài chính đều chưa tham gia vào các thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRAs) quan trọng với vai trò là đại diện cho những người làm nghề kế toán và kiểm toán ở Việt Nam⁶⁶.

139. Các yêu cầu về cập nhật kiến thức hàng năm (CPD) trong nghề kiểm toán nhìn chung là chặt chẽ hơn so với nghề kế toán⁶⁷. Bộ Tài chính yêu cầu các kiểm toán viên hành nghề phải hoàn thành tối thiểu 40 giờ cập nhật kiến thức mỗi năm, trong đó có tối thiểu 20 giờ cập nhật kiến thức về pháp luật kế toán, kiểm toán của Việt Nam và 04 giờ cập nhật kiến thức về đạo đức nghề nghiệp. Bộ Tài chính quy định về điều kiện được tổ chức khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cấp phôi “Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng” và thực hiện quản lý thống nhất trong cả nước. Các cơ sở đào tạo có đủ điều kiện và được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng và cấp chứng chỉ cho các học viên đạt yêu cầu.

140. Cần xác định hiệu quả thời gian cập nhật kiến thức. Toàn bộ thời gian không xác định được như thời gian dành cho đọc tài liệu, bồi dưỡng cá nhân, hoàn thành các dự án... sẽ không được tính vào thời gian cập nhật kiến thức. Ngoài VACPA, Bộ Tài chính cũng công nhận một vài công ty kiểm toán có thể cập nhật kiến thức cho các nhân viên của họ. Do vậy, nhân viên thuộc các công ty kiểm toán này có thể đáp ứng các yêu cầu về cập nhật kiến thức thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, tùy theo từng trường hợp cụ thể được Bộ Tài chính phê duyệt. Cách thực hiện này linh hoạt hơn nhưng chỉ có thể áp dụng cho một số ít đơn vị và yêu cầu nhiều thủ tục hành chính phê duyệt.

⁶⁶ Hiện nay đang có ý tưởng thiết lập thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA) cho các dịch vụ kế toán trong khối ASEAN, bao gồm cả Việt Nam.

⁶⁷ Việt Nam là một trong ba nước hợp tác với CAPA trong một dự án được Ngân hàng Thế giới tài trợ để phát triển bộ công cụ cập nhật kiến thức hàng năm. VACPA là một Hội nghề nghiệp đang thực hiện công việc này và hiện đang trong giai đoạn thử nghiệm.

141. VACPA đã phát triển năng lực nội bộ để thực hiện đào tạo cập nhật kiến thức bằng cách thuê các cán bộ chuyên môn có trình độ để đào tạo, thành lập một trung tâm nghiên cứu và hợp tác với các tổ chức kế toán chuyên nghiệp quốc tế hiện diện tại Việt Nam như ACCA và CPA Australia. Các hội viên VACPA ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được cung cấp rất nhiều thông tin về các khóa cập nhật kiến thức, bao gồm cả các chương trình cập nhật kiến thức do VACPA tổ chức. Các hội viên ở khu vực miền Trung có thể tham gia các chương trình đào tạo hàng năm kéo dài 5 ngày do VACPA tổ chức tại Đà Nẵng để đạt được yêu cầu về cập nhật kiến thức theo quy định.

KHUYẾN NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

142. Việt Nam cần hướng tới việc áp dụng một hệ thống chứng nhận chuyên môn kế toán được IFAC công nhận ở tầm quốc tế. Bên cạnh việc tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ hội viên của IFAC, Bộ Tài chính và các Hội nghề nghiệp trong nước cần phối hợp để thiết lập một kỳ thi chuyên môn và khuôn khổ thực hành thực tế hợp lý giúp đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của các Chuẩn mực Giáo dục Quốc tế do Ban điều hành các Chuẩn mực đào tạo kế toán quốc tế (IAESB) ban hành. Như trình bày ở phần X về Đào tạo kế toán, cần có sự phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Trường Đại học để đảm bảo rằng các chương trình đào tạo cử nhân đáp ứng được các chuẩn mực tối thiểu.

Việt Nam cần hướng tới việc áp dụng một hệ thống chứng nhận chuyên môn kế toán được IFAC công nhận ở tầm quốc tế.

143. Nội dung thi CPA cần đáp ứng chuẩn mực giáo dục quốc tế. Điều này có nghĩa là các kỳ thi CPA nên tập trung nhiều hơn vào các kiến thức tích hợp, khả năng chuyên môn, kỹ năng tự nghiên cứu. Những kỹ năng này sẽ hỗ trợ các ứng viên có khả năng cập nhật thường xuyên các chuẩn mực quốc tế mới nhất cũng như các kinh nghiệm thực tế.

Các chương trình đào tạo CPA cần được hiện đại hóa và đưa vào các tình huống nghiên cứu tích hợp, với các chủ đề như kinh tế và tài chính quốc tế, kế toán quản trị chiến lược và quản trị doanh nghiệp. Các khái niệm về đạo đức nghề nghiệp cũng cần được đề cập và bàn thảo trong các chương trình đào tạo, cùng với nghiên cứu các tình huống có liên quan. Điều này cũng sẽ đóng góp vào việc đưa các kỳ thi CPA tại Việt Nam tương đồng với các thông lệ quốc tế tốt nhất, và hỗ trợ việc hướng tới các thỏa thuận công nhận lẫn nhau ở tầm quốc tế.

144. Do các chuẩn mực kế toán quốc tế sẽ không áp dụng với tất cả các đơn vị, chúng tôi khuyến nghị nên sửa đổi chương trình CPA thành hai cấp độ khác nhau:

- Một chương trình cấp chứng chỉ ở cấp độ kỹ thuật, có nghĩa là vẫn duy trì cơ cấu của chương trình hiện tại, và có cập nhật để đáp ứng các chuẩn mực và quy định mới nhất.
- Một chương trình cấp chứng chỉ ở cấp độ chuyên gia, bao gồm các Chuẩn mực và Thông lệ quốc tế, qua đó có thể đạt được sự công nhận lẫn nhau với các Hội nghề nghiệp quốc tế hàng đầu.

Cần cân nhắc việc đưa ra các yêu cầu về trình độ chuyên môn riêng biệt đối với kế toán viên hành nghề và kiểm toán viên hành nghề. Các yêu cầu về kinh nghiệm chuyên môn thực tế cũng cần tuân thủ các chuẩn mực quốc tế và các nghiên cứu áp dụng các yêu cầu về năng lực chuyên môn phù hợp.



X ĐÀO TẠO KẾ TOÁN

HIỆN TRẠNG

145. **Đào tạo đại học tại Việt Nam có truyền thống lâu đời.** Hệ thống đào tạo đại học cổ xưa được thiết lập từ thế kỷ 11 với Quốc Tử Giám, trường đại học đầu tiên của Việt Nam. Thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy có tổng số 427 trường đại học và cao đẳng trong năm học 2013-2014; 343 Trường công lập và 84 trường ngoài công lập. Trong số này, 223 tổ chức cấp bằng cao đẳng về kế toán, 126 tổ chức cấp bằng đại học, 18 tổ chức cấp bằng thạc sỹ và 5 tổ chức cấp bằng tiến sỹ.

146. **Đào tạo đại học ở Việt Nam đã trải qua một quá trình chuyển đổi mạnh mẽ trong những năm vừa qua.** Kể từ năm 1993, khi Hội nghị lần thứ 4 BCH TW Đảng khóa VII đưa ra nghị quyết đưa giáo dục vào danh mục ưu tiên cho đầu tư của quốc gia, tỷ lệ các nhóm độ tuổi tham gia vào giáo dục đại học đã tăng từ 2% lên hơn 13%. Từ một hệ thống giáo dục đại học bao gồm các trường đại học nhỏ, theo từng chuyên môn đã được chuyển đổi thành một hệ thống có một số các trường đại học hàng đầu với quy mô lớn, đa ngành có năng lực nghiên cứu khoa học ngày càng phát triển.

147. **Năm 2005, Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam⁶⁸ đã đưa ra các giải pháp nhằm tạo sự tăng trưởng và phát triển đáng kể cho hệ thống giáo dục đại học.** Đơn cử, theo kế hoạch đến năm 2020, sẽ có 450 sinh viên/10.000 dân học đại học, các cơ sở giáo dục đại học sẽ tự chủ hơn về tài chính, và khoảng 40% sinh viên sẽ theo học tại các cơ sở đào tạo đại học ngoài công lập (hoặc tư nhân)⁶⁹.

148. **Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo và giám sát kỳ thi đại học quốc gia.** Bộ cũng quản lý quy trình lựa chọn sinh viên được tuyển vào các trường và các chương trình đào tạo. Theo nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị TW 8 khóa XI và Nghị quyết 44/NQ-CP⁷⁰, không có kỳ thi vào đại học kể từ năm 2015. Quy trình tuyển chọn do các trường tiến hành dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học do Bộ Giáo dục và đào tạo xây dựng và giám sát. Ngoài ra, các trường đại học có thể tuyển sinh theo đề án riêng của trường đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Việt Nam hiện có 223 tổ chức cấp bằng cao đẳng về kế toán, 126 tổ chức cấp bằng đại học, 18 tổ chức cấp bằng thạc sỹ và 5 tổ chức cấp bằng tiến sỹ.

149. **Chính phủ đang nỗ lực hướng đến một nền giáo dục và đào tạo lấy kết quả đầu ra làm trọng tâm.** Các Nghị quyết ban hành năm 2014 tiếp tục công cuộc cải cách bằng việc đưa ra những định hướng cụ thể nhằm “thay đổi cơ bản và toàn diện hệ thống giáo dục đào tạo để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”⁷¹.

68 Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 2 tháng 11 năm 2005.

69 Chính phủ cũng đặt ra những mục tiêu sau đối với ngành giáo dục đại học đến năm 2020: doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ tăng 25% trong tổng doanh thu từ hoạt động giáo dục đại học; tỷ trọng giảng viên đại học có bằng Thạc sỹ tăng lên đến 60%; tỷ trọng giảng viên đại học có bằng Tiến sỹ tăng lên đến 35%; và tỷ lệ sinh viên trên một giảng viên giảm xuống mức 20:1. Quyết định 711/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược Phát triển Giáo dục giai đoạn 2011-2020” đã điều chỉnh mục tiêu giáo dục đại học xuống 350-400 sinh viên trên 10.000 dân. Tuy đã hạ thấp mục tiêu, phần lớn các hoạt động đề ra trong các văn bản chiến lược này vẫn chưa được triển khai.

70 Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 và 44/2014/NQ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2014.

71 Đặc biệt đối với giáo dục đại học, những kế hoạch thay đổi gồm có: i) một số trường đại học và chuyên ngành nhất định đạt các chuẩn mực so sánh của khu vực và quốc tế; ii) quy trình tuyển sinh được giao hoàn toàn cho các cơ sở đào tạo, dựa trên kết quả học tập tại cấp phổ thông trung học và các yêu cầu về giáo dục; iii) các cơ hội việc làm cho sinh viên được đưa vào nhóm tiêu chí đánh giá chất lượng các cơ sở đào tạo và định hướng phát triển đào tạo; iv) khuyến khích xã hội hóa ngành giáo dục với sự tham gia của các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, các ngành kinh tế ngoài nhà nước và các tổ chức quốc tế.

150. Để triển khai chính sách cải cách dựa trên hoạt động giáo dục lấy đầu ra làm trọng tâm, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định 1982⁷² QĐ-TTg phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Bộ Giáo dục và đào tạo trong Thông tư 07⁷³ cũng đã thiết lập những chuẩn mực tối thiểu về kiến thức và năng lực cho các cấp độ Cử nhân, Thạc sỹ và Tiến sỹ. Các chuẩn mực này sẽ được sử dụng làm chuẩn kết quả đầu ra của các cơ sở đào tạo phù hợp với chương trình giảng dạy. Ngoài các kiến thức chuyên môn, mỗi cấp độ nói trên đều cần có các kỹ năng mềm có liên quan, như giao tiếp, ngoại ngữ, làm việc nhóm, lãnh đạo. Thông tư 07 cũng trao toàn quyền cho các trường trong việc xây dựng, đánh giá và ban hành chương trình đào tạo theo các quy trình, thủ tục kiểm định chất lượng đã thiết lập từ trước.

151. Các cơ sở đào tạo cũng chưa hoàn toàn hiểu đúng về tự chủ trong việc xây dựng chương trình đào tạo. Mặc dù đã đăng ký về kết quả giảng dạy cho từng khóa học, các trường chưa xây dựng chương trình đào tạo theo cấu trúc, chưa củng cố các khía cạnh chuyên môn và bổ sung các kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo nhằm đảm bảo sinh viên có được những kết quả đã đề ra. Các trường vẫn sử dụng chương trình đào tạo theo kiểu cũ, vốn được xây dựng dựa trên các quy định, hướng dẫn có từ trước Thông tư 07. Các trường đại học cũng còn hạn chế về năng lực hình thành và xây dựng các chương trình nội bộ. Điều này là một yếu tố khiến chương trình giảng dạy còn lạc hậu và chưa sát với nhu cầu tuyển dụng trên thị trường và kỳ vọng của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Hơn nữa, chuẩn đầu ra mà các trường đăng ký với Bộ Giáo dục Đào tạo cũng không đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của Chuẩn mực giáo dục và thông lệ quốc tế. Vì thế, sinh viên dù đạt được các chuẩn đầu ra này vẫn không được đảm bảo sẽ được công nhận bởi các tổ chức nghề nghiệp quốc tế cũng như người tuyển dụng lao động.

152. Chính phủ đã cho phép tiếp nhận và điều chỉnh các chương trình giảng dạy nước ngoài để thực hiện các chương trình đào tạo liên kết với các đối tác là các tổ chức nước ngoài. Một đặc điểm nổi bật của những chương trình đào tạo về kế toán này là tập trung vào việc đào tạo sinh viên áp dụng các chuẩn mực kế toán dựa trên nguyên tắc, thay vì chỉ đào tạo các quy tắc ghi sổ kế toán hoặc các văn bản pháp lý trong nước. Cách làm này tạo ra một nền tảng tốt hơn nhằm đào tạo ra những sinh viên có đủ các kỹ năng và năng lực cần thiết để thích ứng với những thay đổi liên tục, trái với việc chỉ đào tạo sâu hơn các nghiệp vụ ghi sổ kế toán thông thường vốn phù hợp với các kế toán viên hơn là các chuyên gia kế toán chuyên nghiệp. Tuy nhiên, đào tạo về các chuẩn mực kế toán dựa trên nguyên tắc vẫn còn rất hạn chế tại nhiều trường đại học bởi việc hiểu và thực hiện các quy định của Chính phủ vẫn được coi là ưu tiên và các nội dung này vẫn rất phổ biến ở hầu hết các chương trình đào tạo kế toán.

153. Hợp tác quốc tế về giáo dục cũng được điều chỉnh bởi các quy định tương tự như các quy định về đầu tư quốc tế về giáo dục và không có sự linh hoạt cần thiết⁷⁴. Các quy định này đưa ra cơ chế chi tiết nhằm thiết lập và vận hành các cơ sở đào tạo có đầu tư nước ngoài và các hình thức liên doanh khác với các đối tác nước ngoài về giáo dục. Hợp tác về giáo dục được đa dạng hóa và được thể hiện chính trong các loại hình ở nhiều cấp; một số loại hình đó yêu cầu có sự đơn giản hóa và đẩy nhanh các thủ tục ra quyết định. Sự hợp tác này là một trong những lĩnh vực yêu cầu cần có tự chủ nhiều hơn dành cho các lãnh đạo trường và các trưởng khoa/trung tâm nghiên cứu để có thể quản lý các hoạt động của mình hiệu quả hơn. Đây là một yêu cầu bắt buộc do nó mang tính trọng yếu đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo về kế toán.

72 Quyết định 1982 QĐ – TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016.

73 Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015.

74 Tất cả các hoạt động với nước ngoài, bao gồm chương trình đào tạo, được quy định tại Nghị định 73/2012/NĐ- CP.

154. Khả năng sử dụng Tiếng Anh thành thạo chưa được đưa thành yêu cầu tiên quyết đối với các sinh viên muốn tham gia vào các chương trình đào tạo sau đại học. Tiếng Anh là ngôn ngữ làm việc và kinh doanh quốc tế, cũng là ngôn ngữ hình thành của IFRS, ISA, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và các chuẩn mực quốc tế khác. Bởi vậy, việc các sinh viên tốt nghiệp có thể đọc, viết và giao tiếp bằng Tiếng Anh là một yêu cầu thiết yếu. Thông tư số 07 đưa ra những yêu cầu tối thiểu đối với việc đào tạo ngoại ngữ ở các cấp; sinh viên tốt nghiệp đại học (cử nhân) cần có khả năng đọc và viết các báo cáo kỹ thuật/ chuyên môn, và cấp sau đại học (Tiến sỹ) cần có khả năng sử dụng thành thạo và làm việc hoàn toàn bằng tiếng Anh.

155. Xét từ cả hai góc độ tài chính và chuyên môn, các trường đều chưa sẵn sàng thực hiện cải cách quản lý tài chính để hoạt động độc lập. Mặc dù gần đây Chính phủ đã có những chính sách quyết liệt và toàn diện nhằm trao sự tự chủ về tài chính cho các trường⁷⁵, chính các trường còn chưa cập nhật với những diễn biến mới nhất, và cũng chưa có sự điều chỉnh năng lực và chiến lược của mình một cách phù hợp. Chỉ có một số lượng rất hạn chế các trường đại học có thể sẵn sàng với cơ chế tự chủ về tài chính⁷⁶. Quy trình phân bổ và thực hiện ngân sách trong khối khu vực công nói chung và tại các cơ sở đào tạo công nói riêng, chưa đủ hiệu quả để đảm bảo việc phân bổ nguồn lực một cách tối ưu, do đó dẫn tới những khoảng cách lớn giữa cung và cầu tại một số lĩnh vực trọng yếu.

156. Theo truyền thống, học phí bậc đại học ở Việt Nam là do Chính phủ quy định, và giữ ở mức thấp. Trong năm 2015, mức học phí trung bình tại các trường công lập đào tạo về các ngành khoa học xã hội và kinh tế, bao gồm kế toán và kiểm toán là 550.000 đồng (21 USD) mỗi tháng. Các trường có học bổng dành cho sinh viên; tuy nhiên quỹ học bổng phải lấy từ ngân sách của trường, do đó không tạo động lực cho các trường trao học bổng cho sinh viên. Nghị định 86/2015/NĐ-CP⁷⁷ cho phép các trường ngoài công lập quyết định mức học phí với điều kiện họ phải công bố mức học phí hàng năm và học phí dự kiến cho toàn khóa học.

Khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo chưa được đưa thành yêu cầu tiên quyết đối với các sinh viên muốn tham gia vào các chương trình đào tạo sau đại học.

157. Mặc dù Chính phủ đã có nhiều nỗ lực nhằm tăng chất lượng giáo dục đại học ở khắp các ngành, đặc biệt là bằng việc nâng cao trình độ chuyên môn của các nhà giáo dục, vẫn còn rất nhiều việc có thể làm tốt hơn. Xét trên hai tiêu chí nhằm thể hiện trình độ đào tạo học thuật cho một quốc gia là số lượng trường đại học được xếp hàng ở cấp độ toàn cầu, hoặc số lượng các bài nghiên cứu được công bố ở các ấn phẩm quốc tế thì Việt Nam còn yếu ở cả hai tiêu chí này.

75 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 77/NQ-CP về cơ chế tự chủ tài chính. Theo đó các cơ sở đào tạo công lập sẽ sử dụng doanh thu của mình, chủ yếu từ nguồn học phí, để trang trải các chi phí hoạt động và đầu tư xây dựng cơ bản. Bù lại, các trường sẽ được tự quyết định về mức học phí, số lượng sinh viên tuyển vào, các chuyên ngành đào tạo, số lượng giảng viên trong nước và quốc tế, việc nghiên cứu khoa học và sử dụng các sản phẩm nghiên cứu đó, việc sử dụng cơ sở vật chất và thương hiệu của trường. Một cơ sở đào tạo tự chủ về tài chính vẫn phải tuân theo quy định của chính phủ về mức trần học phí trung bình, kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo, và có sự đầu tư đúng mức cho cả sinh viên nghèo và sinh viên học giỏi.

76 Cho đến nay có khoảng 10 cơ sở đào tạo được Chính phủ quyết định trao quyền tự chủ tài chính. Phần lớn các trường công lập vẫn muốn được Chính phủ tài trợ và dựa vào các chỉ tiêu của Chính phủ trong việc tuyển sinh, học phí, số lượng nhân viên, giảng viên, lương, để bắt và nghiên cứu khoa học.

77 Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

158. **Một số hạn chế thường được cho là nguyên nhân dẫn đến chất lượng chưa cao của giáo dục đại học là nguồn lực không đủ.** Các chương trình đào tạo kế toán cấp bằng được công nhận quốc tế đã được cho phép và nên áp dụng mức học phí hợp lý theo đúng chất lượng để tạo ra các điều kiện học tập tốt hơn, với đội ngũ giảng viên có trình độ cao.

159. **Việt Nam thực sự có nhu cầu về Đào tạo kế toán chất lượng cao.** Cả ACCA và CPA Australia đều hợp tác với các trường đại học trong nước nhằm mở rộng đối tượng tiếp cận, và họ đã tham gia vào công việc xây dựng năng lực cho đội ngũ cán bộ giảng dạy trong nước. Sự thành công của ACCA và CPA Australia, với hơn 10.000 học viên theo học chương trình của hai tổ chức này là một minh chứng cho nhu cầu nói trên. Qua đánh giá một số các chương trình đào tạo ở một số trường đại học hiện nay cho thấy sự tập trung nhiều vào việc tính toán, quy định và tuân thủ. Các khóa học về Toán cao cấp và Thống kê được giảng dạy khá tốt trong khi các khóa học về Kế toán quản trị chiến lược, Kế toán tài chính cao cấp, Lý thuyết kế toán, hoặc Quản trị hệ thống thông tin lại chưa được như vậy.

KHUYẾN NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

160. **Cần phổ biến rộng rãi các chính sách nhằm thúc đẩy tự chủ đại học.** Quyết định này⁷⁸ đã trao quyền tự chủ nhiều hơn trong hoạt động đào tạo của tất cả các trường đại học công lập và ngoài công lập, trong đó việc phát triển chương trình đào tạo, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy là thuộc quyền chủ động của các trường, cũng như duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và thực hiện kiểm định trường, kiểm định chương trình theo các quy định hiện hành. Các trường cũng được chủ động tham gia các hoạt động khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển của các trường đại học. Tuy nhiên, các trường đại học mà chúng tôi đã phỏng vấn trong quá trình xây dựng báo cáo này chưa triển khai được đầy đủ các quy định tại Quyết định này.

161. **Cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ sở đào tạo công lập do Chính phủ phê duyệt cần được phổ biến và khuyến khích.** Điều này sẽ nâng cao tính tự chủ và chất lượng theo nhu cầu của các cơ sở đào tạo. Cần ban hành các chính sách và hướng dẫn liên quan để nâng cao trách nhiệm giải trình và sự minh bạch. Việc này có thể được thực hiện thông qua việc công khai các thông tin tài chính; cũng như chuyển đổi sự trợ cấp của Chính phủ từ việc hỗ trợ nguồn cung (thông qua các khoản tài trợ cho các trường Đại học) sang việc hỗ trợ nguồn cầu (các khoản vay giáo dục dành cho sinh viên).

162. **Các thủ tục hợp tác quốc tế về Giáo dục và Đào tạo cần được đơn giản hóa nhằm giảm thiểu sự quan liêu và tăng cường hiệu quả và hiệu lực.** Chính phủ cần hướng tới việc khuyến khích các sáng kiến trong lĩnh vực này bởi đây là phương tiện chính giúp nhanh chóng nâng cao chất lượng đào tạo về kế toán.

163. **Bộ Giáo dục và Đào tạo cần làm việc với các trường đại học, các Hội nghề nghiệp và các Tổ chức Quốc tế để xây dựng một khuôn khổ chất lượng quốc gia về đào tạo kế toán và kiểm toán, để từ đó các trường đại học xây dựng được chương trình giảng dạy cốt lõi.** Các chương trình đào tạo cần hướng tới mục tiêu tuân thủ các Chuẩn mực Đào tạo Quốc tế,

hỗ trợ các sinh viên và các chuyên gia Việt Nam đáp ứng những nhu cầu đang thay đổi của môi trường kinh doanh trong nước và đảm bảo các lợi ích có được từ các bằng cấp được công nhận ở tầm quốc tế.

164. Các chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ về kế toán và các kỳ thi chuyên môn cần chuyển trọng tâm từ việc tập trung vào các quy định và quy tắc trong nước sang mô hình dựa trên năng lực. Những sửa đổi đã được khuyến nghị đối với các Chuẩn mực kế toán và kiểm toán sẽ tạo ra nền tảng cho sự thay đổi này.

165. Cần mở rộng quy trình công nhận các chương trình đào tạo chuyên môn về kế toán. Hiện không có quy trình công nhận các chương trình đào tạo cho sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán, kiểm toán ở Việt Nam. Việc kiểm tra giám sát được thực hiện bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng rất hạn chế để có thể xác nhận tính tuân thủ luật pháp và các quy định. Với việc không có quy trình công nhận, công chúng không được cung cấp thông tin về chất lượng của các trường cũng như chương trình đào tạo. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phối hợp với Bộ Tài chính và các tổ chức nghề nghiệp để việc đào tạo kế toán và kiểm toán ở Việt Nam đáp ứng được các chuẩn mực quốc tế.

PHỤ LỤC I

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

A. CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Yêu cầu về Báo cáo Tài chính và Công bố Thông tin

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam phải tuân thủ VAS và các quy định hướng dẫn của NHNN. NHNN đã ban hành hệ thống tài khoản và hướng dẫn chế độ kế toán đối với các ngân hàng. Bên cạnh đó còn có thêm các hướng dẫn của Bộ Tài chính bao gồm Thông tư 200 và 210. Mặc dù định hướng tiếp cận dần với tuân thủ IFRS đã rõ ràng, quá trình thực hiện sẽ cần thêm nhiều thời gian nữa.

Năm 2004, NHNN ban hành Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN về hệ thống tài khoản kế toán cho các tổ chức tín dụng, chi tiết đến các tài khoản cấp III (có 4 chữ số) kèm theo các bút toán kế toán. Quy định chi tiết như thế này đòi hỏi việc thường xuyên cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế không ngừng tăng trưởng⁷⁹. Năm 2014, Thông tư 10/2014/TT-NHNN được ban hành thay thế Quyết định 479 và toàn bộ các văn bản sửa đổi quyết định này trước đó. Mặc dù vẫn giữ nguyên hệ thống tài khoản chi tiết và các nguyên tắc hạch toán, Thông tư 10 cho phép ghi nhận chứng khoán theo giá thị trường “nếu Chuẩn mực kế toán Việt Nam hoặc cơ chế tài chính cho phép”.

Những điểm khác biệt giữa VAS và IFRS

Hạn chế chính của VAS và các quy định hướng dẫn hiện hành dành cho khu vực ngân hàng nằm ở công cụ tài chính và khái niệm giá trị hợp lý. Những bất cập khác của VAS so với IFRS làm ảnh hưởng tới chất lượng của báo cáo tài chính theo VAS gồm có: i) giảm giá và đánh giá lại đất đai, nhà xưởng và thiết bị; ii) ghi nhận và giảm giá lợi thế thương mại. Việc công bố các

79 Các văn bản sửa đổi, bổ sung đã được ban hành vào năm 2005, 2006 và 2008, bao gồm Quyết định 807/2005/QĐ-NHNN, Quyết định 29/2006/QĐ-NHNN và Quyết định 02/2008/QĐ-NHNN, với mục đích duy nhất là bổ sung hoặc loại bỏ một số tài khoản chính hay tiểu mục. Về mẫu biểu báo cáo tài chính, Ngân hàng Nhà nước có Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN sau đó được thay thế bằng Thông tư 49/2014/TT-NHNN năm 2014.

thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính liên quan đến báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh, các giao dịch với bên liên quan, sửa chữa các sai sót được phát hiện trong kỳ báo cáo trước, giá trị hợp lý của tài sản bảo đảm cũng chưa được quy định đầy đủ trong VAS.

Báo cáo Đánh giá Khu vực tài chính do Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế thực hiện năm 2014 chỉ ra rằng tỷ lệ nợ xấu theo các báo cáo thấp hơn thực tế. Báo cáo có ghi: “Nếu tính lại các khoản dự phòng một cách hợp lý hơn, bao gồm phân loại lại các khoản nợ, tính lại giá trị các tài sản bảo đảm cũng như điều chỉnh lại việc định giá quá cao các khoản đầu tư hay tài sản khác, tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm cuối năm 2012 có thể lên đến 12% và hệ số an toàn vốn của một số ngân hàng có thể giảm đáng kể”. Điều này cho thấy báo cáo tài chính của các ngân hàng được soạn lập theo VAS và Quyết định 493⁸⁰ và các văn bản thay thế chưa hoàn toàn đáng tin cậy. Lợi nhuận cũng như hệ số an toàn vốn có thể sẽ giảm nếu các báo cáo này được lập theo chuẩn mực IFRS, trong đó quy định dự phòng giảm giá khoản cho vay được tính dựa trên chênh lệch giữa giá trị sổ sách của khoản vay với giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai được chiết khấu theo lãi suất thực tế áp dụng cho khoản vay.

Khi đối chiếu các báo cáo tài chính VAS và IFRS năm 2014 của một số ngân hàng thương mại, nhóm nghiên cứu có cùng nhận định này. Nhóm ROSC đã đối chiếu báo cáo tài chính của một ngân hàng thương mại niêm yết có vốn nhà nước lớn và một ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết lớn. Kết quả cho thấy tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng sẽ phải tăng gấp đôi nếu báo cáo theo chuẩn mực IFRS. Số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên báo cáo VAS của các tổ chức tín dụng được tính toán và trình bày theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước như mô tả chi tiết dưới đây, còn trên báo cáo IFRS, các tổ chức tín dụng đo lường giá trị hợp lý của từng khoản cho vay và sẽ hạch toán giảm giá trị nếu như giá trị hợp lý này trở nên thấp hơn giá trị ghi theo sổ sách.

Ảnh hưởng của việc không tuân thủ các chuẩn mực kế toán

Báo cáo tài chính và công bố thông tin của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam được làm theo các quy định an toàn và quy định khác của NHNN thay vì VAS. Dưới đây là hai ví dụ cho thấy chất lượng báo cáo tài chính và quá trình kiểm toán độc lập sẽ bị ảnh hưởng khi các quy định đặc biệt của NHNN được dùng thay cho các chuẩn mực kế toán, liên quan đến vấn đề trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và các giao dịch với Công ty Quản lý Tài sản Việt Nam.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Nội dung chủ yếu bị ảnh hưởng là số dư nợ xấu và mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Thực trạng

Ngày 1/3/2012, Thủ tướng đã phê duyệt Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015 sau thời kỳ tăng trưởng nhanh chóng về tín dụng cũng như số lượng các tổ chức tín dụng, loại hình dịch vụ và biến động lãi suất. Đề án này có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh hệ thống ngân hàng đã tích tụ một lượng lớn nợ xấu, đe dọa khả năng thanh khoản của một số tổ chức tín dụng.

80 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 Ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Đánh giá nợ xấu và dự phòng rủi ro tín dụng

Từ 2012 đến 2015, NHNN đã ban hành nhiều chính sách và hướng dẫn về phương pháp xác định và hạch toán nợ xấu của khu vực ngân hàng. Trước ngày 23 tháng 4 năm 2012, thay vì tính toán dự phòng rủi ro tín dụng và xác định giá trị thị trường của tài sản bảo đảm theo đúng chuẩn mực VAS, các tổ chức tín dụng lại được yêu cầu áp dụng Quyết định 493 ban hành năm 2005, quy định chi tiết việc phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng. Quy định này cho phép các tổ chức tín dụng áp dụng cả hai tiêu chí định lượng (số ngày nợ quá hạn) và định tính (khả năng thu hồi nợ do tổ chức tín dụng nhận định) để phân loại nợ thành các nhóm từ 1 đến 5, và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể cho các nhóm từ 2 đến 5 tương ứng là 5%, 20%, 50% và 100% giá trị ròng của các khoản cho vay (số dư nợ gốc còn lại trừ đi giá trị của tài sản bảo đảm được phép khấu trừ). Quyết định 493 cũng hướng dẫn chi tiết phương pháp xác định giá trị của tài sản bảo đảm với tỷ lệ chiết khấu chuẩn cho từng loại. Bên cạnh việc trích lập dự phòng cụ thể, các tổ chức tín dụng phải thực hiện trích lập dự phòng chung bằng 0,75 % tổng giá trị của các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Ngày 23/4/2012, NHNN ban hành Quyết định 780⁸¹ cho phép các tổ chức tín dụng giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản cho vay được “cơ cấu lại thời hạn trả nợ”⁸² thay vì phân loại sang nhóm xấu hơn và tăng mức trích lập dự phòng tương ứng. Trên thực tế, Quyết định 780 đã mở ra cơ chế cho các tổ chức tín dụng giữ tỷ lệ nợ xấu “theo báo cáo” trong ngưỡng cho phép. Nếu như quyết định 493 tiếp tục được áp dụng, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống được ước tính phải cao hơn nhiều mức báo cáo là 5%. Quyết định 780 cũng tạo điều kiện cho doanh nghiệp có khoản nợ được gia hạn sẽ duy trì được chỉ số tín nhiệm với các tổ chức tín dụng và do đó tiếp tục có cơ hội được vay vốn.

Ngày 21/1/2013, NHNN ban hành Thông tư 02/2013/TT-NHNN, siết lại quy định về đo lường và công bố nợ xấu. Kể từ ngày hiệu lực 1/6/2013, Thông tư này buộc các tổ chức tín dụng phải công bố tất cả các khoản nợ quá hạn và dự phòng rủi ro tín dụng.

Một quy định then chốt của Thông tư 02 là các tổ chức tín dụng cần sử dụng thông tin xếp hạng tín nhiệm do Trung tâm Thông tin Tín dụng (CIC) cung cấp trong quá trình phân loại nợ và đánh giá trích lập dự phòng. Nếu xếp hạng tín nhiệm của một khách hàng do tổ chức tín dụng đưa ra cao hơn xếp hạng của CIC thì tổ chức tín dụng phải hạ mức tín nhiệm của khách hàng này xuống bằng mức xếp hạng của CIC. Điều này cũng có nghĩa là một khách hàng có nợ quá hạn với một tổ chức tín dụng thì không thể có xếp hạng tín nhiệm tốt với bất kỳ tổ chức tín dụng nào khác. Thông tư 02 cũng yêu cầu các tổ chức tín dụng được chấp thuận thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo phương pháp định tính phải đồng thời thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo phương pháp định lượng. Trường hợp kết quả phân loại theo hai phương pháp khác nhau thì khoản nợ, cam kết ngoại bảng phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn. Thời gian tối thiểu phải thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng đồng thời theo cả hai phương pháp là 5 năm kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Các quy định mới này gây nên nhiều lo ngại trong các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp và nhà đầu tư. Tại thời điểm đó, các chuyên gia phân tích tài chính ước tính tỷ lệ nợ xấu “theo báo cáo” sẽ tăng gấp 3 lần nếu các quy định này được áp dụng ngay lập tức. Ngân hàng Nhà nước

81 Quyết định 780/2012/QĐ-NHNN Về cơ cấu lại nợ, gia hạn nợ.

82 Các khoản vay quá hạn nhưng theo đánh giá của tổ chức tín dụng là vẫn có khả năng thu hồi trong tương lai.

do đó đã phải ban hành “Thông tư 02 sửa đổi” vào ngày 18/3/2014, gọi tên là Thông tư 09/2014, 3 tháng trước ngày hiệu lực của Thông tư 02. Thông tư 09 cho phép hoãn thời hạn áp dụng xếp hạng tín nhiệm của CIC và cho phép các tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, với điều kiện đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chặt chẽ hơn Quyết định 780 về tín dụng và an toàn. Việc cơ cấu lại nợ và giữ nguyên nhóm nợ này chỉ được phép thực hiện 1 lần và chỉ được áp dụng đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Với hiệu lực của mình Thông tư 09 đã cho phép các tổ chức tín dụng hoãn việc áp dụng xếp hạng tín nhiệm của CIC, dù mức xếp hạng này thấp hơn mức xếp hạng tín nhiệm trên sổ sách của tổ chức tín dụng, đến 31/3/2015.

Tác động tới báo cáo tài chính và công bố thông tin

Báo cáo tài chính của các tổ chức tín dụng trong giai đoạn 2011-2014 được soạn lập tuân theo các quy định nêu trên. Nghĩa là:

- Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của các tổ chức tín dụng khi báo cáo theo các quy định này khả quan hơn khi áp dụng các chuẩn mực kế toán được quốc tế công nhận do các khoản cho vay được đánh giá cao hơn và do đó trích lập dự phòng rủi ro cho chúng thấp hơn chuẩn mực quốc tế yêu cầu; và
- Ở cấp độ toàn ngành, tỷ lệ nợ xấu cũng được báo cáo thấp hơn thực tế, mặc dù không thể xác định được chính xác mức chênh lệch là bao nhiêu nếu không kiểm tra cụ thể từng danh mục cho vay của mỗi tổ chức tín dụng.

Những thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước này nhằm giúp các doanh nghiệp đang khó khăn không bị đột ngột cắt tất cả các cơ hội vay vốn và cho họ thêm thời gian để củng cố lại công việc kinh doanh và trả nợ.

Công ty Quản lý Tài sản Việt Nam (VAMC)

Thực trạng

Một biện pháp chủ chốt trong Đề án tái cơ cấu khu vực ngân hàng là việc thành lập VAMC vào tháng 5/2013. VAMC được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập dưới hình thức doanh nghiệp nhà nước chịu sự quản lý của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, với vốn điều lệ 2000 tỷ đồng⁸³. Vai trò của VAMC là hỗ trợ các tổ chức tín dụng cơ cấu lại nợ xấu và củng cố danh mục cho vay. Quy định về “hoạt động không vì lợi nhuận” và “bảo tồn và tăng vốn điều lệ” trong Điều lệ thành lập VAMC trở thành bất cập đối với Công ty và hạn chế khả năng tham gia bất kỳ giao dịch có tính rủi ro nào như các doanh nghiệp bình thường khác. Cho tới nay vẫn chưa có nhiều tiến triển trong việc xử lý các tài sản bảo đảm mà VAMC tiếp quản.

83 Thủ tướng chính phủ ban hành Nghị định 34/2015/NĐ-CP và Nghị định 18/2016/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 53/2013/NĐ-CP, tăng vốn điều lệ của VAMC lên 2.000 tỷ đồng và trao nhiều quyền hơn cho VAMC để xử lý nợ xấu và áp dụng nguyên tắc giá trị thị trường.

Ghi nhận trái phiếu trong báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng

Theo cơ chế này, các tổ chức tín dụng có thể loại bỏ các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng kèm theo và thay vào đó là ghi nhận trái phiếu VAMC. Trái phiếu ban đầu được ghi nhận theo mệnh giá (được tính bằng giá trị ghi sổ của khoản nợ bán trừ đi phần dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản nợ bán). Trong thời gian nắm giữ trái phiếu tổ chức tín dụng tiếp tục trích lập dự phòng cho trái phiếu này theo đúng điều khoản của trái phiếu.

Tác động tới báo cáo tài chính và công bố thông tin

Các giao dịch ghi nhận trái phiếu về bản chất chỉ là cơ chế cho phép các tổ chức tín dụng dàn đều chi phí cho các khoản nợ xấu không thể thu hồi trong khoảng thời gian dài hơn và do đó công bố tỷ lệ nợ xấu thấp hơn. Thay vì trình bày giá trị ghi sổ của khoản nợ và các dự phòng giảm giá kèm theo, báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng chỉ nêu nguyên giá của một loại tài sản “sạch” có tên là “trái phiếu VAMC”.

Nợ xấu bán cho VAMC cũng được đưa ra khỏi danh sách nợ dưới tiêu chuẩn

Khi các tổ chức tín dụng bán nợ xấu cho VAMC, nợ xấu này không còn nằm trong sổ sách của các tổ chức tín dụng. Doanh nghiệp vay vốn khi đó có thể xin cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản vay nợ khác hoặc thậm chí có thể xin vay một khoản mới. Nếu vào ngày đáo hạn trái phiếu VAMC, VAMC chưa giải quyết được khoản nợ xấu này mà chuyển lại cho tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng sẽ sử dụng khoản dự phòng đã trích lập cho trái phiếu của VAMC để “xử lý” khoản nợ xấu. Nếu như vậy thì công tác mua bán nợ thực chất lại chỉ là những bút toán nhằm phân loại một doanh nghiệp đang có nợ đọng thành một doanh nghiệp vay nợ bình thường.

Quan điểm của Chính phủ khi thành lập VAMC là VAMC có chức năng, quyền hạn về xử lý nợ xấu và sẽ xử lý nợ xấu tốt hơn tổ chức tín dụng. Điều này sẽ cho phép tổ chức tín dụng được vay tái cấp vốn của NHNN khi bán nợ xấu cho VAMC.

Công tác Thanh tra Giám sát

NHNN là cơ quan giám sát trực tiếp các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. NHNN thực hiện vai trò này thông qua Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng (BSA). BSA là đơn vị tương đương Tổng cục, bao gồm các cục, vụ chức năng chịu trách nhiệm tham mưu cho NHNN quản lý nhà nước đối với các loại hình tổ chức tín dụng, các giao dịch kinh doanh và rủi ro đi kèm. BSA tập trung vào các vấn đề về đảm bảo an toàn, rủi ro và yếu kém trong kinh doanh. BSA có kiểm tra và phân tích báo cáo tài chính của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để phân tích, đánh giá, giám sát. Ngoài ra, BSA cũng giám sát việc bảo đảm công bố thông tin trong báo cáo tài chính được thực hiện đúng quy định. NHNN cũng giao BSA là cơ quan đầu mối của Đề án cơ cấu lại hệ thống ngân hàng Việt Nam 2011 - 2015.

Báo cáo Đánh giá Khu vực Tài chính Việt nam 2014 do Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế đồng thực hiện đã cho rằng chức năng nhiệm vụ của NHNN là giám sát rủi ro hệ thống, tuy nhiên cơ quan này cần được tăng cường hơn nữa về cơ sở dữ liệu và năng lực cần thiết để phân tích các rủi ro hệ thống đang nổi lên. Việc ít tiến hành thanh tra tại chỗ và việc kết hợp giám sát an toàn với giám sát tuân thủ đã làm giảm vai trò giám sát an toàn của NHNN.

Mức độ tuân thủ các Nguyên tắc Cốt lõi Basel (BCP) chưa cao. Các yêu cầu tương đối thấp về các chỉ số thận trọng, chỉ số an toàn vốn, quản trị rủi ro và phân loại tài sản cũng làm cho công tác thanh tra giám sát của BSA chưa phát huy hết tác dụng.

Nguyên tắc cốt lõi Basel số 26 sửa đổi – Kiểm toán và Kiểm soát nội bộ mới chỉ được BSA và các ngân hàng tuân thủ ở mức vừa phải. Tiêu chí chủ yếu của nguyên tắc này yêu cầu cơ quan giám sát xác định các ngân hàng cần phải duy trì: i) hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ; ii) nhân viên có đủ năng lực để thực hiện giám sát và quản lý rủi ro một cách hiệu quả; iii) chức năng kiểm toán nội bộ độc lập, thường xuyên và hiệu lực. BSA đã thực hiện kiểm tra và giám sát chặt chẽ hệ thống kiểm soát nội bộ của các tổ chức tín dụng, cả tại chỗ và thông qua báo cáo hàng ngày. Chức năng kiểm toán nội bộ cũng đã được thành lập và hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên việc không thành lập ủy ban kiểm toán đã làm giảm sự độc lập và hiệu lực của chức năng kiểm toán nội bộ. Đây là vấn đề của cả nền kinh tế và đã được trao đổi riêng trong các phần trước.

Nguyên tắc cốt lõi Basel số 27 sửa đổi – Báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập mới được BSA và các ngân hàng tuân thủ ở mức thấp. Mặc dù từ năm 2015, với quá trình đẩy mạnh chức năng giám sát của SBV, BSA đã được trang bị thêm các kiểm toán viên hành nghề đủ năng lực để làm việc thường xuyên với các công ty kiểm toán về ý kiến kiểm toán cũng như các vấn đề trọng yếu trên BCTC, những hạn chế về khuôn khổ báo cáo tài chính trong nước và việc chưa áp dụng giá trị hợp lý đã gây ra sự thiếu tuân thủ với BCP 27 sửa đổi. Trong nguyên tắc này, “chính sách và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở tầm quốc tế”, “thông lệ định giá nhất quán với chuẩn mực kế toán được quốc tế chấp nhận” và “các ngân hàng trình bày các chênh lệch đáng kể giữa việc định giá cho mục đích lập báo cáo tài chính và mục đích quản lý nhà nước” được xem là các tiêu chí quan trọng đối với việc tuân thủ.

Công tác giám sát của BSA đối với kiểm toán các ngân hàng cần được tăng cường theo đúng yêu cầu của BCP 27 sửa đổi. BSA có trách nhiệm phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán độc lập các tổ chức tín dụng. Các tiêu chí chấp thuận tuy nhiên còn mang tính định lượng đơn thuần như mức vốn điều lệ, số lượng kiểm toán viên hành nghề và số năm kinh nghiệm. Các yếu tố như phương pháp luận kiểm toán, hồ sơ kiểm toán hay quy trình kiểm soát chất lượng chưa được bao gồm trong các tiêu chí chấp thuận này. BCP 27 sửa đổi yêu cầu cơ quan giám sát phải can thiệp nhiều hơn vào quá trình quản lý kiểm toán của các ngân hàng, từ việc xác định phạm vi kiểm toán đến miễn nhiệm các công ty kiểm toán độc lập nếu họ không đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn, tính độc lập hay các chuẩn mực nghề nghiệp.

Nguyên tắc cốt lõi Basel số 28 sửa đổi – Công bố và minh bạch thông tin mới được BSA và các ngân hàng tuân thủ ở mức vừa phải. Các thông tin tài chính công bố trong báo cáo thường niên của các ngân hàng khá toàn diện, bao gồm cả thông tin định tính và định lượng về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, các vấn đề về rủi ro và quản trị. Việc công bố và minh bạch thông tin của lĩnh vực tài chính được xếp hạng tốt nhất trong số những đơn vị có lợi ích công chúng của nền kinh tế. Tuy nhiên chất lượng thông tin một lần nữa lại bị ảnh hưởng bởi những khác biệt của chuẩn mực BCTC trong nước so với quốc tế. BSA cũng ít khi thực hiện giám sát việc tuân thủ chuẩn mực của các thông tin công bố đó. Việc công bố báo cáo tài chính lập theo IFRS cũng không được khuyến khích và không được giám sát.

Các tổ chức tín dụng niêm yết cũng chịu sự giám sát của UBCKNN - 8 trong số hơn 30 tổ chức tín dụng trong nước là doanh nghiệp niêm yết. Công tác thanh tra giám sát chủ yếu tập trung vào nội dung tuân thủ chính sách và quy định của pháp luật. UBCKNN cũng có chức

năng phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán độc lập cho các đơn vị có lợi ích công chúng. Tuy nhiên giữa UBCKNN và BSA không có cơ chế phối hợp chính thức nào trong việc phê duyệt danh sách công ty kiểm toán hay quy trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

KTNN và Thanh tra Chính phủ thực hiện chức năng thanh kiểm tra đối với các tổ chức tín dụng có vốn nhà nước nhằm bảo tồn phần vốn và tài sản nhà nước trong các đơn vị này. KTNN chỉ tiến hành kiểm toán tuân thủ và không đưa ra ý kiến kiểm toán trong báo cáo tài chính của các tổ chức tín dụng. Thanh tra Chính phủ thực hiện công tác thanh tra theo vụ việc trên cơ sở rủi ro được phản ánh từ các nguồn khác nhau bao gồm cả đơn thư khiếu nại. Chất lượng báo cáo tài chính, việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán hay quy trình kiểm soát chất lượng kiểm toán chưa được các cơ quan giám sát nhà nước lưu tâm.

Kết quả kiểm toán và thanh tra thường không được công khai. Mặc dù Nghị định 26/2014/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng quy định kết quả thanh tra phải được công khai, nghị định này lại đồng thời cho phép những ngoại lệ khi “những nội dung trong kết luận thanh tra thuộc bí mật nhà nước và nội dung nhạy cảm mà việc công bố có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của đối tượng thanh tra”. Đa số các kết quả thanh tra giám sát đã không được công khai vì lí do này.

Sự khác biệt với VAS của các quy định, hướng dẫn do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành và IFRS, cộng việc các cơ quan thanh tra giám sát chưa chú trọng giám sát tuân thủ chuẩn mực kế toán đã phần nào hạn chế giá trị của báo cáo tài chính theo chuẩn mực VAS của các tổ chức tín dụng. Báo cáo theo VAS lại là phiên bản được công bố ra công chúng, nếu các tổ chức tín dụng có lập báo cáo tài chính theo IFRS thì cũng chỉ dành riêng cho các nhà đầu tư chiến lược hay chủ nợ nước ngoài. NHNN chưa có các quy định liên quan đến việc công bố báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS của các tổ chức tín dụng.

B. CÔNG TY BẢO HIỂM

Báo cáo tài chính của các Công ty Bảo hiểm được soạn lập theo các quy định của Thông tư 125/2012/TT-BTC thay vì tuân thủ theo VAS 19 Hợp đồng bảo hiểm khi ghi nhận và đánh giá các nghĩa vụ nợ bảo hiểm. Trong quyết định thành lập của mình, Cục Quản lý Giám sát bảo hiểm cũng không được giao nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ chuẩn mực báo cáo tài chính của các công ty bảo hiểm, mà chỉ thực hiện giám sát nghiệp vụ và giám sát an toàn.

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TRONG KHU VỰC DNNN

YÊU CẦU VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các DNNN phải tuân thủ các quy định về báo cáo tài chính và công bố thông tin theo quy định của Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định khác như đã nêu tại báo cáo này. Ngoài ra, Nghị định 87 cùng với Thông tư 200 có hiệu lực từ năm tài chính 2016 bổ sung thêm các yêu cầu và hướng dẫn chi tiết công tác kiểm tra giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với các DNNN. Theo các văn bản này, các doanh nghiệp cần công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cùng với đầy đủ thuyết minh, các thông tin về quản trị trong kỳ, các thông tin về lao động tiền lương. Các cơ quan chủ sở hữu cũng cần phải công khai các thông tin về tình hình bảo toàn và phát triển vốn, tình hình tài chính và kết quả giám sát tài chính của các doanh nghiệp mình quản lý

Nghị định 87 (trước đó là Nghị định 61) cùng với các Thông tư hướng dẫn là một bước tiến lớn trong việc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, cải thiện minh bạch và trách nhiệm giải trình trong khu vực DNNN. Tuy vậy, thực tế là mặc dù các quy định yêu cầu nhiều thông tin trên cần được công bố trên website của DNNN trước thời điểm 31 tháng 8 cùng năm đối với thông tin 6 tháng và trước ngày 31/5 năm sau đối với thông tin năm, cho đến nay chỉ có rất ít cơ quan giám sát hay DNNN thực hiện quy định này. Tại thời điểm xây dựng báo cáo này, mới chỉ có thành phố Hồ Chí Minh công bố thông tin về một số ít DNNN cho năm 2015. Sự ra đời của Nghị định 87 với điều 47 về xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật nhằm giải quyết các vấn đề không tuân thủ về công bố thông tin này.

Công tác Thanh tra Giám sát

Nghị định 87 và điều lệ của SCIC đề ra nhiệm vụ giám sát tài chính và đánh giá hoạt động của các cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước như sau:

- **Các Bộ chủ quản**, với vai trò là cơ quan đại diện chủ sở hữu, có nhiệm vụ phối hợp với Bộ Tài chính trong công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh

ng nghiệp là công ty mẹ và công ty TNHH một thành viên độc lập do Bộ chủ quản quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý.

- **Ủy ban Nhân dân tỉnh**, với vai trò là cơ quan đại diện chủ sở hữu, có nhiệm vụ giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty mẹ và công ty TNHH một thành viên độc lập do UBND tỉnh thành lập.
- **Bộ Tài chính và Sở Tài chính**
 - o Bộ Tài chính phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu giám sát tài chính các công ty mẹ và công ty TNHH một thành viên độc lập do Bộ ngành thành lập hoặc được giao quản lý, tổng hợp báo cáo Chính phủ kết quả giám sát tài chính của các cơ quan đại diện chủ sở hữu.
 - o Các Sở Tài chính thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính của các doanh nghiệp do UBND tỉnh thành lập.
- **Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)** đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp đã cổ phần hóa, bao gồm cả các doanh nghiệp có lợi ích công chúng và cả các doanh nghiệp không có lợi ích công chúng, doanh nghiệp niêm yết và không niêm yết, thực hiện giám sát tài chính tại các doanh nghiệp này. Sau khi nhận được báo cáo tài chính, các phòng ban khác nhau (quản lý danh mục đầu tư, rủi ro và tài chính) sẽ kiểm tra và cho ý kiến nhằm hạn chế rủi ro cũng như tăng cường hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Nếu SCIC phát hiện báo cáo tài chính có sai sót hoặc nếu ý kiến cơ quan kiểm toán đưa ra là chấp nhận từng phần, SCIC sẽ thảo luận với Ban giám đốc của doanh nghiệp và cơ quan kiểm toán nhằm tìm hướng giải quyết phù hợp.

Một số hạn chế của các báo cáo tài chính DNNN theo VAS (xem dưới đây) cũng như việc chưa tuân thủ với các yêu cầu về công bố thông tin làm hạn chế trách nhiệm giải trình của đơn vị quản lý tài sản nhà nước đối với chủ sở hữu của các tài sản đó - là người dân Việt Nam. Mặc dù các thông tư và nghị định yêu cầu công bố báo cáo tài chính các DNNN đã được ban hành, việc thực thi các yêu cầu công bố thông tin này còn chưa đầy đủ, do các quy định này mới được ban hành và do hạn chế về hạ tầng kỹ thuật. Trên thực tế, chủ sở hữu cao nhất là công dân Việt Nam cần được biết về tình hình hoạt động và khả năng thanh khoản của các DNNN thông qua báo cáo tài chính công khai của các DNNN. Để báo cáo tài chính thực sự là căn cứ đáng tin cậy phục vụ công tác giám sát và đánh giá hoạt động của các DNNN, việc lập báo cáo chỉ nên tuân thủ các chuẩn mực kế toán thay vì có một số quy định hay hướng dẫn đặc thù trái với chuẩn mực.

Qua xem xét chọn mẫu một báo cáo tài chính DNNN lập theo VAS cho thấy

Các quy định và hướng dẫn đặc thù

Vẫn còn trường hợp báo cáo tài chính lập và trình bày theo VAS có phương pháp hạch toán kế toán một số giao dịch dựa trên quy định tài chính đặc thù đối với ngành có thực hiện nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô thay vì tuân thủ hoàn toàn chuẩn mực kế toán và thông lệ.

Trong trường hợp này, ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính lập theo VAS của DNNN đều là chấp nhận toàn phần, mặc dù thực tế là cách hạch toán đặc thù này đã làm thay đổi bảng cân đối kế toán cũng như báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp một cách tương đối. Điều

này đặt ra những câu hỏi nhất định về chất lượng báo cáo tài chính lập theo VAS của một số DNNN, vì báo cáo tài chính của DNNN được hưởng cơ chế đặc thù này khó so sánh được ngay cả với các DNNN khác. Các báo cáo tài chính như vậy được sử dụng trong hoạt động giám sát tài chính để có thể kết luận hoạt động của DNNN là “an toàn” hay “không an toàn” cũng là một vấn đề cần quan tâm.

Kiểm toán viên lạm dụng khái niệm “các vấn đề cần lưu tâm” thay vì ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Có một số trường hợp công ty kiểm toán không đề cập tới những vấn đề trọng yếu (như công nợ tiềm tàng, tài sản đảm bảo hay vốn hóa chi phí), hoặc đưa chúng vào phần các vấn đề cần lưu ý thay vì ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Sử dụng khái niệm vấn đề cần lưu ý là không phù hợp trong các tình huống mà việc không tuân thủ VAS có ảnh hưởng lớn tới báo cáo tài chính.

Khác biệt giữa VAS và IFRS

VAS03 - Tài sản cố định hữu hình có điểm khác biệt với IAS 16 - Đất đai, Nhà xưởng và Thiết bị. Chuẩn mực VAS03 - Tài sản cố định hữu hình quy định trường hợp TSCĐ được đánh giá lại theo quyết định của Nhà nước thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải điều chỉnh theo giá đánh giá lại. Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản được xử lý và kế toán theo quy định của Nhà nước. IAS 16 đòi hỏi chính sách kế toán theo mô hình định giá lại tài sản và yêu cầu việc đánh giá lại nếu được áp dụng thì phải áp dụng cho toàn bộ các tài sản thuộc cùng hạng mục đất đai, nhà xưởng và thiết bị.

VAS chưa có các chuẩn mực tương đương với IAS 32 và IAS 39, Công cụ tài chính, IAS 36, Giảm giá trị tài sản, IFRS 2, IFRS 13, Giá trị hợp lý. Do vậy, giữa báo cáo tài chính theo chuẩn mực VAS với báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS có sự khác biệt về tình hình tài chính, hoạt động tài chính và công bố thông tin báo cáo tài chính của các DNNN lập theo VAS.

Những khác biệt này cũng dẫn đến những điểm không nhất quán trong báo cáo tài chính và ý kiến kiểm toán đối với các DNNN. Ví dụ, lợi nhuận trước thuế của một DNNN theo báo cáo tài chính IFRS cao hơn đến 90% so với báo cáo tài chính VAS do hạch toán khác nhau về chênh lệch tỷ giá. Ngoài ra, ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính theo IFRS của DNNN này cũng khác biệt so với ý kiến về báo cáo tài chính theo VAS ở các khoản mục đánh giá lại tài sản, vốn hóa chi phí, và việc chưa tuân thủ IAS 32 và IAS 39.

Nhằm tuân thủ hiệp định vay vốn từ các nhà tài trợ đa phương, một DNNN (được khảo sát) được yêu cầu lập thêm báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS. Qua rà soát nhận thấy trong trường hợp này, báo cáo tài chính theo IFRS được Công ty kiểm toán giúp lập và đơn thuần chỉ là chuyển đổi từ báo cáo VAS thông qua việc một số bút toán điều chỉnh và trình bày thông tin chi tiết hơn theo IFRS. Ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo IFRS này thường là “ý kiến ngoại trừ”, và do đó báo cáo theo IFRS thường không có nhiều giá trị sử dụng.

PHỤ LỤC III - MỘT SỐ VÍ DỤ KHÔNG TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS)

Nhóm ROSC đã rà soát 35 BCTC theo VAS của các doanh nghiệp có lợi ích công chúng của năm 2014, bao gồm ngân hàng, công ty bảo hiểm, các công ty sản xuất thuộc nhiều ngành nghề, công ty nhà nước được cổ phần hóa và một tập đoàn nhà nước. Hạn chế về việc tiếp cận BCTC của các DNNN được nêu trong Phụ lục II. BCTC lập theo IFRS của 4 ngân hàng, 1 công ty bảo hiểm và một tập đoàn nhà nước cũng được rà soát để so sánh và tham chiếu. Quá trình rà soát cho thấy một số điểm không tuân thủ, bao gồm:

Bất động sản đầu tư

Theo chuẩn mực VAS 5, bất động sản đầu tư sau ghi nhận ban đầu, trong thời gian nắm giữ được xác định theo nguyên giá, số khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trong đa số trường hợp, các thuyết minh về chính sách kế toán đều không đưa ra định nghĩa rõ ràng về bất động sản đầu tư. Tình trạng thiếu thông tin này gây nên quan ngại rằng việc phân loại bất động sản có thể không tuân thủ VAS 3, Tài sản Cố định Hữu hình và VAS 5, Bất động sản Đầu tư hay VAS 6, Thuê tài sản. Việc trình bày doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cũng chưa tuân thủ theo VAS 5. Mặc dù VAS 5 yêu cầu doanh nghiệp phải trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vào cuối kỳ kế toán, VAS 5 quy định khi doanh nghiệp không thể được xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư thì phải trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính về danh mục bất động sản đầu tư và lý do không xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Do đó, các doanh nghiệp thường có xu hướng lựa chọn không trình bày giá trị hợp lý nhưng thường không có giải thích kèm theo lý do vì sao không trình bày được giá trị hợp lý⁸⁴.

Đất đai, Nhà xưởng và Thiết bị (PPE)

Khác với IAS 16, **Đất đai, Nhà xưởng và Thiết bị**, VAS 3 không có các yêu cầu về tính toán và ghi nhận chi phí tháo dỡ, di chuyển và phục hồi tài sản. Khi xác định nguyên giá PPE, VAS 3 chỉ yêu cầu bao gồm trong nguyên giá các chi phí phát sinh từ việc lắp đặt tài sản. VAS 3 quy định trường hợp TSCĐ được đánh giá lại theo quy định của Nhà nước thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Thông tư 45/2013/TT-BTC về quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định cũng đưa ra hướng dẫn về việc đánh giá lại tài sản. Các thuyết minh về tài sản cố định của các doanh nghiệp được kiểm tra chọn mẫu nhìn chung không bao gồm các thông tin liên quan đến các tài sản đã khấu hao hết và tài sản đang được thể chấp theo như yêu cầu của VAS 3 và VAS 4⁸⁵.

Thuê tài sản

Hầu như có rất ít thông tin về chính sách kế toán dành cho tài sản thuê hoạt động và thuê tài chính. Vì vậy, các chi tiết về hợp đồng thuê tài sản theo yêu cầu của VAS 6 - Thuê tài sản, không được trình bày. Điều này dẫn đến những khó khăn trong việc phân loại đúng và hạch toán tài sản thuê tài chính và thuê hoạt động. Thông tư 200 yêu cầu công bố thông tin để xác định các chi phí có liên quan cũng như các phương pháp khấu hao áp dụng cho thuê tài sản.

Đối chiếu thu nhập chịu thuế và lợi nhuận kế toán

Do những khác biệt giữa VAS và quy định thuế hiện hành, doanh nghiệp cần ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả và trình bày trong báo cáo tài chính. VAS 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp yêu cầu các doanh nghiệp phải trình bày bảng đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận kế toán trong báo cáo tài chính, cùng với phần thuyết minh chi tiết các điểm khác biệt. Trong số các báo cáo soát xét, gần như không có phần thuyết minh chi tiết liên quan đến thuế thu nhập hoãn lại này⁸⁶.

Tài sản và công nợ tiềm tàng

Trong nhiều trường hợp, các thông tin liên quan đến tính chất các tài sản và công nợ tiềm tàng theo VAS 18 - Các khoản dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng không được công bố đầy đủ hoặc hoàn toàn bị bỏ qua. VAS 18 yêu cầu các doanh nghiệp công khai trong báo cáo tài chính tính chất của các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng, khả năng phát sinh và tác động đối với tình hình tài chính hoặc giải trình lý do tại sao không công khai các thông tin này. Tình trạng thiếu thông tin về các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng theo yêu cầu của VAS 18, có thể dẫn tới việc trình bày không chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp và đưa thông tin sai lệch cho người sử dụng báo cáo tài chính. Trong một số trường hợp cụ thể, một số khoản mục được trình bày như nợ tiềm tàng lại không đáp ứng đủ tiêu chí nợ tiềm tàng theo định nghĩa của VAS 18 vì khoản mục này thực tế cần trích lập dự phòng. Có một trường hợp đã thực hiện trích lập khoản dự phòng nhưng đồng thời vẫn được trình bày là nợ tiềm tàng trong báo cáo tài chính.⁸⁷

85 Thông tư 200 có quy định cụ thể về việc doanh nghiệp phải trình bày TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng và TSCĐ đang được dùng để cầm cố, thế chấp trên thuyết minh BCTC.

86 Thông tư 200/2014 đã có quy định về việc đánh giá, khấu hao và ghi nhận BĐS đầu tư đồng thời cũng có quy định trình bày chi tiết về BĐSĐT trên Thuyết minh BCTC.

87 Thông tư 200/2014/TT-BTC đã yêu cầu doanh nghiệp thuyết minh về dự phòng và nợ tiềm tàng.

Giao dịch với bên liên quan

Mặc dù IAS 24 (sửa đổi năm 2010) đã nêu rõ các giao dịch và số dư với đơn vị do nhà nước kiểm soát, đồng kiểm soát hay có ảnh hưởng lớn giống như đối với chính đơn vị báo cáo (tức là bên liên quan) được miễn khỏi yêu cầu trình bày những điều này không được quy định rõ trong VAS 26 - *Công bố thông tin về các bên liên quan*. Nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam, trong đó có một số tổ chức tài chính, bỏ qua không công bố những thông tin quan trọng như mối quan hệ và các giao dịch, khối lượng giao dịch với bên liên quan và số dư tương ứng. Việc công bố thông tin về các giao dịch lớn và quan hệ với bên liên quan theo VAS 26 là yêu cầu thiết yếu để người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ tình trạng và kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp, và mang lại niềm tin cho các nhà đầu tư nhỏ rằng họ cũng được đối xử công bằng. Việc trình bày đầy đủ thông tin về các bên liên quan trên báo cáo tài chính là một yếu tố quan trọng cho quá trình minh bạch thông tin, đặc biệt là trong khu vực tư nhân và sở hữu nhà nước.⁸⁸

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Đối với phần lớn các doanh nghiệp được chọn mẫu rà soát, báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh chưa được thông tin đầy đủ trong báo cáo tài chính. Vấn đề này chủ yếu liên quan đến các tổng công ty và ngân hàng lớn hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó các thông tin chi tiết về doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tổng tài sản, tổng nợ và chi phí đầu tư cho các lĩnh vực kinh doanh khác nhau, cũng như thông tin về cơ sở tính toán hay các bản đối chiếu giữa tổng doanh thu, lỗ lãi và các khoản mục trọng yếu của các lĩnh vực so với số liệu tổng hợp của đơn vị báo cáo. Thiếu thông tin liên quan đến bất kỳ nội dung nào trong những lĩnh vực này đều phản ánh báo cáo tài chính của các doanh nghiệp không tuân thủ yêu cầu của VAS 28 - Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

Sửa chữa các sai sót được phát hiện

Sai sót phát sinh trong các kỳ báo cáo trước được trình bày trong phần thuyết minh mà không kèm theo thông tin chi tiết về tính chất của sai sót, phạm vi sửa chữa trong mỗi kỳ kế toán trước đây đang được trình bày (trong chừng mực cho phép) đối với từng khoản mục trong báo cáo tài chính bị ảnh hưởng cũng như các điều chỉnh vào số liệu trình bày đầu kỳ. Việc trình bày thiếu các thông tin này đi ngược lại với VAS 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, cũng như không giúp cho người sử dụng hiểu rõ tác động của những sai sót đó đối với bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Hợp đồng bảo hiểm

Doanh thu và nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm không được ghi nhận theo VAS 19 - Hợp đồng Bảo hiểm. Dự phòng nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm được trích lập dựa trên một ma trận dự phòng thay vì theo đúng VAS 19. Theo ma trận này, cần phải trích lập dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa báo cáo và dự phòng dao động lớn về tổn thất tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Theo VAS 19, không cần trích lập dự phòng cho nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm

88 Thông tư 200/2014/TT-BTC đã yêu cầu doanh nghiệp thuyết minh về giao dịch và số dư với các bên liên quan.

nếu nghĩa vụ đó không tồn tại tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. VAS không đưa ra công thức tính toán trích lập dự phòng nhưng yêu cầu tính theo giá trị hiện tại của các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay

Mặc dù thuyết minh báo cáo tài chính có đề cập tới hàng tồn kho hay các tài sản khác làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay, rất ít thông tin về giá trị tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay được công khai trong báo cáo tài chính như VAS 2 và VAS 3 yêu cầu.

PHỤ LỤC IV

CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN

Luật Kế toán	Luật Kế toán số 03/2003/QH11 Luật Kế toán sửa đổi 88/2015/QH13
Luật Kiểm toán Nhà nước	Luật Kiểm toán Nhà nước số 81/2015/QH13
Luật các Tổ chức Tín dụng	Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12
Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13
Luật Kiểm toán Độc lập	Luật Kiểm toán Độc lập số 67/2011/QH12
Luật Kinh doanh Bảo hiểm	Luật Kinh doanh Bảo hiểm Số 24/2000/QH10 và Luật sửa đổi số 61/2010/QH12
Luật Chứng khoán	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung số 62/2010/QH12
Luật Ngân hàng Nhà nước	Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 46/2010/QH12

Các thông tư và nghị định liên quan

Nghị định 61	Nghị định 61/2013/NĐ-CP ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với Doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước
Nghị định 56	Nghị định 56/2009/NĐ-CP về Trợ giúp các Doanh nghiệp vừa và nhỏ
Nghị định 26	Nghị định 26/2014/ NĐ-CP về Tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng

Nghị định 84	Nghị định 84/2015/ND-CP về Tiêu chuẩn điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng
Nghị định 99	Nghị định 99/2012/NĐ-CP về Phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp
Nghị định 17	Nghị định 17/2012/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập
Nghị định 87	Nghị định 87/2015/NĐ-CP về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước
Nghị định 73	Nghị định 73/2012/NĐ-CP về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực Giáo dục
Thông tư 200	Thông tư 200/2014/TT-BTC về Chế độ Kế toán doanh nghiệp
Thông tư 210	Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính
Thông tư 171	Thông tư 171/2013/TT-BTC Hướng dẫn công khai thông tin tài chính theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ
Thông tư 150	Thông tư 150/2012/TT-BTC Hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kiểm toán viên đang hành nghề kiểm toán
Thông tư 158	Thông tư 158/2013/TT-BTC Hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước
Thông tư 196	Thông tư 196/2011/TT-BTC Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần
Thông tư 02	Thông tư 02/2013/TT-NHNN Quy định về phân loại tài sản, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
Thông tư 232	Thông tư 232/2012/TT-BTC Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài

Thông tư 45	Thông tư 45/2013/TT-BTC Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định
Thông tư 202	Thông tư 202/2014/TT-BTC Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất
Thông tư 53	Thông tư số 53/2006/TT-BTC Hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp
Thông tư 87	Thông tư số 87/2011/TT- BTC Hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại tài sản và vốn của doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 10/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ
Thông tư 125	Thông tư 125/2012/TT-BTC Hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài
Thông tư 36	Thông tư 36/2014/TT-NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
Thông tư 14	Thông tư 14/2014 TT-NHNN Về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của Tổ chức Tín dụng ban hành theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước
Thông tư 14	Thông tư 14/2016/TT-BTC Về cơ chế tài chính khi các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, cân đối cung cầu cho nền kinh tế
Thông tư 157	Thông tư 157/2014/TT-BTC Quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán
Thông tư 07	Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT Về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ
Thông tư 10	Thông tư 10/2014/TT-NHNN Về sửa đổi, bổ sung một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức Tín dụng ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN
Thông tư 09	Thông tư 09/2014/TT-NHNN Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp

trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Thông tư 200/2015	Thông tư 200/2015/TT-BTC về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước
Thông tư 183	Thông tư 183/2013/TT-BTC Về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng
Thông tư 56	Thông tư 56/2015/TT-BTC Về cập nhật kiến thức cho các kiểm toán viên
Quyết định 493	Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN Ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng
Quyết định 15	Quyết định 15/2006/QĐ-BTC Về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp
Quyết định 780	Quyết định 780/2012/QĐ-NHNN Về cơ cấu lại nợ, gia hạn nợ
Quyết định 480	Quyết định 480/2013/QĐ-TTG Phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030
Quyết định 711	Quyết định 711/2012/QĐ-TTG Phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”
Quyết định 70	Quyết định 70/2014/QĐ-TTG Ban hành Điều lệ Trường đại học
Quyết định 479	Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN Về việc ban hành Hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng
Quyết định 352	Quyết định 352/2011/QĐ-TTG Về thí điểm kiểm kê và đánh giá lại tài sản và vốn của một số Doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ

PHỤ LỤC V

ĐẠI DIỆN CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ THAM GIA BÁO CÁO

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CƠ QUAN CHÍNH PHỦ
01	Ông Vũ Đức Chính	Vụ trưởng	Vụ ĐKKT và Kiểm toán	Bộ Tài chính
02	Ông Đặng Thái Hùng	Nguyên Vụ trưởng	Vụ ĐKKT và Kiểm toán	Bộ Tài chính
03	Bà Lê Tuyết Nhung	Phó Vụ trưởng	Vụ ĐKKT và Kiểm toán	Bộ Tài chính
04	Ông Trịnh Đức Vinh	Trưởng phòng	Vụ ĐKKT và Kiểm toán	Bộ Tài chính
05	Bà Phạm Thị Loan	Phó trưởng phòng	Vụ ĐKKT và Kiểm toán	Bộ Tài chính
06	Bà Phạm Thị Minh Hằng	Phó trưởng phòng	Vụ ĐKKT và Kiểm toán	Bộ Tài chính
07	Bà Trương Thị Mai Phương	Chuyên viên	Vụ ĐKKT và Kiểm toán	Bộ Tài chính
08	Bà Phạm Thị Thanh	Chuyên viên	Vụ ĐKKT và Kiểm toán	Bộ Tài chính
09	Ông Nguyễn Hoàng Long	Chuyên viên	Vụ ĐKKT và Kiểm toán	Bộ Tài chính
10	Bà Trần Thị Ánh Tuyết	Chuyên viên	Vụ ĐKKT và Kiểm toán	Bộ Tài chính
11	Bà Trịnh Phong Lan	Phó Vụ trưởng	Vụ Tài chính ngân hàng	Bộ Tài chính
12	Bà Hồ Thanh Thùy	Chuyên viên	Vụ Tài chính ngân hàng	Bộ Tài chính
13	Bà Nguyễn Thu Thủy	Phó Vụ trưởng	Vụ Pháp chế	Bộ Tài chính
14	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chuyên viên	Vụ Pháp chế	Bộ Tài chính
15	Ông Đặng Quyết Tiến	Phó Cục trưởng	Cục Tài chính doanh nghiệp	Bộ Tài chính
16	Ông Phạm Đức Hưng	Phó trưởng phòng	Cục Tài chính doanh nghiệp	Bộ Tài chính
17	Bà Trần Thị Diệu Hằng	Trưởng phòng	Cục Quản lý giám sát bảo hiểm	Bộ Tài chính
18	Bà Trần Thanh Hà	Trưởng phòng	Cục Quản lý giám sát bảo hiểm	Bộ Tài chính
19	Bà Trương Thị Thủy	Phó giám đốc	Học viện Tài chính	Bộ Tài chính
20	Ông Ngô Như Vinh	Giảng viên	Học viện Tài chính	Bộ Tài chính
21	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Chuyên viên chính	Vụ Giáo dục Đại học	Bộ Giáo dục Đào tạo
22	Bà Đào Thị Thu Vinh	Phó Vụ trưởng	Vụ chế độ và kiểm soát chất lượng kiểm toán	Kiểm toán Nhà nước
23	Ông Trương Anh Hùng	Phó Vụ trưởng	Vụ giám sát an toàn hệ thống ngân hàng – Cơ quan thanh tra giám sát	Ngân hàng Nhà nước
24	Bà Phạm Thị Minh Nghĩa	Phó Vụ trưởng	Vụ Tài chính Kế toán	Ngân hàng Nhà nước
25	Ông Bùi Hoàng Hải	Phó Vụ trưởng	Vụ Quản lý phát hành	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
26	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Chuyên Viên	Vụ Quản lý phát hành	Ủy ban chứng khoán Nhà nước



Hội Luật gia Việt Nam**Nhà xuất bản Hồng Đức**

- Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
- Điện thoại: 024.3 9260024 – Fax: 024.3 9260031

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc**Chịu trách nhiệm nội dung:** TS. Khuất Duy Kim Hải**Biên tập:** Nguyễn Khắc Oánh**Bìa và trình bày:** Nhà xuất bản Hồng Đức

Đối tác liên kết**Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam**

- Địa chỉ: 63 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

In 1.000 cuốn, khổ 20,5cm x 28,5cm

Tại: Công ty CP in Sách Việt Nam

Địa chỉ: 22B Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số XNĐKXB: 3631 - 2017/CXBIPH/01 - 81/HĐ

Số QĐXB của NXB: 379/QĐ-NXBHĐ

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-89-1352-6

In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.

